

CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

ĐẠO UYÊN

XUÂN 2020

33

ĐẠO UYÊN XUÂN 2020

NXB HỒNG ĐỨC



SÁCH ẤN TỔNG
KHÔNG BÁN

ISBN: 978-604-89-3600-6



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo

HUỆ KHẢI chủ biên

ĐẠO UYÊN XUÂN 2020

Hiệp tuyển thơ văn đạo lý – Tập 33

Nhà xuất bản HỒNG ĐỨC
Hà Nội 2020

NỘI DUNG

Giao Cảm – Ban Ấn Tổng	2
THÁNH GIÁO	
Trích Lục Những Lời Dạy Về Nhà Tu, Tu Sinh, Tu Sĩ, Giáo Sĩ	5
KHẢO CỨU SÁNG TÁC TRAO ĐỔI	
Buổi Trưa Lan Man, <i>truyện dài (trích)</i> – Hà Nhơn	16
<i>Đối Thoại Liên Tôn</i> : Đồng Quy Nhi Thù Đồ – Gioan Nguyễn Sơn	25
Phật Giáo Bình Dương Đầu Thế Kỷ 20 . . . – Trần Hồng Liên	61
Vai Trò Tôn Giáo Trong Xã Hội Hiện Đại – Hideki Kato	71
Phòng Sách Thanh Châu – Ban Ấn Tổng	78
Dĩ Văn Hội Hữu – Huệ Khải	82
Bà Cổ Tôi, <i>hồi ức</i> – Nguyễn Như Thạch	89
Tình Nghĩa Giáo Khoa Thư – Sơn Nam	99
Đến Với Nhau – Ban Ấn Tổng	120
Mừng Tuổi Cha / Chiều Xuân Trí Huệ, <i>thơ</i> – Phan Trần Đức Thuận	23, 24
Ấn Chứa, <i>thơ</i> – Hoàng Nguyên	24
Màu Hoa Cũ / Xuân Muộn, <i>thơ</i> – Nguyễn Quốc Huân	60, 98
Em Về / Dấu Xuân / Tiếng Xuân / Không Lời, <i>thơ</i> – Vĩnh An	69, 70
Dâng Má Thương, <i>thơ</i> – Bình Nguyên Lộc / Cho, <i>thơ</i> – Võ Văn Pho	81, 98
Giật Mình / Ngày Vẫn Mới, <i>thơ</i> – Đỗ Thị Kết	123, 124
Chạm / Ví Dụ, <i>thơ</i> – Trần Thiên Hồng	123, 124
Gió Bốn Phương – Huệ Khải	125
Kinh Sách Mới In / Phương Danh Ấn Tổng	141, 142

Bìa 1: Tòa Thánh Tây Ninh, hai vị Thái và Ngọc Lễ Sanh.

Nguồn ảnh: <https://farm9.static.flickr.com>

Bìa 4: Ảnh mượn từ video *The Elaborate “Holy Tower” of Caodaism in the Outskirts of Tây Ninh*, xuất bản ngày Thứ Bảy 07-4-2018, phổ biến tại <https://saigoneer.com>



Xuân về hãy đón trời xuân
Bỏ qua những lúc phong trần đã qua
Chúc cho huynh đệ hiệp hòa
Phổ truyền đạo đức nước nhà an khương.

BẠCH HẠC ĐỒNG TỬ

Thánh thất Nam Thành

Tuất thời, 01-01 Ất Tỵ (Thứ Ba 02-02-1965)

Chúc Mừng Năm Mới
Xuân Canh Tý 2020

CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

Ảnh minh họa cho bìa 4 Đạo Uyển Xuân 2020 được mượn từ video *The Elaborate “Holy Tower” of Caodaism in the Outskirts of Tay Ninh*, xuất bản ngày Thứ Bảy 07-4-2018, và phổ biến tại <https://saigoneer.com>. Bức ảnh cho thấy hai gương mặt đạo hữu Cao Đài, có lẽ là mẹ và con. Quả thật, đây là một ảnh đẹp cả về kỹ thuật lẫn nội dung.

**GAO
CAM**

Riêng về nội dung, bức ảnh nhắc chúng ta nhớ tới trách nhiệm thiêng liêng của các bậc làm cha làm mẹ là hãy sớm dắt dìu con cái mình đến với Đạo Thầy ngay từ lúc tâm hồn trẻ thơ hãy còn trong trắng, nguyên sơ, chưa lấm bụi trần ai.

Tại Chợ Lý Đàm (Vạn Quốc Tự, Sài Gòn), ngày 26-01 Quý Sửu (Thứ Tư 28-02-1973), Đức Mẹ Diêu Trì dạy chúng ta:

Uốn cây từ thuở cây con

Luyện rèn thanh thiếu khi còn bé thơ.

Do đó, mỗi khi tới một thánh thất, thánh tịnh, Tòa Thánh mà thấy có nhiều đạo hữu “bé thơ” cũng đến tập tành cúng bái, dâng lễ thì chúng ta hãy mừng vui cho họ đạo ấy, Hội Thánh ấy nói riêng, và đồng thời cũng mừng vui cho Đạo Thầy nói chung. Lại càng mừng vui hơn hết nếu như các “bé thơ” này còn được quý chức sắc, chức việc tạo điều kiện cho làm quen dần dần với giáo lý căn bản và phù hợp lứa tuổi.

Chúng con cầu nguyện Thầy Mẹ ban ơn cho hàng hàng lớp lớp mầm non Cao Đài sớm được chăm nom, dìu dắt chu đáo.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nam mô Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Từ Tôn.

TRÍCH LỤC NHỮNG LỜI DẠY VỀ NHÀ TU, TU SINH, TU SĨ, GIÁO SĨ

1. Sang năm mới, những gì dĩ vãng hãy trả về cho dĩ vãng. Nên bắt tay nhau, nhìn nhau, thông cảm nhau, kết hợp lại thành một khối, một lực lượng tinh thần vững chắc. Rồi kế tiếp, sẽ bắt tay vào việc chấn chỉnh, xây đắp, kiến thiết lại những **tu viện**, phước thiện, đạo đức học đường, những nơi chùa thất đã bị chiến tranh tàn phá. Gây lại niềm tin tưởng cho đạo hữu của các con, cho nhân thế, chứng minh việc làm cụ thể là Đạo cứu đời. Lúc bấy giờ các con mới có thể không ngại ngừng e thẹn mà hô to bốn chữ *Đại Đạo cứu thế*.

Đức **VÔ CỰC TỪ TÔN**, Thánh Tòa Vô Vi Huỳnh Quang Sắc, Tuất thời, 04-01 Ất Tỵ (Thứ Sáu, 05-02-1965)

*

2. Sau đây là huấn lệnh trong kỳ đệ nhị tam cá nguyệt, để chư hiền đệ muội nhắm vào đó mà tiến hành:

(. . .) Tạo lập một **trung tâm tu viện** để đào tạo nhân tài cung cấp cho Cơ Quan [Phổ Thông Giáo Lý] với độ khẩn.

(. . .) **Đào tạo cấp tốc** hàng **giáo sĩ** và **tu sĩ**.

(. . .) Tìm phương tiện mở ngay những lớp **đào tạo giáo sĩ, tu sĩ**, chú trọng về phương diện **sinh ngữ**.

Đức **GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO**, thánh tịnh Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 15-4 Bính Ngọ (Thứ Sáu 03-6-1966)

*

3. Đây, nghe Lão dạy người **tu sĩ**:

Tu sĩ là người đang thời kỳ giác ngộ, lập tâm hành đạo, tẩy xú khai thanh, hằng lo tu học, rèn luyện và công quả trên cương vị giáo dân vi thiện, để bước lên tầng giáo sĩ. Tu sĩ cần phải biết những điều này:

① Về đạo hạnh, tác phong, phải có khác biệt hơn người thế tục, trang nghiêm thuần hậu, cẩn hạnh cẩn ngôn, khiêm cung từ tốn.

② Nền tổ chức Đại Đạo phải biết qua, phải nắm lòng Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo, phải hiểu rõ từ [từng] nghĩa lý, tác dụng của bài kinh.

③ Ngũ Giới Cấm, Tứ Đại Điều Quy, bốn phận ở gia đình, trong đạo, lúc học đường cho thông suốt.

④ Nền Nhân Văn Học phải hiểu.

⑤ Các tương quan căn bản, chỉ căn bản thôi, về Ngũ Chi trong Đại Đạo.

Tu sĩ cần phải biết một ngoại ngữ, bất cứ ngoại ngữ nào. Quy lệ này gồm cho ngoại quốc tu sĩ (nghĩa là một ngoại ngữ và một cho bốn xứ).

Tu sĩ không bắt buộc ở thời gian. Khi khoác áo tu sĩ, phải có một lúc lập chí phệ trần trong một thời hạn học tập, cả đời lẫn đạo, để tiến lên tầng giáo sĩ.

Giáo sĩ là tu sĩ tiến thân. Giáo sĩ (. . .) thuộc thể hoàng nhơn phổ hóa, cần phải có những đức tánh kiên nhẫn, trì thủ, đại tín và hy sinh. Giáo sĩ thêm những phần này:

① Tôn chỉ, lập trường, mục đích Đại Đạo. Tân Luật, Pháp

Chánh Truyền buộc phải nằm lòng.

② Tiểu sử khai Đạo, tiểu sử tiền bối khai Đạo.

③ Nhơn Đạo Khổng Giáo, triết lý của các triết gia Đông Tây xa xưa cùng hiện đại.

④ Phải hiểu Tâm Lý Học, Luận Lý Học để tiến thủ.

⑤ Nghệ thuật thuyết trình, giảng đạo.

Giáo sĩ phải thông hiểu một Việt ngữ, hai ngoại ngữ, áp dụng cả ngoại quốc giáo sĩ.

Giáo sĩ phải hai năm khoác áo giáo sĩ. Ngoài thời gian học tập, ngoại hạn tùy tâm nguyện.

Đức **ĐẠI TIÊN LÊ VĂN DUYỆT**, thánh tịnh Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 15-4 Bính Ngọ (Thứ Sáu 03-6-1966)

*

4. Tu sĩ là người khắp bốn phương
Cũng đời cũng đạo cũng thân nhơn
Ao chưa có nước sen chưa mọc
Vuốt dạ mà lo chó vộì hờn.

Đức **LÝ ĐẠI TIÊN TRƯỞNG THÁI BẠCH KIM TINH**,
GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ, thánh tịnh Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 15-7 Bính Ngọ (Thứ Ba 30-8-1966)

*

5. Các lớp đào tạo **tu sĩ**, **giáo sĩ** cần được liên tục và thiết thực hơn. Buổi đầu, đầu với một số ít, nhưng cần được tuyển chọn những phần tử thành tâm thiết ý. Ít cũng tốt.

Đức **LÝ ĐẠI TIÊN TRƯỞNG THÁI BẠCH KIM TINH**,

GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ, thánh tịnh Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 01-11 Bính Ngọ (Thứ Hai 12-12-1966)

*

6. Đem tuổi xuân bù chì non nước
Mượn hồn xuân vun tước quên chồi
Lẽ Trời sáng tỏ khắp nơi
Đạo Trời cứu vớt mọi người thế gian.

Tuổi xuân ấy tạo đoan vĩ nghiệp
Hồn xuân là nối tiếp vạn linh
Mùa xuân là ánh bình minh
Thanh niên **tu sĩ** hy sinh lên đường.

Cùng vui với tình thương trách nhiệm
Cùng tạo chung quan điểm tương lai
Vẫy vùng khỏi lưới trần ai
Lập đời thánh đức, hưởng ngày Thuần Nghiêu.

Đức **CAO TRIỀU PHÁT**, thánh tịnh Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 29-12 Bính Ngọ (Thứ Tư 08-02-1967)

*

7. Không làm chủ bản tâm, giữ gìn bản tính, phân biệt lẽ chánh điều tà, nếu là người lãnh đạo ắt phải thất quốc vong gia; nếu là giới hướng đạo, dìu dẫn nhơn sanh, ắt bồi lợ cho chánh thể đạo lý của một tôn giáo đó; nếu là một **tu sĩ**, ắt sẽ bị sa đọa và bị đời khinh miệt, mỉa mai.

Đức **LÝ TRƯỜNG CANH THÁI BẠCH KIM TINH**, **GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ**, thánh tịnh Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 15-01 Đinh Mùi (Thứ Năm 23-02-1967)

*

8. Chư đệ muội nên nhớ rằng (. . .) **giáo sĩ, tu sĩ** đều có một kỷ luật, quy giới của chức vụ và trách nhiệm. Nếu công quả đặc lực mà còn thiếu các điểm trong kỷ luật, quy giới, tất nhiên phải bị khảo đảo nặng nề.

Đức **ĐÔNG PHƯƠNG CHƯỞNG QUẢN**, Thiên Lý Đàn, Tý thời, 29 rạng 01-7 Mậu Thân (Thứ Ba 23 rạng Thứ Tư 24-7-1968)

*

9. Đây, Thầy dạy mấy đứa thanh thiếu niên, **tu sĩ, giáo sĩ**.

Hỡi các con! Giai đoạn sau cùng của cuộc đời ly loạn, các con là mầm đạo đức tương lai. (. . .) Thế nên, các con là các điểm tinh tú mai hậu sẽ mọc ở các nơi đao binh khói lửa, thiên tai địa ách. Các con là ánh sáng soi rọi cho rõ ràng Thiên sứ của Đức Cao Đài Tiên Ông. Tất nhiên mỗi đứa phải lo vun quén căn bản tự nguyện của mình để mang theo trong đoạn đường khai sơn phá thạch, tái tạo dinh hoàn.

Thầy nói như vậy, các con phải hiểu ý Thầy để an phận mà lãnh hồng ân sứ mạng của Thầy của Đạo, kiêu hùng quật khởi trong chốn trần mê. Rồi các con sẽ thấy nguyên căn của mỗi đứa.

Đức **NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ, CAO ĐÀI TIÊN ÔNG**, thánh tịnh Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 15-10 Mậu Thân (Thứ Tư 04-12-1968)

*

10. Cũng đừng tưởng rằng đạo giáo [tôn giáo] là phải biến đổi hẳn toàn thể nhơn sanh trở thành **tu sĩ** hay **giáo sĩ**. Cái giá trị tạm gọi rằng tuyệt đích ấy chỉ dành riêng cho một số

người nào đó tùy duyên phận và sứ mạng tự nguyện. Phần ít này không phải để tượng trưng cho mục đích tương lai của xã hội mà trái lại, sự hiện diện của thành phần ấy là để tạo điều kiện an hòa cho nhân thế. Nhận trách vụ cam go như vậy, con người đã hiến thân cho đạo giáo mới cảm thấy cái có cái giá trị thực tại của mình.

Đức **ĐẠI TIÊN LÊ VĂN DUYỆT**, Văn Phòng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, Tý thời, 14 rạng 15-02 Canh Tuất (Thứ Bảy 21 rạng Chủ Nhật 22-3-1970)

*

11. Điều cấp thiết ngày nay, ở đây nói riêng Hội Thánh Truyền Giáo [Cao Đài] nhưng chung cho Đại Đạo, làm sao tập trung mọi khả năng tâm lực vào việc đào luyện người chức sắc Thiên ân tạm đủ khả năng chấp hành đạo pháp trong hiện tại. Một mặt đặt kế hoạch đoản kỳ, trường kỳ, mở **tu viện**, tuyển chọn **tu sinh, tu sĩ**, đào luyện thành các **giáo sĩ** để truyền đạo, hành đạo tương lai.

Đức **TRẦN HƯNG ĐẠO VƯƠNG**, Tỉnh Đạo Quảng Tín, Tý thời, 11-7 Canh Tuất (Thứ Tư 12-8-1970)

*

12. Thật tâm nâng đỡ **giáo sĩ**, dẫn độ **tu sĩ** và thông cảm, vun quén, bồi đắp cho thanh thiếu niên bằng mọi cách, mọi phương tiện.

Đức **GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO THÁI BẠCH KIM TINH**, thánh tịnh Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 15-7 Canh Tuất (Chủ Nhật 16-8-1970)

*

13. Các con phải tuân hành Đạo luật cho quyền pháp được nghiêm minh. Những cái gì thừa con bỏ bớt, những cái gì thiếu con bổ túc vào cho trọn vẹn. Cũng cố hàng ngũ chức sắc để tạo nên bậc đạo đức chơn tu. Trưởng dưỡng, huấn luyện **tu sinh, tu sĩ** để tạo thành trang hướng đạo.

Đức **NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ KIM VIẾT CAO ĐÀI GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG**, thánh thất Nam Thành, Ngọ thời, 01-01 Tân Hợi (Thứ Tư 27-01-1971)

*

14. Có thiếu chi người **tu sĩ** tại gia nhưng lòng đã xuất gia từ lâu rồi. Trái lại cũng có nhiều người xuất gia nhưng tâm tư chưa xuất, thì việc ấy để hành giả tâm tư suy nghĩ mà trọn vẹn phận hành.

Đức **VẠN HẠNH THIỀN SƯ**, Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 11-5 nhuận Tân Hợi (Thứ Bảy 03-7-1971)

*

15. Bần Đạo cũng nhắc nhở Cơ Quan [Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam] nên mở lớp huấn luyện **tu sinh, tu sĩ, giáo sĩ** để kịp lúc; kéo trễ thời gian, nước đến chân muốn chạy cũng không kịp nữa.

Đức **ĐÔNG PHƯƠNG CHƯỞNG QUẢN**, Tuất thời, 14-5 Nhâm Tý (Thứ Bảy 24-6-1972)

*

16. Đã là người đứng lập **tu viện**, ví như người đứng lập một khu vườn. Trong khu vườn ấy trồng đủ loại thảo mộc, hoa quả. Có những loại trồng để ăn xối trong giai đoạn đầu, rồi sau này hủy bỏ để nhường cho loại cây thiết thọ. Cũng có

loại cây để chiết nhánh, cũng có loại cây để lấy giống tốt, và sau cùng cũng có loại cây làm hàng rào bao bọc khu vườn. Loại nào theo khu nấy, có ngay hàng thẳng lối, có trật tự thứ lớp, chớ không phải cầm một nắm hạt rải đại ra đó rồi tự nó hững lầy thời tiết mọc lên không ngay hàng thẳng lối, muốn mọc đâu thì mọc. Cây nào sống lâu thì được hái hoa quả nhiều, lúc nào nên lúc ấy. Cây nào có chết thì làm củ chum lò. Còn những cây khác nếu có bị sâu bọ đèo đẳng, chết nhất chết non thì cũng không sao.

Đức **VÔ CỰC TỪ TÔN ĐIỀU TRÌ KIM MẪU**, Chơn Lý Đàn (Vạn Quốc Tự), Dậu Thời, 15-6 Nhâm Tý (Thứ Ba 25-7-1972)

*

17. (. . .) đào tạo **tu sinh, tu sĩ, giáo sĩ**, tạm gọi là cán bộ truyền giáo để truyền bá giáo lý thuần nhứt của đạo Cao Đài hầu giáo dân vi thiện.

Đức **MINH ĐỨC ĐẠO NHƠN**, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, Tuất thời, 21-11 Nhâm Tý (Thứ Ba 26-12-1972)

*

18. Sau cùng, Tiên Huynh cũng để lời khuyên các em nữ phái và các **tu sĩ**, những mầm non tương lai. Hãy học tất cả những cái kiên trì nhẫn nại dung hòa của Thánh Nhân để xây dựng tiền đồ Đại Đạo và làm cơ cứu cánh ngày mai.

Đức **BÁC ÁI CHƠN TIÊN NGUYỄN THẾ HIỂN**, Giáo Hội Tiên Thiên Minh Đức, Hợi thời, 21-9 Quý Sửu (Thứ Ba 16-10-1973)

*

19. Các tu sĩ trong vòng thánh địa
Gội ơn lành lễ nghĩa dồi trau
Nhớ cần rèn luyện chí hào
Lễ nghi đạo hạnh tập sao nên trò.

Ngũ Giới Cấm hằng lo tụng đọc
Tứ Quy Điều làm gốc tu thân
Học xong làm đúng siêng cần
Khép mình nên đạo tránh lần nạn tai.

Lời Lão dạy hôm nay ráng nhớ
Trải trang xong chút nợ vi nhân
Nhơn năng hoằng đạo vẹn phần
Quay về tu luyện khí thần quang minh.

Đức **ĐẠI TIÊN LÊ VĂN DUYỆT**, Vĩnh Nguyên Tự, Dậu
Thời, 01-6 Giáp Dần (Thứ Sáu 19-7-1974)

*

20. Các tu sinh, tu sĩ ở chùa phải cúng kiếng thường
xuyên, học đọc Quy Điều, Giới Cấm hằng bữa, siêng năng
công quả, không được giao thiệp để tránh tai họa.

Đức **BẢO HÒA THÁNH NỮ**, Vĩnh Nguyên Tự, Ngọ thời,
27-01 Ất Mão (Chủ Nhật 09-3-1975)

*

21. (. . .) các trò **tu sinh, tu sĩ** sở tại phải ngày ngày học
tập giáo lý, đêm đêm trì tụng kệ kinh, giới luật quy điều.
Đừng sai đừng phạm để qua cơn dông tố ngày sắp đến. Đạo

rộng mở nhưng chỉ dẫn độ được những kẻ chơn tâm hành
đạo, tu học mà thôi. Bần Đạo dặn bấy nhiêu lời để các trò ghi
nhớ.

Đức **GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO THÁI BẠCH KIM TINH**, Vĩnh
Nguyên Tự, Ngọ thời, 27-01 Ất Mão (Chủ Nhật 09-3-1975)

*

22. Tác phong đạo hạnh là lớp đầu của người **tu sĩ**, và
cũng là kết quả [đào tạo, huấn luyện] của cấp lãnh đạo. Có tác
phong đạo hạnh thì được kẻ kính người mến, kẻ yêu người
nể, và người ngoài hâm mộ mà noi theo. Có lợi cho mình mà
độ được người. Đó là đệ nhất pháp môn.

Đức **BẢO HÒA THÁNH NỮ**, Vĩnh Nguyên Tự, Tý thời, 16
rạng 17-6 Đinh Tỵ (Chủ Nhật 31-7 rạng Thứ Hai 01-8-1977)

*

23. Bước tiền đồ trông vào **giáo sĩ**
Học nên tài, tâm ý cũng nên
Vạn linh xây móng đắp nền
Dặm dài thiên lý phải bền vó câu.

Hỡi **tu sĩ** khoác màu áo trắng
Cánh chim hồng xinh xắn tung bay
Giữ đừng nhuộm nét trần ai
Rèn lòng sửa tánh hôm mai chớ rời.

Đức **THÁI BẠCH KIM TINH**, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý
Cao Đài Giáo Việt Nam, Tuất thời, 14-01 Canh Thân (Thứ Sáu
29-02-1980)

*

24. (...) nhứt là các trò **giáo sĩ, tu sĩ** phải giữ lòng thanh tịnh quán xét từng việc một. Có thanh tịnh mới biết được căn bã ở dòng đạo đang luân lưu trong cơ thể và biết được mục đích cao cả vị nhân sinh. Có quán xét mới vượt qua được trở ngại khó khăn, kiên nhẫn trì thủ và hy sinh có ý nghĩa.

Đức **ĐÔNG PHƯƠNG LÃO TỔ**, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 9 giờ đêm 01-01 Quý Hợi (Chủ Nhật 13-02-1983)

*

25. Hỡi **tu sĩ** nương mình thiền định
Phải tập lần hoàn chỉnh chân tâm
Xa nơi đọa lạc quần âm
Vững vàng sứ mạng mà tầm lý chơn.

Đức **GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO**, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Hợi thời, 19-02 Bính Dần (Thứ Sáu 28-3-1986)

*

26. Về huấn luyện **tu sĩ, giáo sĩ**, hãy áp dụng Lịch Trình Hành Đạo của Lê Đại Tiên. Đó không phải là những quy luật buộc các trò ly gia cát ái, phế đời hành đạo, mà đó chính là khuôn vàng thước ngọc để giúp các trò xứng đáng với tầm vóc sứ mạng, và nhất là tinh thần hướng thượng trọn vẹn cho Đạo, cho nhân sanh trong thời gian học tập và hành đạo. Do đó, hãy ý thức đúng đắn để có lập trường đúng đắn. Đừng hấp tấp, cũng đừng e dè, và đừng tưởng mình phi thường hơn người để rồi các trò phải tầm thường như bao người khác.

Đức **GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO**, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tý thời, 17-02 Mậu Thìn (Chủ Nhật, 03-4-1988)

BUỔI TRƯA LAN MAN

HÀ NHƠN

Chuông cửa reo lên một tiếng ngắn gọn rồi lặng tắt. Không biết ai tới, nhưng Tân có thiện cảm với người ấy tức khắc. Bởi vì lắm người nhận chuông như trẻ con phá phách; nhận liên hồi, chủ nhà nghe rất khó chịu. Thường họ nhận chuông mà không nghe được tiếng chuông vì chuông để tuốt phía trong nhà, nên ngón tay cứ gí vào nút chuông điện, chẳng nhả ra. Đáng lẽ nhận chuông xong thì cũng đợi cho chủ nhà đủ thời gian đi ra cửa chứ.

Tân rời bàn, toan bước ra ngoài thì lúc cúi xuống tìm dép, chợt thấy mình đang mặc quần cộc, liền quờ tay cầm lấy cái quần dài vải trắng vắt trên lưng ghế dựa. Lại mất thêm chút xíu thời gian cho việc tề chỉnh y phục. Ngoài kia khách nhẫn nại, không nhận chuông hồi thúc.

Buổi trưa, nắng gay gắt đổ xuống. Hàng rào dâm bụt nhà Tân lá vẫn xanh, nhưng thiếu nét tươi tắn thường có sau mỗi lần tắm trận mưa dai dẳng. Khách đang đứng nép bên cánh cửa cổng cao hơn ngực. Song cửa gỗ thừa không giấu được bàn tay phải đang giữ ghi-đông xe đạp, trong lúc bàn tay trái giơ lên giữ lấy vành chiếc nón lá lệch xuống che nghiêng gần hết khuôn mặt. Cánh tay áo bà ba trắng hơi tụt xuống, phô ra cổ tay thon tròn, rám nắng.

Mở chốt cửa cổng, kéo nhẹ cánh cửa vào trong, Tân cất giọng vui vẻ:

- Kìa chị Thanh Hiền! Nắng nôi quá! Mời chị vào.

Đẩy nón lá cho hơi ngả ra sau, vẫn đứng yên chỗ, Thanh Hiền nở nụ cười thân mật:

- Ghé nhà giờ này chẳng phải chút nào đâu, nhưng bác mời chú có rảnh thì sang chơi. Dường như bác muốn trao đổi với chú điều gì thì phải. Hồi sáng, hộp ở thánh thất về muộn, bác lại ra về đăm chiêu, nghĩ ngợi.

- Sao chị lại đạp xe giữa trưa nắng thế này cho cực!

Lại cười:

- Thì sẵn có chút việc gần đây mà tiện đường qua ngang nhà chú. Vả lại, mới hái ít rau trong vườn, đem chia cô chú nấu canh ăn cho mát.

Đón lấy túi nylon đựng rau vừa được lấy ra từ chiếc giỏ thép gắn ở đầu xe đạp, Tân nài:

- Vào nhà uống miếng nước, chị nhé!

- Thôi, cảm ơn chú. Chị ghé chú trước để rau khỏi héo. Bây giờ còn phải vội đi cho xong việc của chị đây.

*

- Khách nào vậy anh?

Trao túi rau cho Hảo, vừa cởi áo sơ mi cho mát Tân vừa nói:

- Chị Thanh Hiền. Bác Giáo Hai nhắn anh qua nói chuyện chi đó. Mời vào uống nước nhưng chị vội, lật đật đạp xe đi rồi.

- Thì có lúc nào chị ấy rảnh rang đâu. Một thân một mình quán xuyến đủ việc, buông cái này bắt cái kia liền tay. Con nuôi mà như chị thì bác Giáo Hai có phước lắm.

Tân gật đầu, đồng ý với vợ. Để Hảo xách túi rau vào bếp, Tân trở ra bàn, định xem tiếp trang sách đọc dở thì chợt nhớ lời Hảo nói “bác Giáo Hai có phước lắm”, và không khỏi lan man hồi tưởng gần xa.

Là Giáo Hữu nghỉ hưu nhưng thỉnh thoảng bác vẫn dự thánh các cuộc họp quan trọng theo nhĩa ý thỉnh mời của Ban Cai Quản. Bác lịch duyệt, trường trai hiền thân hành đạo từ thuở thanh xuân nên rất được họ đạo tín nhiệm. Bởi vậy, lúc bác nhất quyết xin nghỉ hưu, họ đạo thuyết phục mãi chẳng được, hầu như ai cũng tiếc, trong đó có Tân.

Còn nhớ in như chuyện vừa mới hôm qua. Lúc ở nhà bác, chỉ có hai bác cháu, Tân viện đủ lý do để nài nỉ bác nán lại thêm vài năm nữa, thì bác ôn tồn giải thích:

- Trong đơn xin nghỉ hưu nhờ họ đạo kính chuyển về Hội Thánh bác không tiện nói hết nỗi niềm suy tư, Tân à. Bấy lâu bác vẫn quý cháu vì biết cháu thực lòng thương Thầy mến Đạo. Bởi vậy, bác thổ lộ với cháu gan ruột bác.

Bác Giáo Hai ngưng lại và ngó mông ra vườn, dường như suy nghĩ xem nên bắt đầu từ đâu. Tân lặng thinh chờ đợi, và đưa mắt ngắm ông lão da dẻ hồng hào, râu tóc trắng như mây. Rồi Tân nghe giọng bác, thông thả và nhỏ nhẹ:

- Trên giấy tờ thì bác tám hai, nhưng hồi xưa ở làng con nít sanh ra có ai làm giấy làm tờ liền đâu. Chừng bác đi học, ông thân mới ra nhà việc lo thủ tục. Tính ra bác trẻ hết bốn

năm. Nghe nói bên Công Giáo, linh mục bảy mươi tuổi thì được nghỉ coi giáo xứ; hồng y tám mươi tuổi thì được miễn qua Vatican bầu giáo hoàng. Quy định như vậy ắt phải có cái lý của nó. Hãy loại trừ những trường hợp có một số người thể chất và trí tuệ khác thường mà nên lấy cái chung của đa số hơn sanh để suy xét. Phải chăng ở tuổi bảy mươi, tám mươi thì theo luật tự nhiên của trời đất mình kém sáng suốt rồi, phán đoán và quyết định dễ sai lầm. Nếu làm chức sắc với quyền hành xử thay cho Hội Thánh ở một địa phương mà sai lầm thì hại cho Đạo, tội đó lớn lắm, phải biết sợ. Hơn nữa, tuổi già mình dễ lú lẫn, suy nhược; mình ra trước hơn sanh mà bộc lộ chỗ suy nhược, lú lẫn thì hơn sanh khi dễ nếu họ không ưa mình. Nhược bằng ưa mình thì họ sanh lòng thương hại. Đàng nào cũng dở cho mình. Vậy phải biết rút lui trước khi quá trễ.

Tân cổ cải:

- Nhưng bác tu chơn từ trẻ, thể chất và trí lực vẫn đủ đầy. Bác quả là ngoại lệ thì đừng nghỉ hưu, uống lắm bác.

Bác mỉm cười:

- Bác biết thân bác rành hơn cháu chớ! Vả lại, mình đương chức quá lâu thì cản đường tiến đạo lập công của người khác.

Lần đầu tiên được nghe nói rằng “mình đương chức quá lâu thì cản đường tiến đạo lập công của người khác”, Tân không giấu được nổi sửng sốt, nhìn chăm chăm bác Giáo.

Hiểu ý, bác từ tốn đứng dậy, rời bàn nước đi tới chiếc tủ nhỏ đựng kinh sách. Khi trở lại, tay bác cầm một quyển không dày lắm, bìa bọc giấy dầu cũ kỹ.

Bác mở sách, tìm chỗ đánh dấu sẵn từ đời nào rồi nói:

- Tân Luật năm 1927 lời các tiền khai soạn cô đọng nên mình khó hiểu hết ý. Chẳng hạn, Điều Thứ Tám của phần Đạo Pháp quy định một câu ngắn gọn: “Lễ Sanh muốn lên Giáo Hữu thì nhờ cả Lễ Sanh xúm nhau công cử.” May thay, năm Mậu Dần tức 1938, Đức Lý Giáo Tông chú giải chỗ này rõ ràng như sau: “Chức Giáo Hữu khuyết hoặc hưu trí, Lễ Sanh đăng cử lên chức ấy.” Khuyết là sao? Có thể là vị Giáo Hữu nào đó quy thiên, bị giáng chức, bị trục xuất chẳng? Mấy trường hợp này nghe tệ quá, có lẽ vì vậy mà Đức Giáo Tông không cụ thể hóa. Nhưng với hai chữ “hưu trí” thì lời Ngài rất sáng tỏ. Tân à, bác cứ trăn trở mãi về điều này mà vẫn để bụng để dạ bấy lâu. Bác hưu trí rồi thì chẳng phải là mở đường cho Lễ Sanh tiến lên ư?

Tân bật cười, quên cả dè dặt với bậc trưởng thượng:

- Chẳng ai diễn giải . . . kỳ khôi như bác đâu.

Bác nghiêm nét mặt:

- Cháu mới nói gì đó? Chẳng phải vì lịch sự nên nói trớ đi à? Thật ra ý cháu là bác lắm cấm, đúng không nào?

Tân hơi hoảng, vội nói:

- Xin lỗi bác, nhưng cháu đâu dám hỗn!

- Bác không trách cháu, chỉ muốn xác định rằng chính cháu cũng vừa nghĩ là bác lắm cấm đấy thôi. Lúc nãy cháu khéo dùng uyển ngữ, nói giảm cho bác khỏi mịch lòng.

Nụ cười bao dung trên gương mặt phúc hậu khiến Tân yên tâm, biết rằng bác nói thật bụng. Tân lúng túng, chưa

biết lựa lời ra sao cho hợp hoàn cảnh này thì bác nói tiếp:

- Tuổi già ngoài tật lẩm cẩm lại còn bảo thủ, sợ đổi mới, sợ lớp đàn em giỏi hơn mình. Như vậy là không đúng lẽ Đạo, vì thánh hiền dạy: “Nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân.” Em hơn anh thì Đạo mới phát triển.

Buổi trò chuyện hôm đó Tân chịu thua. Anh vốn dở biện bác.

Thế rồi bác được Hội Thánh thuận cho nghỉ hưu. Nhưng bác vẫn không thôi gắn bó với họ đạo, và sống trong sự chăm sóc tận tụy của con gái nuôi.

Thanh Hiền thật ra là cháu ruột, con vợ chồng chú em bác Giáo Hai. Giữa thời bom đạn triền miên cô bé sớm rơi vào cảnh mồ côi cả cha lẫn mẹ. Muốn tránh cho cháu nhỏ khỏi phải lạc loài, bác nhận về nuôi, cho ăn học. Cô bé ăn chay trường luôn với bác, tập làm đồng nhai, rồi thuộc kinh cúng tứ thời, kinh cúng cửu, v.v... từ lứa tuổi con nít còn ham nhảy dây, nhảy lò cò, đánh chuyền với trái banh và bó đuă.

Đang học thi Tú Tài Hai thì Thanh Hiền ngã bệnh. Không rõ lý do sâu xa nào khiến chị bỏ dở việc học, mà bác cũng chấp thuận. Về sau có mấy chỗ đánh tiếng xin bỏ trầu cau, chị đều từ khước và xin được tập tành bước vào nẻo tu chơn giống như bác. Thanh Hiền không xuất gia vào nhà tu vì muốn trọn hiếu với cha nuôi cũng là bác ruột. Một già một trẻ cứ thế đùm bọc nhau trên khoảnh đất vườn nho nhỏ thừa kế từ tổ phụ của bác. Huê lợi tuy khiêm tốn nhưng chị khéo tần tiện và chịu cực nhận dạy kèm một số trẻ tiểu học, trung học đệ nhất cấp trong xóm. Bác Giáo Hai nhờ vậy được hưởng cảnh “lão giả an chi” đúng như ước mơ bình sinh của

Đức Khổng Tử trong thời buổi Hội Thánh chưa đủ điều kiện cất được nhà hưu dưỡng cho chức sắc.

“Bác Giáo Hai có phước lắm”, lời nói ấy của Hảo giống như chất xúc tác khiến ký ức Tân lập tức hoạt động, và quay nhanh khúc phim gồm những mảnh vụn trong cuộc đời hai con người mà vợ chồng anh yêu quý, kính trọng. Đó cũng là lý do Tân đồng thuận rằng “Bác Giáo Hai có phước lắm”.

*

Tân giật mình, quay lại. Hảo đang ở ngay sau lưng, bàn tay phải dịu dàng đặt lên vai chồng.

- Anh có muốn tắm cho mát rồi thay đồ qua nhà bác Giáo Hai thì chuẩn bị đi. Đừng để bác trông.

Hảo đặt một gói khá to lên bàn, dặn dò:

- Có hộp lúa mạch nguyên hạt và ít hạt sen. Tiện thể anh mang biểu, nói chị Thanh Hiền nấu chung với nắm rơm hay cà rốt, mời bác dùng cho bổ dưỡng.

Tân nhìn Hảo, cười cười:

- Mới nhận được túi rau, giờ xách gói này qua, giống như trả nợ liền tay vậy.

- Giữa chị Thanh Hiền với chúng mình, ai lại nói thế!

Hảo lờm yêu chồng một cái rõ dài.

HÀ NHƠN

(Trích Những Người Con Áo Trắng, truyện dài)

MỪNG TUỔI CHA

**PHAN TRẦN
ĐỨC THUẦN**
(nhà tu Trí Huệ)

Cánh mai cười, xuân chào trần thế
Con én bay, non bể tung bồng
Tâm con khởi niệm không ngừng
Giao thừa năm mới, con mừng tuổi cha.

Tết năm nay ở nhà vắng trẻ
Lo bộn bề cuộc thế buồn vui
Vắng con, cha chớ ngậm ngùi
Chu toàn phận sự ngược xuôi đạo đời.

Đã biết rằng cuộc đời giấc ngộ
Cõi đi về khắp chỗ đều xuân
Xuân trong tâm khảm con mừng
Xuân ngoài thế sự là xuân thái hòa.

Ai nguyện chí bốn ba dâu bể
Ai vì đời trọn thể vi nhân
Có cha, con có trong trần
Bao phen ngộ nghịch, mấy lần thứ tha.

Nay con gặp Kỳ Ba rộng mở
Cửa Đạo Huỳnh muôn thuở mới khai
Con mang dòng máu Cao Đài
Công ơn dưỡng dục không phai tắc lòng.

Đã thấy phía trời đông bồng sáng
Bước lên thuyền theo Đấng Chí Tôn
Đường xa chân bước dặm dòn
Kính mong cha mẹ bảo tồn thân tâm.

Con độc hành truy tầm chân lý
Mong đến ngày vong kỷ vị tha
Xuân về đạo hiếu cách xa
Lạy cha, lạy mẹ thứ tha trẻ này.

ẨN CHỮA

Ai thấy trong tuyết phủ
Ấp ủ cả mùa xuân
Gió xuân về chớm nụ
Nhụy hoa khai tung bồng

Ai hay trong sa mạc
Giấu muôn hạt mầm xanh
Một cơn mưa đi lạc
Vạn chồi non trở mình

Ai nghe trong bùn đất
Có mùi sen ngát hương
Ai bên đời tắt bật
Nhìn ta ra vô thường

Ai qua miền khổ hải
Thấy lạc an miên trường
Ai thăng trầm ố ái
Mới trân quý tình thương
Ta muôn đời xoắn xuýt
Vội có không cuộc đời
Xây thành cao triết thuyết
Ngăn cách tình anh, tôi
Đừng tìm trong dấu lạ
Có Thượng Đế hiện hình
Thượng Đế là tất cả
Những anh em quanh mình.

HOÀNG NGUYỄN
(nhà tu Trí Huệ, tháng 9-2019)

CHIỀU XUÂN TRÍ HUỆ

Tiếng chuông ngân
vang giọt chiều rơi nghiêng mỏng
Đàn chim câu say cạn chén hoàng hôn
Cánh mai cười gói đông tàn gởi gió
Để xuân khai con én liệng cao hồn
Gốc sen già ngấm bùn dòm câu đối
Để não phiền hóa giọt bồ đề thơm.

PHAN TRẦN ĐỨC THUẦN
Tu sinh nhà tu Trí Huệ

ĐỒNG QUY NHI THÙ ĐỒ

Gioan NGUYỄN SƠN

Khi học về tư tưởng của Teilhard de Chardin (1881-1955), linh mục dòng Tên,⁽¹⁾ tôi đã gặp được cụm từ *thăng giá hội* 升者會 (tất cả những gì đi lên sẽ gặp nhau). Ông là một nhà cổ sinh vật học và ông suy tư thần học từ những dữ kiện khoa học; hơn thế nữa, từ quan điểm tiến hóa (*évolution*) mà Charles Darwin (1809-1882) đã đưa ra trong khoa sinh vật học. Từ đó, Teilhard cho rằng có một sự tiến hóa bao trùm cả vũ trụ, không chỉ trong thế giới vật chất, trong thế giới sinh vật, mà trung tâm là con người. Từ khi có con người với ý thức, lý trí, và tinh thần, sự tiến hóa sẽ tập trung vào những gì thuộc tinh thần để sau cùng con người từ môi trường vật chất tiến qua môi trường sự sống; sự sống này sẽ ngày càng tinh tuyền, viên mãn để sau cùng đưa con người vào một thượng giới, một môi trường linh thánh, một cảnh vực thần linh (*milieu divin*). Càng lên cao, tính đặc thù và đa dạng biến mất để xuất hiện sự tương đồng và đây là chỗ để mọi dị biệt ở khởi điểm gặp nhau hay hội tụ (*tout ce qui monte converge*). *Dịch Kinh* (Hệ Từ Hạ) có một câu tương tự, được nhiều người biết hơn: *Đồng quy nhi thù đồ* (Gặp

Lưu ý: Các chú thích trong bài do Đạo Uyển thêm vào. Ngoài ra, với các chú thích của tác giả, sẽ ghi rõ là *Ng. Sơn chú*.

⁽¹⁾ Về linh mục Pierre (Phê-rô) Teilhard de Chardin, xem thêm bài *Thánh Lễ Giữa Bình Minh Sa Mạc*, in trong: Huệ Khải, *Như Hoa Nở Muộn*. Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2019, tr. 113-114.

nhau, nhưng từ nhiều con đường khác nhau).⁽²⁾ Chúng ta tạm hiểu rằng có một chân lý tối thượng mà nhân loại có thể đã đạt đến và gặp nhau dù bằng nhiều phương pháp tu tập hoặc tín ngưỡng khác nhau.

Trong bài viết này tôi muốn dùng câu nói dẫn trên trong Kinh Dịch để soi rọi vào Phật Giáo và Thiên Chúa Giáo xem có những tương đồng hoặc dị biệt nào, và những điểm khả dĩ giúp chúng gặp nhau và hội tụ. Trước hết, tôi xin thưa rằng những gì mà tôi mạo muội đưa ra đây nên coi như những gợi ý mà thôi; chí ít chúng cũng giúp chúng ta nuôi dưỡng được tinh thần khoan dung tôn giáo.⁽³⁾

Tôn giáo và tín ngưỡng

Phần đông người ta cho rằng Thiên Chúa Giáo và Phật Giáo là hai tôn giáo với ít nhất ba nội hàm ⁽⁴⁾ sau đây: (1) Cộng đồng ấy có một giáo chủ và những môn đệ kế thừa tức là hàng giáo phẩm hoặc tăng đoàn; (2) Cộng đồng ấy có giáo

⁽²⁾ 天下同歸而殊途. *Thiên hạ đồng quy nhi thù đồ*. (Đường tuy muôn nẻo, một chỗ cùng về.)

⁽³⁾ **khoan dung tôn giáo** 宗教寬容 (*tôn giáo khoan dung / religious tolerance*): Chấp nhận những khác biệt trong tôn giáo khác dù mình không tán thành.

⁽⁴⁾ **nội hàm** 內涵 (*connotation*): Toàn bộ những thuộc tính (đặc tính) bao gồm trong một khái niệm. Thí dụ, khái niệm cá có nội hàm là: động vật có xương sống, sống dưới nước, bơi bằng vây, thở bằng mang, v.v...

thuộc tính 屬性 (*attribute*): Đặc tính vốn có của một sự vật, nhờ đó sự vật tồn tại và qua đó con người nhận thức được sự vật, phân biệt được sự vật này với sự vật khác. Thí dụ, thuộc tính của *nước* là lỏng, không màu, không mùi vị, v.v...

lý dựa trên kinh điển mà vị giáo chủ lập đạo để lại như di huấn của ngài; (3) Cộng đồng ấy có những nghi thức thờ phượng và những thực hành khác để tuyên xưng và củng cố đức tin của tập thể mình.

Chúng ta thấy Thiên Chúa Giáo và Phật Giáo đều có đủ những nội hàm trên:

Thứ nhất, Đức Phật Thích Ca là giáo chủ với tăng đoàn của ngài đã duy trì Phật Pháp cho đến ngày nay; cũng vậy, trong Thiên Chúa Giáo, Chúa Giêsu với hàng giáo sĩ là những người tiếp tục sứ mạng của các tông đồ của giáo hội ban sơ.

Thứ hai, Thiên Chúa Giáo có kinh điển là Thánh Kinh Cựu Ước và Thánh Kinh Tân Ước; riêng Công Giáo còn thừa nhận điệp quan trọng của các giáo hoàng. Trong Phật Giáo, Đức Phật đã để lại trên ba trăm ngàn pháp thoại được kết tập thành kinh điển đạo Phật. Ngoài kinh, còn có luật và luận. Luật chi phối việc tu hành của tăng đoàn và các Phật tử tại gia; luận là những triển khai về kinh điển của các cao đồ hậu bối theo những quan điểm khác nhau của các môn phái sau khi Đức Phật tịch diệt.

Thứ ba, cả hai tôn giáo đều có nghi thức hành đạo của

⁽⁵⁾ **giáo phụ** 教父 (*fathers of the Church*): Là các tác giả Kitô Giáo của những thế kỷ đầu (từ nửa sau thế kỷ I cho tới thế kỷ VIII), trỗi vượt về các khảo luận thần học, có đời sống mẫu mực, và được Hội Thánh công nhận là giáo phụ. Các tác phẩm của các giáo phụ góp phần bảo vệ đức tin Kitô Giáo, truyền đạt Thánh Kinh tới Kitô hữu, đặt ra những cơ cấu nền tảng phụng vụ (nghi lễ) trong Hội Thánh, hình thành cơ cấu các giám mục, linh mục, phó tế, v.v...

mình: việc cúng kiếng thờ phượng, việc ăn chay, việc tu hành và các kỷ luật cũng như bốn phận tùy theo cương vị (tu sĩ, tín hữu bình thường, gia trưởng, con cái, v.v...). Từ đó người ta xây dựng những nơi thờ phượng như nhà thờ, đền chùa, v.v... Các tôn giáo lớn và các tín ngưỡng địa phương ⁽⁶⁾ đều có một không gian thờ phượng mà người ta coi đó là nơi linh thiêng (*lieu sacré*). Những nơi đó là chốn thiêng liêng (trong chùa có tượng Phật, kinh Phật; trong nhà thờ có thánh thể, sách thánh). Vả lại, với niềm tin các thần linh có mặt khi người ta đang cúng kiếng và dâng lễ vật, các tín hữu đến chùa hoặc nhà thờ để dâng hương, tụng đọc kinh điển, để cầu xin khẩn khứa, qua đó hiểu rõ hơn những giới răn và giáo lý và đem chúng ra thực hành. Chỉ ít họ cũng tìm được một sự an ủi tinh thần nào đó giữa bao đau khổ, nhiều nhọc nhằn của cuộc sống.

Như vậy, thể mạnh của các tôn giáo lớn so với tín ngưỡng của đại chúng bình dân (như thờ các tổ nghề, thờ ông địa, cá ông, v.v...) chính là giáo hội và kinh điển.

Công thức hóa tín biểu

Công thức hóa tín biểu ⁽⁷⁾ là một cách củng cố thể mạnh của tôn giáo so với tín ngưỡng.

Phật Giáo có ba lần tập kết kinh điển. Sau ba lần đó Phật Giáo đã hình thành hai hệ thống kinh điển: kinh điển Pali của

⁽⁶⁾ Theo tôi, tín ngưỡng khác với tôn giáo ở chỗ tín ngưỡng không có giáo chủ (dù có thể có ông tổ, ví dụ như tổ nghề), cũng không có kinh điển, thậm chí không có giáo điều. (*Ng. Sơn chú*)

⁽⁷⁾ **tín biểu** 信表 (*symbol of faith*): Biểu tượng đức tin. Dựa vào tín biểu, các tín hữu nhận ra nhau là đồng đạo.

Phật Giáo nguyên thủy, kinh điển Sanskrit của Phật Giáo đại thừa. Việc chia ra đại thừa và tiểu thừa do một vài quan niệm giáo lý khác nhau mà còn do hậu quả của việc tiếp biến (hoặc hội nhập) văn hóa:⁽⁸⁾ văn hóa Trung Á và Đông Nam Á.

Trong Thiên Chúa Giáo cũng có sự tiếp biến văn hóa tương tự mà ở đây là văn hóa Trung Cận Đông và Địa Trung Hải.⁽⁹⁾ Sau khi Đức Giêsu lên trời, việc truyền giáo được đẩy mạnh ra khỏi biên giới của nước Do Thái cổ. Lúc đó người truyền giáo tích cực nhất là Phaolô; ông là người đầu tiên hệ thống hóa tín biểu chí ít với những chủ điểm chính:

- *Học thuyết về cứu chuộc*: Phaolô đã biến nghi thức hiến tế của đạo Do Thái với chiên (cừu) là sinh tế thành học thuyết về cứu chuộc với cái chết của Đức Giêsu (để trở thành

⁽⁸⁾ **tiếp biến**: Tiếp nhận và biến đổi; hội nhập. Đây là cách dịch thời thượng thuật ngữ *acculturation* mà người Hoa gọi là *văn hóa thích ứng* 文化適應 (thích ứng về văn hóa), hay *đồng hóa quá trình* 同化過程 (quá trình đồng hóa).

⁽⁹⁾ Tôi nhất trí với quan điểm của một số nhà xã hội học cho rằng tôn giáo là một phần của văn hóa. Những hình thức tín ngưỡng sơ khai nhất như thờ vật linh cũng là những hình thức văn hóa sơ khai. Ngày nay chúng ta nói, ví dụ như nền văn hóa châu Âu là nền văn hóa Kitô Giáo vì quả thật không thể tách rời hai cái đó ra. Chúng vừa tương sinh lại vừa tương thuộc. Vì thế theo tôi, các tôn giáo đều “mắc nợ” những nền văn hóa có trước mình dù theo hướng khẳng định hoặc theo hướng phủ định. (Ví dụ, Phật Giáo khẳng định có luân hồi giống như đạo Bà La Môn, nhưng phủ định các thần linh có trong đạo ấy.) Dĩ nhiên quan niệm coi tôn giáo là một bộ phận của văn hóa không được tôn giáo chính thống nào thừa nhận vì họ coi giáo chủ nhận sứ mạng trực tiếp từ Trời, không thông qua một văn hóa nào cả. (Ng. Sơn chú)

của lễ sát tế) trên cây thập giá.⁽¹⁰⁾

Dĩ nhiên việc hiến tế trong nghi thức Do Thái Giáo là tạm thời vì giá trị của sinh tế là tương đối. Vì giá trị tương đối cho nên nó phải được lặp lại nhiều lần, đặc biệt để kỷ niệm cuộc Vượt Qua của người Do Thái khi vượt qua Biển Đỏ ráo chân vì theo tường thuật trong Thánh Kinh, để mở lối cho dân Do Thái, nước Biển Đỏ rẽ ra hai bên làm thành con đường khô ráo cắt ngang qua Biển Đỏ (xem minh họa).



Tuy hội nhập văn hóa hiến tế của Do Thái Giáo, Phaolô cũng như các nhà thần học tiên khởi đã tuyệt đối hóa của lễ⁽¹¹⁾ sát tế, để của lễ chỉ dâng một lần là đủ cho mọi người được cứu và mọi sự được hoàn tất.⁽¹²⁾ Hy tế⁽¹³⁾ không còn là

⁽¹⁰⁾ Ở Do Thái, lễ tế này thực hiện trong cấm cung của đền thờ Giêrusalem, để tạ ơn Thiên Chúa cứu họ ra khỏi cảnh nô lệ bên Ai Cập. (Ng. Sơn chú)

⁽¹¹⁾ **của lễ** (tế phẩm 祭品 / offerings): Lễ phẩm, những thức dâng lên các Đấng thiêng liêng.

⁽¹²⁾ Sự kiện Đức Giêsu chết trên thập giá được chép như sau (Gioan 19:28-30): . . . Đức Giêsu biết là mọi sự đã hoàn tất. Và để ứng nghiệm lời Kinh Thánh, Người nói: “Tôi khát!” Ở đó, có một bình đầy giấm. Người ta lấy miếng bọt biển thấm đầy giấm, buộc vào một nhánh hương thảo, rồi đưa lên miệng Người. Nhấp xong, Đức Giêsu nói: “Thế là đã hoàn tất!” Rồi Người gục đầu xuống . . .

⁽¹³⁾ **hy tế** 犧牲 (sacrifice): Phẩm vật dâng lên thần thánh.

một con cừu hay một sinh vật bình thường (thậm chí một người bình thường) mà là một thần linh: Con Một của Thiên Chúa.⁽¹⁴⁾

Vì Đức Chúa Trời đã yêu thương thế gian, đến nỗi đã ban Con Một của Ngài, ngõ hầu ai tin Con ấy không bị hư mất mà được sự sống đời đời. (Gioan 3:16)

Khi đọc câu Phúc Âm này, tôi không nghĩ như quan niệm chính thống của Giáo Hội: Ban cho không phải để bị giết hoặc bị sát tế. Tôi nghĩ nhiều hơn đến sự hiện diện vinh hiển của Ngài. Chỉ điều này cũng đủ để cứu nhân loại rồi: *Ngôi Lờ đã trở nên người phạm và cư ngụ giữa chúng ta. Chúng tôi đã được nhìn thấy vinh quang của Người, vinh quang mà Chúa Cha ban cho Người, là Con Một đầy tràn ân sủng và sự thật. (Gioan 1:14)*

Cũng theo thần học chính thức, từ quan điểm hiển tế một lần là xong ở trên, người ta phải coi Đức Giêsu là Thiên Chúa: Thiên Chúa Ngôi Hai. Và do đó phải coi trọng thần tính của Ngài và coi nhẹ nhân tính. Nhân tính này có thể bỏ qua và cho vào quên lãng. Vì thế người ta có học thuyết Ba Ngôi (đúng ra phải gọi là mâu nhiệm Ba Ngôi). Và để bảo đảm cho thần tính đó thì khi sinh ra Ngài phải do một “bà mẹ đồng trinh”; khi chết đi, Ngài sẽ sống lại (phục sinh), và lên trời (thăng thiên).

⁽¹⁴⁾ Với thuyết chuyển đổi bản thể (*transubstantiation*) Công Giáo biến sự cử hành hiển tế thành nhiều lần, sự lặp lại chính xác hiển tế trên núi Golgotha; còn Tin Lành chỉ nhắc lại để tưởng nhớ chứ không tái hiện. Dù vậy cả hai tôn giáo đều coi đó là sự hiển tế thần linh tức Ngôi Hai. (Ng. Sơn chú)

- *Học thuyết về Ba Ngôi*: Ba Ngôi đó là Cha-Con-Thánh Linh (*Father-Son-Holy Spirit*). Cha sinh ra Con nhờ tình yêu của Thánh Linh (tức Chúa Thánh Thần). Câu Phúc Âm “*Trước khi có Abraham đã có Ta*” (Gioan 8:58) dường như xác định Đức Giêsu là Con Thiên Chúa. Thật ra nếu dựa vào giáo lý Công Giáo thì câu trích dẫn cũng có thể được áp dụng cho hết mọi người vì chỉ ít mỗi người đều ở trong tư tưởng của Thiên Chúa trước khi cha mẹ mình sinh ra mình. Nếu tôi là người theo Phật Giáo, hẳn tôi sẽ nói rằng đó chính là *bản lai diện mục* của tôi trước khi cha mẹ tôi sinh ra tôi, cái Phật tính mà mọi người đều có nơi Pháp thân. Và phải chăng Ngôi Hai là bản lai diện mục đó? *Tat Tvam Asi* (Anh là Cái Đó).

Ba Ngôi còn được hiểu theo chức năng: Bản thể như nhau nhưng ngôi vị khác nhau với những chức năng khác nhau. Chúa CHA sáng tạo, Chúa CON cứu chuộc, Chúa THÁNH THẦN thánh hóa. Nhờ sáng tạo mà muôn vật được tạo thành từ hư vô (*ex nihilo*) như thần học vẫn nói. Để cứu chuộc, Ngôi Hai phải nhập thể ⁽¹⁵⁾ làm người mà đến với nhân loại, phải can thiệp vào lịch sử để qua sự hiển tế cứu loài người khỏi tội lỗi từ khi ông bà nguyên tổ (Adam và Eva đã sa đọa và phạm tội). Để sự cứu chuộc có thể mang lại kết quả tốt nhất, con người phải có ơn thánh hóa của Chúa Thánh Thần, được hiểu là tình yêu giữa Chúa Cha và Chúa Con.

Đến đây phải nói thêm rằng Ba Ngôi đã có trong một số nền văn hóa hay tôn giáo xuất hiện trước Thiên Chúa Giáo. Trong tôn giáo của Babylon có *Aglibol, Baalshamin, Malakbel*. Trong tôn giáo cổ Rôma có *Jupiter, Junon, Minerve*. Trong Bà

⁽¹⁵⁾ **nhập thể** (*incarnation*): Mang lấy thể xác con người.



La Môn (Ấn Độ) có ba ngôi: *Brahma, Vishnu, Shiva*. Trong tôn giáo cổ Ai Cập, ta có bộ ba: *Osiris, Isis, Horus*. Đặc biệt Horus có lai lịch khá giống Đức Giêsu: ngày sanh giống nhau, người mẹ đồng trinh, bị đóng đinh, v.v...

Riêng trong đạo Chúa, Ngôi Ba (Thánh Linh, tức Chúa Thánh Thần) không rõ nét là một ngôi vị bởi vì hình tượng biến đổi luôn: khi thì dưới hình dạng chim bồ câu, khi thì gió, lửa, nước (hằng sống), v.v... Ngoài ra đạo Chúa còn nhấn mạnh đến tính chất tương quan, tương thuộc của Ba Ngôi và cho rằng chân lý vốn là tương quan. Tương quan tuyệt hảo, hài hòa, bình an chính là Ba Ngôi; tương quan ấy là tình yêu vô lượng của Ba Ngôi nên thánh sử Gioan gọi Thiên Chúa là tình yêu: *Deus Caritas est. (Dieu est l'Amour.)* Dĩ nhiên không nên lẫn lộn tình yêu vô đối⁽¹⁶⁾ của Thiên Chúa với tình yêu thể tục vốn dễ rơi vào tình yêu vị kỷ (*narcissistic*) và tình yêu chiếm hữu (*amour-possession*), trong khi tình yêu của Thiên Chúa chủ yếu là tận hiến và trao ban.⁽¹⁷⁾ Dù ta có thể loại suy từ tình yêu thể tục như tình mẫu tử thì cũng chỉ hiểu được một



Ngôi Ba dưới hình dạng chim bồ câu và lửa

⁽¹⁶⁾ **vô đối** 無對 (*matchless*): Không có bất kỳ cái gì sánh được.

⁽¹⁷⁾ Triết gia Pháp Jean-Paul Sartre (1905-1980) mỉa mai: “Tình yêu chỉ là sự ngộ nhận của hai người.” Ngộ nhận vì người ta tưởng họ yêu nhau, nhưng thật ra mình yêu chính mình qua hình ảnh của đối tượng. Vì thế trong khi tình yêu phạm tục xây dựng và củng cố cái bản ngã, thì tình yêu của Thiên Chúa hoặc Đại Từ Bi giúp ta tiêu trừ bản ngã vì chỉ có tình yêu này là trường tồn, thanh tịnh và an lạc. (*Ng. Sơn chú*)

phần rất nhỏ tình yêu của Thiên Chúa mà thôi.

Phật Giáo cũng có cái tương tự với Ba Ngôi như trên. Đó là Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng). Tuy ba mà một: Một này là chánh pháp (*dharma*); Phật hay Tăng đều là những biểu hiện trọn vẹn nhất của Pháp. Cũng như tình yêu là yếu tính (*essence*) của Ba Ngôi. Nếu hiểu Pháp cốt lõi là từ bi và trí huệ, thiết tưởng Ba Ngôi và Tam Bảo dường như rất gần nhau vậy.

Một câu hỏi tôi tự đặt ra cho mình: Trước Ba Ngôi của đạo Chúa đã có Ba Ngôi của Ai Cập, của Rôma; trước Tam Bảo của đạo Phật, đã có Ba Ngôi của Bà La Môn (*Brahma, Vishnu, Shiva*); vậy, liệu Ba Ngôi hay Tam Bảo có tiếp biến (tiếp nhận và biến đổi) từ một giá trị nào của văn hóa có trước không? Tôi vẫn nghĩ là có. Sự tiếp biến (hay hội nhập) văn hóa này có lẽ còn thấy trong hai trường hợp kỳ diệu sau:

a. Đức Maria vô nhiễm
trinh thai và hạ sinh Ngôi
Hai Thiên Chúa: Theo Kinh
Thánh Tân Ước, thiên thần
Gabriel được sai đến với
Đức trinh nữ Maria để báo
tin cho bà biết Ngôi Hai sẽ
làm người trong cung lòng
bà và sẽ trở thành Đấng
Cứu Độ. Sau sự kiện truyền
tin, Ngôi Ba (tức Chúa Thánh Thần, hay Thánh Linh, dưới
hình ảnh chim bồ câu) làm cho trinh nữ Maria thụ thai, sinh
ra Đức Giêsu.



Thiên thần Gabriel báo tin cho
Đức trinh nữ Maria

b. Trường hợp Đức

Phật cũng gần giống.

Hoàng hậu Maya mang
thai Đức Phật không phải
là do sự ăn ở với vua Tịnh
Phạn (*Suddhodana*) mà
do việc bà nằm mộng thấy
một con voi trắng đi vào
cạnh sườn bà. Đây cũng là
sự trinh thai và điều này
nói lên rằng Đức Phật
(cũng như Đức Giêsu)

không phải là phạm nhân

mà là những người trên thượng giới có sứ mạng xuống trần
để phục vụ và mang lại lợi lạc cho nhân loại.⁽¹⁸⁾



<https://teahouse.buddhistdoor.net>

Riêng trong Kitô Giáo, việc trinh thai và sự đồng trinh sau
khi sinh của Đức Maria là một trong những yếu tố xác quyết
thần tính của Đức Giêsu. Tính chất thần linh Ngôi Hai Thiên
Chúa của Đức Giêsu bảo đảm cho sự cứu độ trở thành sự cứu
độ phổ quát và vĩnh cửu, bao trùm hết mọi người, kể cả
những người thuộc tôn giáo và tín ngưỡng khác. Dù vậy, Giáo
Hội cơ chế và quyền bính không khuyến khích cách giải thích
này về cứu độ phổ quát (phổ độ). Và trong cách nhìn ấy, từ

⁽¹⁸⁾ Trong một số truyền thuyết và huyền thoại khắp nơi, còn có
một số trường hợp trinh thai khác nhằm nói lên tính chất đặc
biệt, phi phạm của các anh hùng, hiền nhân và thánh nhân. Chẳng
hạn trường hợp Lý Công Uẩn (974-1028): Mẹ ông ra ruộng thấy
một dấu chân người khổng lồ; bà ướm chân mình vào, về nhà
mang thai nhà vua khai sáng triều Lý. (*Ng. Sơn chú*)

thời xa xưa Giáo Hội cho rằng chỉ những người theo đạo Chúa mới được cứu. Thời các giáo phụ đã có câu: *Ngoài Giáo Hội Công Giáo, tuyệt đối không có ơn cứu độ.* (*Hors de l'Église catholique il n'y a absolument pas de salut.*) Ngoài ra, người ta hiểu việc trình thai theo đúng nghĩa đen, mọi cách giải thích theo nghĩa biểu tượng đều coi là sai lạc (lạc giáo).

Nhận định của Islam về cái chết cứu độ của Đức Giêsu

Công bố rằng hiến lễ trên thập giá là Con Thiên Chúa đã không được Islam chấp nhận. Kinh Coran vẫn thừa nhận Đức Giêsu là một tiên tri ⁽¹⁹⁾ đến trước vị tiên tri Muhammad (571-632) trong đạo Islam. Hơn thế nữa, Kinh Coran cho rằng Chúa Cha không thể để cho Đức Giêsu bị sát tế, dù sự sát tế là để chuộc tội cho nhân loại đã bất tuân Thiên Chúa. Vì khi trả lại công bằng cho nhân loại, xem ra Chúa Cha đã lại bất công với Chúa Con. Vì thế trong kinh Coran, Đức Giêsu đã siêu thăng về trời, còn người bị La Mã đóng đinh trên đồi Golgotha là một người khác. Islam khi khẳng định như thế dường như có tham khảo Tin Mừng theo Giacôbê mà Giáo Hội Rôma coi là ngụ thư (*apocryphe*).

Dù vậy Giáo Hội Rôma vẫn luôn coi cái chết của Đức Giêsu là cái chết để cứu chuộc, cái chết của một sinh tế (một sinh vật bị sát tế), mà quên rằng cái chết ấy trước hết là quà tặng yêu thương tuyệt hảo của Thiên Chúa Ba Ngôi ban tặng cho nhân loại. Chính Đức Giêsu đã nói trước khi Ngài bị bắt: *Không có tình yêu nào lớn hơn sự yêu thương mà thí mạng sống mình vì bạn hữu. Nếu anh chị em làm theo điều tôi dạy*

⁽¹⁹⁾ **tiên tri** 先知 (*prophet*): Công Giáo ngày nay gọi là *ngôn sứ*, là người được cử đi loan báo việc gì.

thì anh em là bạn hữu tôi. (Gioan 15:13)

Và suốt nhiều thế kỷ Giáo Hội đã nhấn mạnh cái chết để cứu chuộc và hầu như bỏ qua cái chết vì yêu thương và vì tình bằng hữu. Vả lại, như câu thơ *Yêu là chết trong lòng một ít*,⁽²⁰⁾ nên khi ta nhấn nhục chịu thiệt thòi, phải nhẫn nại vì yêu thương (ví dụ, yêu thương một người bạn xấu hay một đứa con hư) thì ta đã noi gương Chúa để *chết vì yêu*, và như thế, lúc đó ta đã làm một hành vi hiến tế.

Nếu vật sát tế là Chúa Con thì đương nhiên Ngài sẽ sống lại sau ba ngày. Chính Phaolô đã tuyên tín ⁽²¹⁾ điều này, cùng lúc hiểu sự sống lại ấy là chiến thắng tội lỗi. Tín hữu cũng được thông phần vào sự chiến thắng này nên sẽ được xóa tội và hưởng sự sống đời đời nhờ đức tin. Phaolô viết: *Nếu kẻ chết không sống lại, thì Đức Kitô cũng đã không sống lại nữa. Và nếu Đức Kitô đã chẳng sống lại, thì đức tin anh em cũng hóa ra vô ích: Anh em còn ở trong tội lỗi mình.* (1 Côrintô 15:16)

Như thế Phaolô đã tuyên tín với một hệ thống hoàn chỉnh, rất thuyết phục trước dân ngoại.⁽²²⁾ Nhưng rõ ràng là ông đã tiếp biến những giá trị trong văn hóa Do Thái Giáo mà chúng ta có thể gọi là đạo Môsê, chỉ ít là giá trị hy tế. Phaolô đã tiếp

⁽²⁰⁾ Câu thơ của Xuân Diệu (1916-1985), có lẽ mượn ý câu thơ của Edmond Haraucourt (1856-1941): *Partir, c'est mourir un peu.* (Ra đi là chết đi một ít.)

⁽²¹⁾ **tuyên tín** 宣信 (*declaring faith*): Tuyên xưng đức tin.

⁽²²⁾ **dân ngoại** (dị dân 異民 / *pagans*): Các dân tộc khác, là cách gọi kỳ thị của người Israel, vì người Israel tự hào họ là dân riêng của Thiên Chúa (dân được Chúa chọn).

biến như thế với tư cách một tín đồ Do Thái Giáo. Và sự tiếp biến này tuyệt vời đến nỗi ba tín đồ Do Thái khác là Máthêu, Máccô, và Luca đã viết một Tin Mừng nhất lãm ⁽²³⁾ gần như đồng nhất với những dẫn chứng tương tự trong Cựu Ước. Sau này các nhà thần học chính thống giải thích bằng cụm từ *lịch sử của ơn cứu độ*, một ơn cứu độ duy nhất nhưng chia ra làm nhiều thời kỳ, trong đó có thời kỳ của Môsê. Sự tiếp biến này làm nổi bật địa vị Đức Giêsu và ơn cứu độ của Ngài, nhưng làm giảm giá trị của *bác ái* vì nhiều tín hữu vẫn còn hiểu *bác ái* theo nội hàm của Môsê, một nội hàm thuộc tôn giáo của một dân tộc thượng đẳng (tức người Israel, vì là dân được Chúa chọn).

May mắn thay, ngày nay thần học hiện đại không còn nhấn mạnh như xưa vào hiến lễ chuộc tội vì nó sao chép việc hiến tế Giavê ⁽²⁴⁾ bằng chiên (cừu) và chỉ có giá trị tạm thời như thuốc giảm đau. Thần học hiện đại nhấn mạnh vào khía cạnh tình yêu của Thiên Chúa, vốn là một quà tặng cho không và có giá trị vĩnh cửu: *Chính tình yêu mới cứu được chúng ta*. Thật ra quan niệm này đã có trong sách Phúc Âm thứ tư (Gioan) với phát biểu của Đức Giêsu trước khi tắt thở (Gioan 19:30): *Mọi sự đã hoàn tất. (Tout est accompli.)* Chúa không nói câu này sau khi sống lại và lên trời bởi lẽ công trình cứu độ của Ngài hoàn tất với cái chết mà cái chết này đã thể hiện

⁽²³⁾ **Tin Mừng nhất lãm** (對觀福音 *đối quan Phúc Âm / synoptic Gospels*): *Phúc Âm nhất lãm* (cùng một cách nhìn Tin Mừng). Thuật ngữ gọi chung ba sách Phúc Âm theo Máthêu, Máccô, và Luca. Ba sách này có nhiều điểm tương đồng trong nội dung, từ, câu, thành ngữ, dụ ngôn, trình tự, cấu trúc, v.v...

⁽²⁴⁾ **Giavê (Yahweh)**: Cách tín đồ Do Thái Giáo gọi Thiên Chúa.

tình-yêu-viên-mãn ngay khi Ngài hiến tế. Vô hình trung thần học hiện đại gặp gỡ đức từ bi của giáo lý nhà Phật vì hai pháp tu quan trọng của Phật Giáo là từ bi và trí huệ với sự nhấn mạnh nhiều ít khác nhau vào một trong hai pháp đó.

Đến đây ta có thể tạm kết luận trong Thiên Chúa Giáo có thần linh tối cao là Thiên Chúa; sự tồn tại và cứu độ nhân loại hoàn toàn lệ thuộc vào Thiên Chúa đó, vào các thần linh cấp dưới thường được gọi là thiên thần, và đặc biệt các tu sĩ có chức thánh qua bí tích truyền chức. Phần hành đạo của giáo dân được gói gọn trong Mười Điều Răn của Ngũ Thư Do Thái,⁽²⁵⁾ những điều khoản trong Luật của Hội Thánh và thực hiện các bí tích. Một lúc nào đó, khi tinh thần yếu đuối, khi đức tin nhạt nhòa thì những điều trên mau chóng được củng cố thành giáo điều trong một ý thức hệ không khác với một ý thức hệ chính trị là bao. Vì thế, Đức Giêsu luôn cảnh báo các môn đệ: *Anh em hãy luôn tỉnh thức.* (Máccô 13:33)

Phật Giáo là tôn giáo vô thần?

Một số học giả Tây Phương cho rằng Phật Giáo là một tôn giáo vô thần (*athée*) vì trong định nghĩa tôn giáo của họ luôn luôn có mặt của thần linh, đặc biệt một thần linh tối cao. Ngày nay một vài học giả Phật tử cũng nhận mình là vô thần, rồi các vị ấy không coi Phật Giáo là tôn giáo nhưng là một học thuyết tâm linh cao siêu vì diệu giúp người ta diệt trừ đau khổ và đạt đến giải thoát.

⁽²⁵⁾ **Ngũ Thư Do Thái (Pentateuch)**: Năm cuốn sách (*ngũ thư 五書*) đầu tiên của Cựu Ước gồm *Sáng Thế Ký, Xuất Hành, Lêvi, Dân Số, và Đệ Nhị Luật*. Ngũ Thư được soạn trong khoảng thế kỷ VII-IV trước Công Nguyên. Người Do Thái gọi Ngũ Thư là *Torah* (Luật).

Dĩ nhiên Đức Phật và giáo pháp nguyên thủy không đề cập đến thần linh, đến những vấn đề mà các tôn giáo hữu thần thường trình bày (như: Vũ trụ do đấng nào sáng tạo, cuộc đời sau khi chết như thế nào, cảnh giới sau cái chết, và một vài vấn đề siêu hình khác) vì chính Đức Phật cho rằng những câu hỏi siêu hình ấy không giúp ích cho việc giải thoát của con người. Thế nhưng, phải nói rằng những giáo thuyết có bài bản hình như chỉ dành cho những người có căn cơ và trí tuệ cao. Chúng ta thấy cử tọa của Đức Phật đều là những người có căn cơ và trình độ tu tập nhất định, những người đầu tiên nghe Ngài giảng về Tứ Diệu Đế là những người có căn cơ tu tập, có một thời gian tu chung với ngài là năm anh em Kiều Trần Như (*Kondanna*), những sa môn tức là những tu sĩ Bà La Môn ít nhiều đã qua đào tạo, những nhà quý tộc, những ông trưởng giả. Hình ảnh của đám đông đại chúng bình dân xem ra rất mờ nhạt trong số cử tọa của Đức Phật. Điều này xem ra trái ngược với hình ảnh một Đức Giêsu thuyết *Bài Giảng Trên Núi* trước một đám người bình dân ít học, trên một bãi cỏ tại một nơi vắng vẻ. Đức Giêsu thường đi đến những làng mạc xa xôi, vắng vẻ, nghèo nàn như bờ sông, bờ hồ, các làng chài. Đó là những nơi mà Đức Giêsu thích giảng dạy, thậm chí những nơi ăn nhậu và có cả các cô gái buôn hương bán phấn. Ngài như một thầy thuốc ở giữa một đám đông bệnh nhân nghèo khổ đang bị bệnh dịch hành hạ.

Tuy nhiên, Đức Phật không bỏ quên những người nghèo khổ bất hạnh. Trong các pháp thoại của ngài có những yếu tố để không lâu sau (nếu không nói cùng thời), đại chúng bộ đã hình thành tư tưởng đại thừa với quan niệm *cứu độ phổ quát* hết thảy các chúng sinh, để như chính lời Đức Phật đã nói: *Ta*

là Phật đã thành; chúng sinh là Phật sẽ thành. Ngài cũng đã đề cập đến Bồ Tát Đạo với hạnh nguyện cứu nhân độ thế. Ngay cả việc Ngài cho phép phụ nữ đi tu gồm các ni sư, ni cô như một *lời chúc lành ban trước* cho tư tưởng đại thừa. Dưới cái bóng của Bồ Tát Đạo, những thần linh trước kia bị trục xuất đã thềm lặng quay về – kể cả những thần linh của Ấn Giáo với những tên gọi khác, bởi lẽ khi đã cựa nhờ vào tha lực thì trước tiên người ta phải nhờ vả thần linh.

Về phương diện kinh điển, đại thừa xuất hiện với bộ kinh *Bát Nhã Ba La Mật Đa*, không biết ai là tác giả, tương truyền là những lời Đức Phật dạy cho một đệ tử tên là Tu Bồ Đề (*Subhūti*) vào khoảng thế kỷ I trước Công Nguyên. Vào khoảng giữa thế kỷ II đầu Công Nguyên, xuất hiện một luận sư độc đáo là đại sư Mã Minh (*Asvaghosa*), viết bộ *Đại Thừa Khởi Tín Luận*. Mã Minh sinh khoảng năm 80 Công Nguyên, trong một gia đình theo đạo Bà La Môn, vì thế học thuyết của Mã Minh thấp thoáng có tư tưởng *Upanishads*.



Mã Minh

Chỉ ít chúng ta thấy đại thừa và tiểu thừa đều có sự tiếp biến văn hóa bản địa nơi Phật Giáo được truyền bá. Đặc biệt đại thừa không tránh khỏi sự tiếp biến đối với đạo Bà La Môn, một tôn giáo đa thần và một văn hóa lớn lâu đời, có trước Phật Giáo. Qua việc tiếp biến (hay hội nhập), thần linh bắt đầu xuất hiện và can thiệp vào quá trình nhân quả của

nghiệp. Thật vậy, với đại thừa và quan niệm Bồ Tát Đạo, thần linh mà Đức Phật Thích Ca đã “cho vào dấu ngoặc” khi giảng dạy đạo giải thoát, đã lần lượt “quy y” Phật Giáo, nhưng đó là những vị rất tích cực và dễ thương, không còn là những thần linh Bà La Môn (ngày nay gọi là Ấn Giáo / *Hindouisme*), những ông thần làm cơ sở (đúng hơn là bảo trợ) cho việc phân chia đẳng cấp ở Ấn Độ xưa kia và đóng khung người ta trong đẳng cấp đó.⁽²⁶⁾ Những thần linh đó cũng thích những tế vật như bò béo, chiên to, v.v...⁽²⁷⁾ Vì thế, theo Phật Giáo, muốn giải thoát thì phải từ bỏ những thần linh Ấn Độ. Các vị bồ tát hoặc các thần hộ pháp trong đại thừa thì rất vị tha, rất vô tư, và vô cùng nhân hậu. Ta hãy thử nhận diện những vị hộ pháp này trong một bài kệ của kinh Dược Sư: *Mười hai thần tướng Đại Dược Sư / Hộ trì chánh pháp tại ta bà / Thiên Long Bát Bộ đều tùy hỷ / Tà ma ngoại đạo phải tránh xa. / Nam-mô hộ pháp chư thiên Bồ Tát Ma Ha Tát.*

Thần tướng, chư thiên chẳng phải cũng giống với các thiên thần trong Công Giáo hay sao mà đứng đầu là các thiên thần Gabriel, Raphael, rồi các thiên thần hộ thủ mỗi cá nhân? Yếu tố tha lực này cho phép các thần linh can thiệp vào cuộc đời người ta, nhất là những người nghèo khó mà trí tuệ và lòng từ bi còn hạn hẹp để giúp họ (hộ trì) thực hiện phần nào

⁽²⁶⁾ Năm đẳng cấp đó là: Bà La Môn tức là giáo sĩ (trương đương với chi tộc Lêvi trong Do Thái Giáo), chiến sĩ, thương nhân, thủ công, và hạ tiện. (Ng. Sơn chú)

⁽²⁷⁾ Việc cúng tế như thế rất tốn kém đối với người nghèo. Đức Giêsu từng nói về các thầy tư tế Do Thái như sau (Luca 11:46): “Các người chất trên vai kẻ khác những gánh nặng không thể gánh nổi, còn chính các người, thì dù một ngón tay cũng không động vào.” (Ng. Sơn chú)

chánh pháp trong việc tu hành. Sự hộ trì này được gọi là *trợ duyên*. Dĩ nhiên trợ duyên này không thay thế cho cơ chế nhân quả vì luật nhân quả chi phối mọi sự hữu trong vũ trụ này; nhưng trợ duyên có thể làm cho nhân quả biến đổi theo chiều hướng tích cực. Ví như phân bón không thay thế cho đất và nước nhưng giúp cho cây trồng (nhất là ở nơi đất xấu, ít nước) được tốt hơn, cho ra nhiều quả hơn.

Một đặc tính của trợ duyên là không áp đặt, không làm thay. Muốn được trợ duyên, hành giả phải có góp phần, dù là rất nhỏ hoặc không đáng kể. Nếu trợ duyên là sự ban phát bởi lòng từ bi của các Bồ Tát, là lời mời gọi chúng sinh phải nên hoàn thiện, phải nỗ lực để thành chánh quả thì về phía chúng sinh, chánh tín là lời đáp trả kèm theo việc làm của lòng từ bi,⁽²⁸⁾ những hành vi tạo phước. Niệm Phật A Di Đà, Bồ Tát Quan Thế Âm, Phật Dược Sư, v.v... đều là một phần của chánh tín, một lời đáp trả ứng nhận trợ duyên.

Đạo Thiên Chúa không nói trợ duyên nhưng dùng một từ ngữ khác là *ân sủng (grâce)*. Ân sủng này bao gồm nhiều loại mà quan trọng là *ơn thường sủng* (có luôn luôn) và *ơn hiện sủng* (hiện đang có) để giúp tín hữu hoàn thành mọi bốn phận đạo đức trong cương vị một con cái Chúa. Ơn này không giúp ta làm trái luật tự nhiên mà trong nhiều trường hợp ban cho ta sức mạnh thực hiện các quy luật đó,⁽²⁹⁾ đem

⁽²⁸⁾ Trong Công Giáo, Thiên Chúa là tình yêu (từ bi) thì sự đáp trả cũng phải bằng tình yêu. Các Thánh thường nói: “Chỉ có tình yêu mới đáp lại được tình yêu. / *Seul l'amour qui se paie de l'amour.*” (Ng. Sơn chú)

⁽²⁹⁾ Kể cả những quy luật mà khoa học chưa khám phá và thường gọi là những hiện tượng siêu nhiên hoặc phép lạ. (Ng. Sơn chú)

lại lợi lạc cho bản thân và người khác. Nếu cố tình làm trái luật tự nhiên, gây ra nhân xấu thì không ân sủng nào xóa được quả xấu.

Đức Giêsu nói (2 Côrintô 12:9): *Ơn Thầy đã đủ cho anh em. Dù đã đủ nhưng không thể thiếu nỗ lực làm lành lánh dữ của tín hữu. Lúc đó mới tạo ra sự “cộng hưởng” từ hai phía làm nên hiệu quả tỏ tường.*

Cõi Tây Phương Cực Lạc

Nếu hiểu Tịnh Độ Tông như một phương tiện -- không phải là một cứu cánh tối hậu, một thực tại sau cùng, hoặc Niết Bàn (vốn không thể lấy không gian và thời gian mà lĩnh hội) -- thì có một tịnh thổ còn gọi là cõi Tây Phương Cực Lạc. Có thể coi cõi này như một nơi trung chuyển, một chỗ trung gian giữa cõi ta bà với thực tại Nhất Như sau cùng.

Từ cõi hàm ý rằng Tây Phương Cực Lạc là một phương sở, một trụ xứ mà Bồ Tát Xá Lợi Phất (*Sāriputra*) có thể dùng ngôn ngữ biểu tượng để mô tả trong kinh A Di Đà như sau:

Ở cõi nước ấy, núi non, đất đai, thành quách, cung điện, các thứ phương tiện, nhà cửa phổ xá cho đến hàng cây đều nạm bảy báu: vàng bạc, trân châu, pha lê, mã não, lưu ly, xà cừ; cho nên cõi ấy gọi là cực lạc.

Ở cõi cực lạc, có ao thất bảo, nước tam công đức chảy hoài không dứt. Cát dưới hồ ấy là vàng đá quý. Dọc theo bờ hồ có những lối đi với những lầu các, cung điện nguy nga. Phong cảnh hữu tình, trang nghiêm đẹp mắt.

Hoa sen năm sắc lớn như bánh xe, nở bày cánh nhụy rực rỡ lạ kỳ. Sen xanh ánh biếc, sen vàng rực rỡ, sen đỏ ánh hồng, sen trắng ánh tuyết. Hương thơm tỏa ngát, tinh khiết nhiệm màu,

điểm tô cảnh đẹp giúp người nhiếp tâm.

Rõ ràng là chỉ trong cảnh giới đẹp đẽ, xinh tươi ấy hành giả mới dễ dàng đạt đến phẩm chất cao thượng của hoa sen. Nó giúp hành giả nhiếp tâm thanh tịnh để vươn lên cao, cao hơn nữa đến sự giác ngộ giải thoát, thể nhập Niết Bàn. Đến đây xin nói lại rằng Tịnh Thổ là cảnh giới trung chuyển, giải thoát viên mãn mới là cùng đích. Thế nên người được vãng sinh qua Tịnh Thổ vẫn còn mang nghiệp như câu nói *đới nghiệp vãng sinh*.⁽³⁰⁾

Trong Thiên Chúa Giáo, cũng có một cõi cực lạc như thế mà Sách Thánh gọi là *thiên đàng* hoặc là *trời mới đất mới* như được mô tả trong sách Khải Huyền của Thánh Gioan:

Tôi cũng thấy thành thánh, là Giêrusalem-mới, từ trên trời, ở nơi Đức Chúa Trời mà xuống, sửa soạn sẵn như một người vợ mới cưới trang sức cho chồng mình. (Khải Huyền 21:2)

Tường thì xây bằng bích ngọc, thành thì xây bằng vàng ròng, tựa như thủy tinh trong vắt. Những vách thành thì trang sức đủ thứ ngọc. Nền thứ nhất, bằng bích ngọc. Nền thứ nhì bằng đá lam bửu. Nền thứ ba bằng lục mã não. Nền thứ tư bằng đá lục cẩm. Nền thứ năm bằng hồng mã não. Nền thứ sáu bằng đá hoàng ngọc. Nền thứ bảy bằng ngọc hoàng bích. Nền thứ tám bằng ngọc thủy thương. Nền thứ chín bằng ngọc hồng bích. Nền thứ mười bằng ngọc phi túy. Nền thứ mười một bằng đá hồng bửu. Nền thứ mười hai bằng đá tử bửu.

(30) **đới nghiệp vãng sinh** 帶業往生 (*bringing one's karma to the Pure Land*): Người tu pháp môn niệm Phật, nếu đủ điều kiện nhân duyên thì lúc chết được sinh qua cõi Tịnh Độ và mang theo cái nghiệp họ đã tạo ở kiếp trước.

Mười hai cửa thì làm bằng mười hai hột châu. Mỗi cửa bằng một hột châu nguyên khối làm thành. Đường trong thành bằng vàng ròng, giống như thủy tinh trong suốt. (Khải Huyền 21:18-21)

Thiên sứ chỉ cho tôi xem sông nước sự sống, trong như lưu ly, từ ngai Đức Chúa Trời và Chiên Con chảy ra. Ở giữa phố thành và trên hai bờ sông có cây sự sống trổ mười hai mùa. Mỗi tháng một lần ra trái. Và những lá cây đó dùng để chữa lành cho các dân. (...) Đêm không còn có nữa, và những tôi tớ Thiên Chúa không cần đến ánh sáng đèn hay ánh sáng mặt trời, vì Chúa là Đức Chúa Trời sẽ soi sáng cho họ và họ sẽ trị vì đời đời. (Khải Huyền 21:18-21; 22:1,5)

Khi đọc bản văn này trong sách Khải Huyền, tôi có mấy nhận xét sau:

1. Thiên Đàng, hoặc trời mới đất mới, hoặc thành Giêrusalem-mới này là một phương sở có không gian và thời gian. Đêm không còn nữa vì có hào quang của Chúa cùng chư thánh tỏa sáng. Nơi này với tất cả những biểu tượng tốt lành như vàng, các loại bảo vật và ngọc quý với đủ bảy sắc cầu vồng, sông thiêng và cây sự sống. Nhưng rõ ràng không phải là cái tuyệt đối sau cùng.

2. Nếu trong cảnh giới tịnh độ, mọi tốt lành, đẹp đẽ và giá trị là để giúp người ta tu giai đoạn sau cùng đạt thành công (như cụm từ cuối của bản văn trích dẫn: *giúp người nhiếp tâm*), thì thành Giêrusalem-mới này sẽ giúp cho những người được chọn trị vì trong một tương lai nhờ ở gần Chúa và được Người soi sáng.

3. Cụm từ ở đầu bản văn (*Từ trên trời ở nơi Đức Chúa Trời*

mà xuống) cho thấy rõ ràng bên trên thành Giêrusalem-mới còn có một chỗ cao hơn, nơi Thiên Chúa ngự trị và thành ấy ở trên thế gian này mà Phật Giáo gọi là cõi ta bà. Tôi đã mạo muội mà nói rằng đó là một nơi trung chuyển đến sự cứu độ (giải thoát) sau cùng là *nơi ở của Thiên Chúa*. Hẳn Đức Giêsu đã nói về cái cùng đích đó khi dạy (Mátthêu 5:48): *Anh em hãy nên hoàn thiện như Cha trên trời là Đấng Toàn Thiện*. Phải chăng tín hữu nên trở thành chính sự hoàn thiện? Đức Giêsu cũng đã lấy Ngài làm tấm gương hoàn thiện: *Tôi ở trong Chúa Cha và Chúa Cha ở trong Tôi* (Gioan 14:11); *Tôi và Chúa Cha là một* (Gioan 10:30). Và khi chúng ta ngợi khen Đức Maria trong kinh Kính Mừng (*Đức Chúa Trời ở cùng Bà*), ta cũng đã thừa nhận sự hoàn thiện của Đức Maria. Và tôi mạo muội gọi thiên đàng hay thành Giêrusalem-mới là *tịnh-độ-thánh* (để phân biệt với Tây Phương Cực Lạc của Phật A Di Đà), là nơi sau cùng hành giả phải đến trước khi *nên-thánh*, nói đúng hơn là *nên-một* với Thiên Chúa trong sự hoàn thiện.

Điều kiện để được vào tịnh-độ-thánh

Tôi dùng chữ *thánh* là để nhấn mạnh một ý đã có trong sách Khải Huyền, khi sách này nói về phẩm chất của những người được nhận vào *tịnh-độ-thánh*:

Người ta sẽ đem vinh hiển và phú quý của các dân đến đó; kẻ ô uế, người làm điều gớm ghiếc và nói dối không hề được vào thành; nhưng chỉ có những kẻ đã được ghi tên trong sách sự sống của Chiên Con. (Khải Huyền 21:26-27)

Như vậy điều kiện để được vào tịnh-độ-thánh là chúng ta phải trong sạch, công bình và trung thực. Phải thành tựu những giá trị cứu độ có trong mọi tôn giáo và văn hóa (*vinh*

hiển và phú quý của các dân đến đó). Đó là những đòi hỏi cuối cùng trước khi *nên-thánh* viên mãn. Có lẽ vì thế chúng ta mới hiểu ý nghĩa của từ *thiên đàng* mà Đức Giêsu nói với “tên trộm lành”.⁽³¹⁾ Chúng ta hãy trở lại cảnh tượng đó trên đồi Golgotha:

Vả lại, một tên trộm cướp bị đóng đinh cũng mang nhiệt Ngài rằng: Ngươi không phải là Đấng Kitô sao? Hãy tự cứu lấy mình cùng cứu chúng ta nữa! Nhưng tên kia trách nó rằng: Ngươi cũng chịu một hình phạt ấy, còn chẳng sợ Đức Chúa Trời sao? Về phần chúng ta, chỉ là sự công bình, vì hình phạt ta chịu xứng với việc ta làm; nhưng người này không hề làm một điều gì ác. Đoạn lại nói rằng: Hỡi ông Giêsu, khi ngài đến trong nước mình rồi, xin nhớ lấy tôi! Đức Chúa Giêsu đáp rằng: Quả thật, ta nói cùng ngươi, hôm nay ngươi sẽ được ở với ta nơi paradís. (Luca 23:39-45)

Các bản văn Công Giáo đều dịch *paradis* là thiên đàng, các bản văn Tin Lành thì phiên âm là *ba-ra-đi* với cước chú: “*Ba-ra-đi (paradis)* hoặc dịch là vườn vui vẻ, hoặc dịch là thiên đàng.”

Nhưng nếu dựa vào truyền thống, người ta thường gọi tên trộm có phúc ấy là “tên trộm lành”⁽³²⁾ -- mới *lành* chứ chưa phải là *thánh*. Mặc dù trong thần học chính thống, có quan điểm cho rằng, sau lời hứa của Đức Giêsu, tên trộm ấy đã nên

⁽³¹⁾ Xem thêm bài *Kẻ Cướp Được Vào Thiên Đàng*, in trong: Huệ Khải, *Phúc Âm Kể Lại Theo R.F. Wilson*, Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2019, tr. 81-88.

⁽³²⁾ Thiết tưởng, mỗi chúng ta trước Đấng Thánh đều là những tên trộm mà sự lành thì ít hoặc nhiều, hoặc khi ít khi nhiều, hoặc không ít cũng không nhiều. (*Ng. Sơn chú*)

thánh, là người đầu tiên vào thiên đàng sau khi Đức Giêsu sống lại, cũng là người đầu tiên được chính Đức Giêsu tại thế phong thánh.

Phần tôi, tôi theo truyền thống mà cho rằng anh chỉ là tốt lành, vẫn còn phải tu đức để nên *trộn-lành* và cái *paradis* mà Chúa hứa với anh ta chính là nơi anh còn phải tu tập để trở thành thánh trong tình yêu của Chúa, vì hình như Chúa đã thấy ở anh những căn lành, những tố chất để nên thánh,⁽³³⁾ vì thế tôi dám gọi Chúa đang hứa đưa anh vào cõi tịnh-độ-thánh là nội hàm mà tôi đã dùng để hiểu từ *paradis*. Vả lại *nên-thánh* là cứu cánh của việc *sống đạo*, chứ không phải *giữ đạo* (vốn bị hạn chế trong việc giữ lề luật theo hình thức để được vào thiên đàng theo cách hiểu thực dụng của khá nhiều tín hữu). *Nên-thánh* đúng nghĩa phải là *nên-một* với Chúa và trong Chúa. Vì thế Thánh Nữ Têrêxa Avila (1515- 1582) đã nói một câu rất khó chịu là: *Nếu trong hỏa ngục có Chúa thì tôi sẵn sàng xuống hỏa ngục với Ngài*.

Bây giờ xin trở lại những điều kiện để được vắng sinh tịnh độ. Trong kinh A Di Đà, ta thấy có năm điểm:

(1) Làm phước báu nhiều (như bố thí, ăn chay).

(2) Có căn lành nhiều, không còn tham sân si cũng như các cảm xúc và hành vi tiêu cực khác.

⁽³³⁾ Khi tên trộm này nói mình đáng tội, anh công bằng với chính mình. Khi tuyên xưng Đức Giêsu vô tội, anh công bằng với Ngài. Khi cầu xin Ngài nhớ đến anh, anh bày tỏ một lòng khiêm nhường tín thác (là một đặc điểm trội vượt của đức tin). Vả lại, điều này cũng cho thấy trí tuệ (hoặc trí huệ) vì anh đã nhìn ra Đạo nơi Ngài. (*Ng. Sơn chú*)

(3) Tạo nhiều nhân duyên tốt (như tạo ra những môi trường văn hóa xã hội tốt đẹp, những môi trường hoằng pháp tốt đẹp).

(4) Quán tưởng pháp âm để sống hòa hợp với tự nhiên.

(5) Nhất tâm bất loạn.

Tất cả những điều trên, truyền thống tu tịnh độ của Phật Giáo tóm tắt trong hai câu: *Ái bất trọng, bất sanh ta bà. Niệm bất thiết, bất sanh tịnh độ.*⁽³⁴⁾ Nghĩa là để vào được tịnh độ, người ta phải buông bỏ hết mọi ái dục, và phải cầu nguyện thiết tha, miên mật⁽³⁵⁾ như lời khuyên của Đức Giêsu là phải tỉnh thức và cầu nguyện không ngừng.

Một vài điều tiêu cực

Đến đây, chúng ta thấy rõ rằng tịnh độ của đại thừa hay *trời mới đất mới* của đạo Chúa đáp ứng một khát vọng được cứu độ của đa số quần chúng vốn có căn cơ (hay trí tuệ) thường ở mức trung bình. Nói theo Nho Giáo, đó là những người thuộc *trung nhân dĩ hạ*.⁽³⁶⁾ Vì thế Tịnh Độ Tông thường

⁽³⁴⁾ 愛不重不生娑婆. 念不切不生淨土.

⁽³⁵⁾ **miên mật** 綿密 (*fine and careful*): Chu đáo, kỹ lưỡng.

⁽³⁶⁾ **trung nhân dĩ hạ** 中人以下 (*Those whose capabilities are below mediocrity or ordinariness*): Người có căn trí (*capabilities*) từ mức trung bình trở xuống. *Luận Ngữ* (5:21): 子曰: 中人以上, 可以語上; 中人以下, 不可以語上也. *Tử viết: Trung nhân dĩ thượng, khả dĩ ngữ thượng; trung nhân dĩ hạ, bất khả dĩ ngữ thượng dã.* (Đức Khổng nói: Kẻ bậc trung trở lên thì ta có thể nói điều cao siêu với họ; kẻ bậc trung trở xuống thì ta không thể nói điều cao siêu với họ. / *The Master said, "To those whose capabilities are above mediocrity, the highest subjects may be*

nhấn mạnh đến từ bi hơn trí tuệ trong khi các tông phái trí thức khác thì nhấn mạnh đến trí tuệ nhiều hơn.

Tuy nhiên không phải lúc nào con người cũng đúng theo những chuẩn tắc của Tịnh Độ Tông, (. . .)⁽³⁷⁾ nên có những hành giả bỏ qua câu đầu (*Ái bất trọng, bất sanh ta bà*), chỉ còn giữ lại câu sau (*Niệm bất thiết, bất sanh tịnh độ*). Khổ nổi là chữ *thiết* không còn được hiểu là *thiết tha, nồng nàn, chánh niệm, chánh tín* theo điều kiện (5) ở trên là *Nhất tâm bất loạn*. Trái lại người ta hiểu theo mặt chữ là con số hàng trăm, hàng ngàn câu niệm danh hiệu Phật A Di Đà, trong khi lơ là bốn điều kiện đầu. Như thế lâu ngày việc tụng niệm trở thành máy móc, hình thức và chiếu lệ. Cách hành trì như thế chẳng phải đã lệch hướng rồi sao?

Trong Đạo Chúa cũng thế, người ta bằng lòng ở lại nơi trung chuyển như ba tông đồ muốn dừng lều ở lại lâu dài trên núi Tabor trong ngày Chúa biến hình.⁽³⁸⁾ Thật vậy, núi Tabor khi Đức Giêsu đàm đạo với Môsê và Êlia chẳng khác gì

announced. To those whose capabilities are below mediocrity, the highest subjects may not be announced.")

⁽³⁷⁾ Tác giả Ng. Sơn xem Tịnh Độ là nơi *trung chuyển*. Đạo Uyển xin phép lược bớt phần nhận định của ông trong đoạn này.

⁽³⁸⁾ Đức Giêsu đem các ông Phêrô, Giacôbê và Gioan là em ông Giacôbê đi theo mình. Người đưa các ông đi riêng ra một chỗ, tới một ngọn núi cao [Tabor]. Rồi Người biến đổi hình dạng trước mặt các ông. Dung nhan Người chói lọi như mặt trời, và y phục Người trở nên trắng tinh như ánh sáng. Và bỗng các ông thấy ông Môsê và ông Êlia hiện ra đàm đạo với Người. Bấy giờ ông Phêrô thưa với Đức Giêsu rằng: "Lạy Ngài, chúng con ở đây, thật là hay! Nếu Ngài muốn, con xin dựng tại đây ba cái lều, một cho Ngài, một cho ông Môsê, và một cho ông Êlia." (Mátthêu 17:1-4)

thiên đàng, một nơi tịnh độ. Thế nhưng con đường nên thánh của ba tông đồ còn đang phía trước. Các vị còn thiếu việc vác thánh giá theo Chúa để hoàn thiện bản thân.⁽³⁹⁾ Trong một đoạn văn trước đoạn nói về thành Giêrusalem-mới, chúng ta có sự mô tả những người được cứu chuộc hoặc được giải thoát: *Họ đến từ muôn dân, muôn nước, áo họ trắng tinh như tuyết. (...) Họ đến từ mọi khổ đau và đã giặt áo mình trong máu của Chiên Con.* Sự thanh luyện bằng đau khổ, tất cả những đau khổ mà Phật Giáo đề cập trong *Khổ Đế*. Nhiều người theo đạo để được vào thiên đàng (hay tịnh-độ-thánh) mà quên rằng cái đích sau cùng là *nên-một* với Chúa, hay nói một cách mạnh mẽ như Thánh Irênê: *Thiên Chúa xuống làm người để con người trở thành Thiên Chúa.* Câu này đâu khác gì câu Đức Phật đã nói: *Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành.*

Chỉ khi qua sự thanh luyện của thập giá này mà chúng ta mới được vác thánh giá theo Đức Kitô cho nên-thánh, và mới được như lời Phaolô: *Anh em hãy hủy mình ra không... Hãy trở nên đồng hình đồng dạng với Đức Kitô.*⁽⁴⁰⁾ Chỉ trong một câu này của Phaolô, người ta gặp được hai quan niệm rất quan trọng của Phật giáo là vô ngã (*non-soi*) và bất nhị (*non-dualité*) của Thiền Tông.

⁽³⁹⁾ Đức Giêsu nói (Luca 9:23): “Ai muốn theo tôi, phải từ bỏ chính mình, vác thập giá mình hằng ngày mà theo.” Con đường nên thánh không dễ dãi, nhẹ nhàng. Các thánh khi còn tại thế đều phải chịu nhiều thử thách đắng cay, nghiệt ngã. (Ng. Sơn chú)

⁽⁴⁰⁾ Phaolô có một câu rất dữ dội là: *Tôi không còn sống nữa, nhưng chính Chúa sống và hoạt động trong tôi.* Thiết tưởng, nếu muốn trì chú câu đó phải đạt đến vô ngã; nếu chưa đạt tới vô ngã thì không khỏi rơi vào phạm thượng. (Ng. Sơn chú)

Nhân đây tôi xin dẫn ra một vài câu nói rất *bất nhị* của Mẹ Têrêxa Calcutta (1910-1997), một thánh nhân của thời đại chúng ta. Năm 1977, Mẹ nói về người nghèo:

Tôi nghĩ điều thật sự quan trọng là tất cả chúng ta phải đón nhận (người nghèo) là anh chị em của chúng ta; chúng ta mắc nợ họ tình yêu, sự chăm sóc và quan tâm... Họ cho chúng ta nhiều hơn chúng ta cho họ. (...) Họ là những người rất mạnh mẽ, sống ngày qua ngày không có thức ăn. Và họ không chải rửa cũng không than phiền. Chúng ta không nên thương xót hoặc đồng cảm với họ. Chúng ta học nơi họ rất nhiều điều...



Têrêxa Calcutta (1910-1997)

Điều đáng lưu ý là những người nghèo hưởng được sự yêu thương, chăm sóc và an ủi của Mẹ Têrêxa phần lớn là người Ấn Độ theo đạo Hindu (Ấn Giáo), nghĩa là họ thuộc về một tôn giáo khác. Điều thứ hai là cái bất nhị (*dualité*) của Mẹ Têrêxa là thể tánh của đại từ bi, trong khi cái bất nhị của Thiền Tông dựa vào trí tuệ.

Trong việc hành đạo, đa số tín hữu bám chặt vào tín điều và các bí tích mà Giáo Hội cơ chế đã đúc kết như được liệt kê trong kinh Tin Ngày Chủ Nhật mà quên đi cụm từ *và làm những việc lành phúc đức*.⁽⁴¹⁾ Về các quy tắc đạo đức, tín hữu

⁽⁴¹⁾ Làm việc lành phúc đức không chỉ là làm từ thiện, nhất là cho người đồng đạo, mà còn xây dựng đời sống tinh thần đạo hạnh

nhớ rõ Mười Điều Răn trong đạo Môsê (Cựu Ước), nhưng ít người dám sống Tám Mối Phúc Thật của Đức Giêsu trong Bài Giảng Trên Núi. Thế nhưng, chính Tám Mối Phúc Thật mới là quy chuẩn của việc nên thánh. Người ta còn thay việc suy niệm Lời Chúa ⁽⁴²⁾ bằng việc đọc kinh và lần chuỗi càng nhiều càng tốt. Đôi khi vì quá mệt mỏi có người vừa đọc kinh vừa ngủ gật.⁽⁴³⁾

Quả thật nếu làm trọn Tám Mối Phúc Thật cùng *những việc lành phúc đức* trong kinh Tin Ngày Chủ Nhật, chắc hẳn Kitô hữu không khác với Phật tử làm trọn năm điều khuyên trong phép tu Tịnh Độ. Có như thế, những việc khác như suy niệm, ngồi thiền, đọc kinh, tham dự thánh lễ hoặc trì tụng danh hiệu Phật mới đem lại lợi lạc và sự thăng tiến trong đời sống tâm linh cho người hành đạo.

Thánh Mẫu Maria và Đức Quán Thế Âm

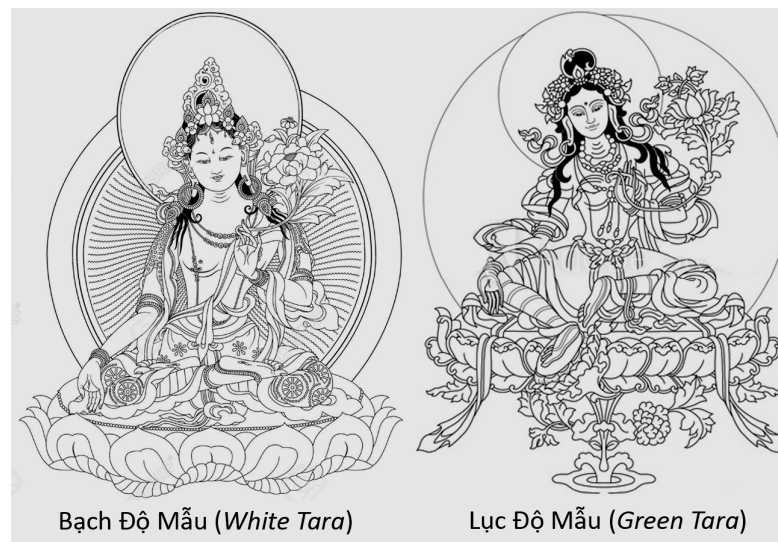
Một đặc trưng dễ thấy của tinh thần Tịnh Độ là vai trò của người nữ trong việc cứu độ. Bên cạnh Phật A Di Đà của Tịnh Độ là Đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Bên cạnh Chúa Giêsu và dưới chân thập giá ở thời điểm mạnh (*temps fort*) của yêu thương và cứu độ có Đức Maria. Và chính trong lúc này, Đức Maria

cho mình và cho mọi người, v.v... Nhất là phải tôn trọng nhân vị của ta và người trong sự bình đẳng (*le respect humain*). Có lẽ phải có đủ năm điều kiện của phép tu tịnh độ đã nêu trên đây. (Ng. Sơn chú)

⁽⁴²⁾ Đây cũng là cách thiền định mà Phật Giáo gọi là *quán pháp* trong bài kinh *Tứ Niệm Xứ*. (Ng. Sơn chú)

⁽⁴³⁾ Đức Giêsu nói (Mátthêu 15:8): “Dân này thờ kính Ta bằng môi bằng miệng, còn lòng chúng thì lại xa Ta.” (Ng. Sơn chú)

đã được tấn phong làm Thánh Mẫu.⁽⁴⁴⁾ Trong pháp môn Tịnh Độ, Quan Thế Âm cũng được coi là Phật Mẫu và Mật Tông thờ phượng dưới danh hiệu *Tara* (còn gọi là Bạch Độ Mẫu và hai mươi một hóa thân Lục Độ Mẫu).⁽⁴⁵⁾ Điều này thấy rõ trong một lời trì chú của Mật Tông tức Kim Cang Thừa: *Nam mô Bạch Tara Quán Thế Âm Bồ Tát*.



Hình tượng một người nữ làm Phật Mẫu hoặc Thánh Mẫu quả là một sự tôn vinh tuyệt vời lòng từ bi của chư Phật. Có thể nói Đức Quán Thế Âm thể hiện đại từ bi của chư Phật. Không có lòng đại từ bi này chư Phật không thể gọi là Phật,

⁽⁴⁴⁾ Lúc đó, Đức Giêsu nhìn Gioan và nói với Maria (Gioan 19:25-27): “Đây là con Mẹ.” và nhìn Maria nói với Gioan: “Đây là Mẹ con.” (Ng. Sơn chú)

⁽⁴⁵⁾ Bạch Độ Mẫu 白度母 (White Tara); Lục Độ Mẫu 綠度母 (Green Tara): Bạch là màu trắng; lục là màu xanh lá.

cũng khó nói các ngài có đại trí huệ. Chính với lòng đại từ bi ấy mà Đức Quán Thế Âm lắng nghe tiếng kêu cầu của chúng sinh để ra tay cứu giúp.

Trong đạo Chúa, Thánh Mẫu Maria cũng cùng Ba Ngôi tìm mọi cách để cứu nhân độ thế. Có thể nói Mẹ Maria chính là hiện thân của tình yêu giữa Ba Ngôi, một tình yêu không dừng lại ở chiêm niệm mà ra tay cứu vớt. Vì thế Thánh Mẫu là tình yêu Ba Ngôi đến với con người, ngược lại với lời kêu cứu của con người “qua Mẹ đến cùng Thiên Chúa”, theo một công thức của thần học chính thống. Mặt khác, dù cương vị Đức Maria phạm hèn đối với Thiên Chúa, nhưng Mẹ đáng được gọi là *Đấng Đồng Công Cứu Chuộc*.

Ta hãy tận hưởng tình yêu ấy khi chạy đến cùng Mẹ Maria và Mẹ Quán Thế Âm để ăn năn hoán cải và cầu xin mà không cần nhiều lý lẽ, vì Pascal nói: Con tim có những lý lẽ mà lý trí không hiểu được. (*Le cœur a des raisons que la raison ne connaît pas.*) Ta cũng không như Giám Mục Bossuet nào đó đòi hỏi phải đưa Đức Maria vào ngang hàng với Ba Ngôi.⁽⁴⁶⁾ Ta chỉ cần biết rằng từ bi và trí huệ là hai mặt của *đồng-tiền-cứu-độ* hay giải thoát. Vả lại, trong ngôn ngữ thần thoại Hy Lạp, trí huệ (*la sagesse*) được biểu trưng bằng một nữ thần có tên là Sophia.

Vâng: *Nam Mô Bạch Tara Quán Thế Âm Bồ Tát*. Hoặc: *Lạy Thánh Mẫu Maria xin cứu lấy các linh hồn*.

⁽⁴⁶⁾ Thật ra trong Ba Ngôi đã có Đức Mẹ vì Ngôi Ba chính là Hôn Phu của Mẹ. Mẹ chính là “hình tượng” của Ngôi Ba ngoài những hình tượng khác mà Sách Thánh đề cập (lưỡi lửa, suối nguồn, sương giá, bồ câu, gió...). Hình tượng Mẹ đúng nhất, chính xác nhất, vì là hình tượng con người. (Ng. Sơn chú)

Kết luận

Trên đây chỉ là những suy nghĩ vụn vặt và “ngoài luồng”. Tuy nhiên, tôi cũng tạm đưa ra mấy kết luận như sau:

1. Trong mỗi người và trong nhân loại nói chung, ai cũng mang trong mình một khát vọng về sự cứu độ và về thực tại tuyệt đối. Đặc biệt khi người ta nhận biết mình chỉ là những tồn tại hữu hạn (*être fini*) ngoài sinh, già, bệnh, chết lại còn bị những thiên tai địch họa bên ngoài đe dọa. Trong những lúc bi đát ấy, nhu cầu được cứu độ càng trở nên mạnh mẽ hơn lúc bình thường an nhiên tự tại. Dường như trong chúng ta đều có một chủng tử (hạt giống) bao hàm cái khát vọng được cứu ấy ở nơi sâu thẳm nhất. Nhà phân tâm học kiệt xuất Carl Jung (1875-1961) gọi những chủng tử ấy là những nguyên mẫu (*archétype*) trong vô thức tập thể (*inconscient collectif*). Vô thức tập thể này thâm sâu hơn vô thức mà Sigmund Freud (1856-1939) đề cập. (Cái vô thức của Freud còn rất cạn vì nhiễm ô rất nhiều ái dục.) Khi gieo những hạt giống thanh tịnh và cao quý ấy vào những mảnh đất văn hóa khác nhau, chúng sẽ hội nhập và tạo ra các tôn giáo (bản địa) khác nhau. Điều này cũng giải thích sự gặp nhau giữa Tịnh Độ Tông với đạo cứu độ của Thiên Chúa. Sự hiện hữu nhiều tôn giáo khác nhau trong những nền văn hóa khác nhau chỉ là “diệu dụng” của một chân lý duy nhất nhưng vô cùng phong phú và giàu sang. Nhưng tại sao là Tịnh Độ? Xin thưa, vì chỉ có tịnh độ mới vượt qua cái mà Karl Marx gọi là *ý thức giai cấp*, vì ơn gọi phục vụ người nghèo (nhất là nghèo trí tuệ) là ơn gọi chính của mọi pháp môn Tịnh Độ.

2. Trước đây có một thời kỳ tôi tham gia vào một đoàn thể gọi là Đối Thoại Liên Tôn. Tôi thấy khi gặp nhau, các bên tôn

giáo đều nặng về sự tiếp đón xã giao, lễ lạt... mà không đi vào thực chất của đối thoại. Đối thoại đúng nghĩa là khi qua cuộc đối thoại, người ta “múc” của nhau những điều hay đẹp để bổ sung những gì mình không có. Điều này đòi hỏi các bên phải thông thoáng hơn để không cho rằng mình là con đường duy nhất đến với chân lý và là con đường duy nhất đúng. Phải chấp nhận một tiên đề là có nhiều con đường khác nhau sẽ gặp nhau ở chân lý hay thực tại tối hậu. Đó là ý nghĩa câu *Đồng quy nhi thù đồ*. Dĩ nhiên để chấp nhận có *thù đồ* thì người ta phải buông bỏ giáo điều mà việc chấp chặt giáo điều dường như là đặc trưng của các tôn giáo độc thần phương Tây: Người ta đặt cho Ông Trời những tên gọi khác nhau rồi quay ra đánh đấm nhau.

May thay! Từ khi tôi khám phá ra rằng thiên đàng của đạo Chúa cũng là một cõi tịnh độ mà vì thương con người yếu đuối về mọi mặt (đặc biệt những người có trí huệ hạn chế), nên các Đấng cao siêu, từ ái đã dọn sẵn cho nhân loại khổ não lầm than để sau một kiếp người khổ ải, họ còn có nơi tiếp tục tu hành ngộ hầu đạt đến cứu cánh. Tôi hoan hỷ và tự nhủ: Nếu cần đối thoại, chỉ ít tôi đã có một nội dung cụ thể để qua đó học hỏi bạn bè. Đức Khổng Tử nói: *Có bạn đạo phương xa tới thăm, cũng chẳng vui sao?* ⁽⁴⁷⁾ Đối với tôi, mọi

⁽⁴⁷⁾ *Luận Ngữ* (1:1): *Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ?*
有朋自遠方來, 不亦樂乎?

Chữ *bằng* 朋 thường được hiểu là bạn bè, nhưng trong câu này nên hiểu là bạn đạo, hay bạn đồng môn. Khi chú thích câu này Dương Bá Tuấn 楊伯峻 (1909-1992), tác giả *Luận Ngữ Chú Giải* 論語注解, cho biết rằng chú thích xưa nói *Đồng môn viết bằng* 同門曰朋 (Bạn đồng môn gọi là *bằng*).

tôn giáo trong cái *tinh túy cao thượng* của mình đều là bạn đạo phương xa mà tôi cần học hỏi.

3. Với một tâm trạng cởi mở như vừa nói, thiết tưởng việc các tôn giáo và mọi thành phần dân tộc có thể cùng nhau cộng tác xây dựng một xã hội tốt đẹp, một không gian lành mạnh để thăng tiến bản thân vừa tự nhiên vừa vượt tự nhiên, một tịnh độ ở đây và bây giờ, một tịnh độ tại thế và của hôm nay. Trong đó mọi chia rẽ tôn giáo, mọi hiềm khích quan điểm, mọi chia rẽ mà lịch sử để lại sẽ được hóa giải trong yêu thương và đoàn kết. Chúng ta có thể nói đất nước này là tiền phòng của cõi tịnh độ (hay thiên đàng), là một trạm trên con đường dẫn đến thực tại tối hậu và tuyệt đối. Điều này đáng được mong muốn lắm thay.

Gioan NGUYỄN SƠN
(Pháp danh: Toàn Nhất)



MÀU HOA CŨ

Ai biết bây giờ ai đã quên
Một loài hoa dại ở ven biển
Giữa chiều nắng lặn soi con sóng
Ven mạn đò đông hé vẻ duyên
Áo trắng sang sông đà tít tắp
Lục bình theo nước vẫn lênh dênh
Mái mơ náu giữ màu hoa cũ
Tím nhuộm khoảng trời nay vắng tên.

NGUYỄN QUỐC HUÂN

Phật Giáo Bình Dương Đầu Thế Kỷ 20 Qua Tác Phẩm Hán Nôm *Lưu Hương Diễn Nghĩa Bảo Quyển*

PGS.TS. TRẦN HỒNG LIÊN

Đạo Uyển: Tại thánh tịnh Ngọc Minh Đài (đường Nguyễn Khoái, quận Tư, Sài Gòn), ngày 15-3 Bính Ngọ (Thứ Ba 05-4-1966), Đức Vô Cực Từ Tôn Diêu Trì Kim Mẫu dạy:

Con ôi! Phụ nữ, đời gọi rằng phái yếu thì tất cả mọi sự đều yếu, nhứt là nhẹ dạ non lòng, nghe đây nghe đó, rồi không định được bốn phận tu hành, để lỗi đạo với gia đình, lỗi niềm cốt nhục, thì sự tu đâu đủ bù sót lại lỗi kia. Mẹ khuyên các con, duyên nghiệp đã đưa vào cảnh nào phải cam lòng trong cảnh ấy, và học gương Diệu Thiện, Lưu Hương để cảm hóa gia đình cùng chung trong đường đạo đức. Đứng đi minh bạch, hành sự đoan chánh, tu học phải lối trún đường. Đó là các con biết tìm về với Mẹ.

Diệu Thiện là công chúa Diệu Thiện. *Biên Niên Thông Luận*, quyển 10, chép: Khi được luật sư Đạo Tuyên ở Nam Sơn hỏi về duyên khởi của Bồ Tát Quan Thế Âm, thì thiên thần trả lời rằng ngày xưa có vua Trang Nghiêm Vương và hoàng hậu Bảo Ứng sinh được ba gái theo thứ tự là Diệu Nhân, Diệu Âm, và Diệu Thiện. Công chúa út tu hành ở núi Hương Tích (Việt Nam), đắc đạo thành Bồ Tát Quan Thế Âm.⁽¹⁾

Về **Lưu Hương**, mời quý đạo hữu xem bài sau đây.

Từ sau năm 1698, với sự thiết lập cơ cấu hành chính của Nguyễn Hữu Cảnh, vùng đất Đàng Trong, mà Đồng Nai, Gia

Định là hai khu vực lớn, đón nhận di dân từ miền Trung vào Nam khai phá. Chùa chiền cũng theo sự có mặt của di dân mà hiện diện rộng khắp. Dinh Trấn Biên thuộc huyện Phước Long xưa, vốn bao gồm ba trung tâm thị tứ của Bình Dương ngày nay: Tân Uyên, Lái Thiêu, Thủ Dầu Một. Dọc theo hai bờ sông Đồng Nai và lan sang các tỉnh như Bình Dương, Tây Ninh... khu vực Đông Nam Bộ bấy giờ đã là điểm đầu tiên, đưa Phật Giáo từ miền Trung du nhập vào Nam Bộ.⁽²⁾

Cho đến giữa thế kỷ 19, Phật Giáo Bình Dương, với trung tâm là Thủ Dầu Một, đã có những khởi sắc về tổ chức và sinh hoạt Phật Giáo.

Khảo sát một số tác phẩm văn học Phật Giáo, đặc biệt là đã được phổ biến trong dân gian ở Bình Dương đầu thế kỷ 20, phần nào còn giúp nhận diện được tính đặc thù và đa dạng của Phật Giáo Bình Dương, đồng thời cũng góp phần vào việc nhận diện vị trí, vai trò và ảnh hưởng nhất định của văn hóa vùng đất Đông Nam Bộ nói chung trong lịch sử phát triển Nam Bộ.

1. Văn học Phật Giáo ở Bình Dương trong giai đoạn đầu thế kỷ 20 khởi sắc với các tác phẩm được lưu hành rộng rãi trong dân gian, được nhiều người biết đến như: *Lưu Hương Diễn Nghĩa Bảo Quyển*;⁽³⁾ *Hương Sơn Bảo Quyển*; *Lưu Hương Nữ Bảo Quyển*.

⁽²⁾ Lẽ ra nên gọi là *Nam Kỳ*, vì danh xưng Nam Bộ mãi tới tháng 5-1945 mới xuất hiện để thay cho danh xưng Nam Kỳ đã có từ năm 1834. Xem: Huệ Khải, *Đất Nam Kỳ -- Tiền Đề Văn Hóa Mở Đạo Cao Đài*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2008, tr. 10. (Đạo Uyển chú)

⁽³⁾ *Lưu Hương Diễn Nghĩa Bảo Quyển* 劉香演義寶卷. (Đạo Uyển chú)

⁽¹⁾ <http://www.hoalinhthoai.com/buddhistdictionary/detail/char-703/60/char-703.html>

Lưu Hương Diển Nghĩa Bảo Quyển là truyện cổ Phật Giáo dạng thơ lục bát, viết bằng chữ Hán Nôm, gồm 3.042 câu. Sách xuất hiện ở Thủ Dầu Một, do hai tín nữ chùa Hội Khánh [會慶] là Nguyễn Từ Nguyên và Huỳnh Diệu Trúc san định lại vào mùa thu năm Mậu Thân (1908). Sách được in trên giấy bản khổ 13x21cm, 86 trang.⁽⁴⁾

Bảo quyển là dạng tên gọi để chỉ những sách viết về truyện cổ Phật Giáo, hoặc loại diễn nghĩa từ kinh Phật dưới đời Tống ở Trung Quốc, như các quyển *Thăng Thiên Bảo Quyển*, *Ngư Lam Quan Âm Bảo Quyển*, v.v...

Gần đây, *Lưu Hương Diển Nghĩa Bảo Quyển* đã được Phan Thanh Đào dịch ra Việt ngữ, do Hội Văn Học - Nghệ Thuật Bình Dương xuất bản.⁽⁵⁾ Nội dung đề cập đến gia đình của ông Lưu Quan và bà Từ Thị. Hai người có cô con gái tên Lưu Hương, do lúc mới được sinh ra, cô có mùi hương lan tỏa và có ánh sáng. Khi lớn, Lưu Hương sớm giác ngộ Phật pháp, theo ni sư Chân Không tu hành, nhưng cha mẹ đã hứa hôn cho gia đình họ Mã, nên vì chữ hiếu cô không thể chối từ.

Cốt truyện đề cập đến hành động khuyến thiện quan trọng của Lưu Hương, như khuyên nhủ cha mẹ bỏ nghề buôn bán rượu thịt, vì cô tin vào thuyết nhân quả và đã được cha mẹ chấp thuận. Sách cũng đề cập đến hoàn cảnh oan trái của Lưu Hương khi về làm dâu nhà họ Mã, qua cuộc hôn nhân ép buộc. Nhưng cuối cùng, với tính nhẫn nhục chịu đựng, sự

mềm mỏng khuyên lơn, Lưu Hương đã thuyết phục và cảm hóa được gia đình chồng.

Mười Điều Khuyên của Lưu Hương dưới dạng thơ lục bát:

Một là tin tưởng Phật Trời
Thờ cha kính mẹ hiếu thời vi tiên
Hai là tu đức hồi thiên
Từ bi nhẫn nhục cố kiên tinh thần
Ba là rượu thịt chớ gần
Ăn chay niệm Phật ân cần thiện vi
Bốn là sắc dục đoạn ly
Trừng tâm thanh tịnh lễ nghi vẹn toàn
Năm là hòa thuận xóm làng
Bần dân ân xá bạc vàng đừng tham
Sáu là tu tạo chùa am
Ngân tiền bố thí chớ cam một mình
Bảy là an dưỡng tín thành
Đê tâm hạ khí từ thìn nét na
Tám là chớ nói sai ngoa
Cố ngôn cố hạnh gần xa yêu vi
Chín là lập chí tu trì
Kiên tâm luận đạo thần kỳ kính khâm
Mười là chẳng dặt tà dâm
Sát sanh hại vật sắc âm chớ gần.

2. Những chủ đề chính trong Mười Điều Khuyên của Lưu Hương trong *Lưu Hương Diển Nghĩa Bảo Quyển*.

Qua mười điều khuyên, ta thấy truyện đề cao lòng hiếu thảo đối với cha mẹ lên hàng đầu. Qua Lưu Hương, truyện khuyên mọi người hãy có lòng từ bi và hạnh nhẫn nhục, không sát sinh, không tà dâm, không ham mê sắc dục; sống

⁽⁴⁾ Thích Huệ Thông, *Sơ Thảo Phật Giáo Bình Dương*. Nxb Mũi Cà Mau và Tỉnh Hội Phật Giáo Bình Dương, 2000, tr. 228-229.

⁽⁵⁾ Phan Thanh Đào (dịch), *Lưu Hương Diển Nghĩa Bảo Quyển*. Hội Văn Học - Nghệ Thuật Bình Dương, 2006.

hòa thuận với xóm giềng; không tham của cải của người; nên làm phước, bố thí; không nói lời điêu ngoa, dối trá. Nhìn chung đây là tác phẩm khuyến thiện có ích cho cá nhân, gia đình và xã hội; khuyên nhủ mọi người nên giữ Ngũ Giới Cấm của đạo Phật, vì đây là năm giới luật căn bản của người Phật tử tại gia.

Tác phẩm cũng phơi bày một bối cảnh xã hội trong đó quyền bình đẳng cá nhân chưa được tôn trọng, qua tình trạng hôn nhân còn nặng yếu tố mai mối, hứa hôn, chứ không xuất phát từ tình yêu đôi lứa. Tác phẩm đưa ra một hình tượng mẫu, cô Lưu Hương, một người con gái có lý tưởng sống, tin tưởng vào luật nhân quả báo ứng, biết trọng lễ phải, nên cuối cùng, sau khi đã trải qua nhiều gian nan, thử thách, bằng sự nhẫn nhục chịu đựng của mình, cô đã cảm hóa được mọi người xung quanh, nhất là những người kẻ cặn, gần gũi với mình nhất, là gia đình chồng và cha mẹ mình.

Tư tưởng xuyên suốt ở đây còn góp phần nói lên tính tích cực của hành động nhẫn nhục trong Phật Giáo. Trước nay, không ít người thường cho rằng Phật Giáo là tôn giáo yếm thế, vì khuyên con người hãy nhẫn nhục, mà nhẫn nhục là một hành động tiêu cực, thụ động, chấp nhận cái xấu, cái ác mà không có sự phản kháng lại. Thực ra, Phật Giáo không chủ trương như vậy. Trong quan niệm của Phật Giáo, nhẫn nhục không phải là ngồi yên, chịu đựng, chấp nhận trong thái độ buông xuôi, mà lại chính là một thái độ mang tính tích cực. Trong sự nhẫn nhục hàm chứa một ý muốn chuyển hóa tâm thức người khác, từ ác thành thiện, từ sai thành đúng, bằng một thái độ mềm mỏng, từ tốn và hòa nhã. Theo quan điểm Phật Giáo, tính tích cực thể hiện ở chỗ, trước những

hoàn cảnh xã hội chưa tốt, không thể thay đổi cảnh đời, thay đổi cuộc sống, mà chính là phải chuyển đổi tâm thức của chính mình. Đạo Phật đã từng quan niệm: Phật tại tâm; tâm bình thế giới bình.

Trên những lý lẽ đó, tác phẩm *Lưu Hương Diển Nghĩa Bảo Quyển* đã có một kết thúc tốt đẹp, dân gian gọi là kết cục “có hậu”. Bằng vào những hoài bão chân thành, Lưu Hương đã chuyển hóa được những người quanh mình, từ việc đang tìm kiếm mưu sinh bằng con đường bất thiện, nay đã trở nên có cuộc sống thiện lành, biết ăn năn hối cải, biết hướng thượng và hướng thiện. Đó là một quá trình tiến tu trên đường đạo, thể hiện tính dân gian rõ nét. Chúng ta không tìm thấy ở tác phẩm những ngôn từ hoa mỹ, những triết lý cao xa, khó hiểu, những khái niệm trừu tượng như vô ngã, vô thường, vô trụ... mà là những lời khuyên nhủ cụ thể, sống động, gắn liền với cuộc sống đời thường, luôn diễn ra sinh động. Làm tròn những hành động ấy cũng chính là làm tròn nhân đạo ⁽⁶⁾ vậy.

3. Ý nghĩa của tác phẩm đối với văn học Phật Giáo Bình Dương

- Qua tên gọi tác phẩm cho thấy đây là một tác phẩm văn học Phật Giáo, là một dạng truyện cổ, với những nhân vật sống trong một xã hội chưa được sự tự do và bình đẳng trong hôn nhân. Toàn bộ tác phẩm toát lên tính cách dân gian. Ở đây Phật Giáo đã được bình dân hóa. Việc lưu hành rộng rãi tác phẩm này ở Bình Dương đã chỉ ra rằng đến đầu thế kỷ 20 (1908), văn học Phật Giáo ở Bình Dương đã khởi sắc. Cùng với sự phổ biến chữ quốc ngữ đầu thế kỷ 20, tại

⁽⁶⁾ **nhân đạo**: Đạo làm người. (Đạo Uyển chú)

Bình Dương vẫn còn dấu ấn của yếu tố văn học cổ điển. Tác phẩm bằng chữ Hán Nôm được san định lại trong giai đoạn này chứng tỏ vẫn còn có một lớp người, đặc biệt là giới tu sĩ, Phật tử am hiểu Hán Nôm, đã và đang sử dụng chữ viết này vào việc học đạo, tu tập. Và như vậy, qua tác phẩm cũng cho thấy những yếu tố văn hóa dân gian vẫn còn đậm nét trong cơ cấu văn hóa của vùng đất này.

- Tên gọi tác phẩm mặt khác còn cho thấy mối quan hệ, giao lưu văn hóa khá chặt chẽ diễn ra giữa Phật Giáo vùng đất mới với Phật Giáo Trung Quốc, ít ra là từ khi xuất hiện chữ Nôm cho đến đầu thế kỷ 20. Điều này góp phần chứng minh cho mối quan hệ cộng cư giữa cư dân Việt và Hoa ở vùng đất Đông Nam Bộ. Thông qua các thiền sư, văn hóa Phật Giáo từ Trung Quốc đi vào Nam Việt Nam không chỉ có kinh, luật, mà còn có cả những *bảo quyển*. Loại hình văn hóa này hỗ trợ khá lớn cho việc truyền bá giáo lý Phật Giáo, vì nó nhẹ nhàng, dễ nhớ, dễ gây được sự xúc động, và vì nó gần gũi, gần gũi hơn với cuộc sống đời thường. Một lưu ý rằng, từ sau việc phân chia Đàng Trong, Đàng Ngoài vào thế kỷ 16, Phật Giáo từ Trung Quốc có điều kiện truyền bá trực tiếp vào Đàng Trong, thông qua các thiền sư Trung Hoa. Đó cũng là một trong những nguyên nhân giải thích vì sao ở Nam Bộ hiện nay, dấu ấn văn hóa Trung Hoa hãy còn khá đậm nét so với ở miền Bắc Việt Nam, thể hiện trên nhiều lĩnh vực, không chỉ riêng đối với Phật Giáo, mà còn trong quan hệ với tộc người Hoa, Khmer, v.v... đã tạo cho địa bàn Nam Bộ hiện nay trở thành một vùng đất đa văn hóa, một địa bàn cộng cư đa dân tộc.

- Tuy nhiên, cũng thấy rằng trong việc truyền bá văn hóa

Phật Giáo Trung Quốc vào Nam Việt Nam qua cửa ngõ Đông Nam Bộ, sự tiếp thu của cư dân Việt, trong đó có cư dân Bình Dương không hoàn toàn mang tính rập khuôn, máy móc. Tác phẩm là một tập thành văn Hán Nôm, chứ không chỉ đơn thuần bằng Hán văn. Sự tiếp thu có sáng tạo là một đặc trưng tộc người của dân tộc Việt Nam với tư cách là một cộng đồng tộc người (*nation*).

- Sự kế thừa, tiếp thu và phát triển loại hình truyện dân gian qua lăng kính Phật Giáo hiện nay cho thấy đối với cư dân Nam Bộ, Phật Giáo vẫn luôn được bình dân hóa và mang tính địa phương rõ nét. Ở đây, đạo Phật là đạo của sự cứu khổ cứu nạn, của khuyến thiện trừ ác. Chúng ta ít tìm thấy những lý lẽ sâu xa, cao siêu, những từ ngữ mang tính triết học, mà là những lời khuyên răn, hãy “ăn hiền ở lành”; những lời dạy bảo giúp cho con người làm tròn bốn phận trong gia đình cũng như ngoài xã hội. Phật Giáo ở đây đã đưa con người trở về với thực tế của cuộc sống nhiều hơn, để trước hết, chính là để làm tròn nhân đạo, rồi sau đó mới tiến đến tu giải thoát. Việc dịch ra Việt ngữ và xuất bản tác phẩm này thời gian gần đây (năm 2006) còn cho thấy ít ra là đối với cư dân Bình Dương, nhu cầu đến với đạo Phật, tìm hiểu và thực hành giáo lý của đạo theo một dạng thức phổ biến trong giới bình dân xưa nay: dạng văn vần lục bát, gần gũi với ca dao, tục ngữ vẫn còn được ưa chuộng.

Tóm lại, chỉ xét qua trường hợp của một tác phẩm Hán Nôm được san định và lưu hành tại Bình Dương đầu thế kỷ 20, đã được dịch ra Việt ngữ dưới dạng văn vần lục bát vào đầu thế kỷ 21, đã góp phần chỉ ra tính chất dân gian trong Phật Giáo Việt Nam nói chung và riêng với Phật Giáo ở Bình

Dương hiện nay. Bình Dương là vùng đất có nhiều đặc thù về địa-văn hóa, với nhiều cộng đồng dân cư từ các nơi đến sinh sống cận sông nước. Tính chất thoáng mở ấy đã giúp cư dân tiếp thu dễ dàng loại hình truyền bá giáo lý qua truyện thơ, bằng văn vần dễ nhớ, dễ thuộc, dễ đi vào lòng người. Với quan niệm truyền bá chính pháp bằng mọi phương tiện, sao cho những điều cốt tủy, những tinh hoa trong giáo lý có thể đến được một cách dễ dàng với nhiều người và đều được mọi người thực hành theo, nhằm mang lại lợi lạc cho chính mình và cho mọi người, chính là các thiền sư đã đạt được ý nguyện hoằng pháp (truyền đạo) của mình. Điều này đã tạo nên nguồn sức mạnh nội lực để trong nhiều thế kỷ qua, từng lớp thiền sư đã đến và dừng chân tại Bình Dương, đã góp phần không nhỏ vào sự tồn tại và phát triển của Phật Giáo trên vùng đất này.

TRẦN HỒNG LIÊN



EM VỀ

Em về cố quận xa xôi
Nơi đây để lại chân trời hư không
Mùa đông xuống núi lạnh lùng
Mù sương che khuất một dòng sông trôi.

VĨNH AN

(Những vần thơ ngày cũ)

DẤU XUÂN

Nhà tôi vườn trước vườn sau
Đêm nằm nghe tiếng mưa rào qua sân
Xuân vào để lại dấu chân
Xuân ra khắp cõi hồng trần em đi.

Gió xuân vẫn thổi đầy nhà
Dáng em ngày cũ chiều tà liễu nghiêng
Nhạc sầu này tiếng chim khuyên
Bước chân em vẫn động riêng cõi lòng.

TIẾNG XUÂN

Đường sen ngõ trúc vắng teo
Ngập ngừng đứng lại một chiều mây qua
Tiếng nào như thể vô ưu
Thở trong lá nồn nằm ru trên cành
Tiếng nào như tiếng vô thanh
Chỉ người tĩnh lặng mới thành tiếng xuân
Nắng reo trong trái tim lành
Giậu thưa hoa hát giữa cành lời yêu.

KHÔNG LỜI

Em đi không để lời buồn
Một mình anh đứng giữa vườn sắc-không
Thu pha trời tím đêm đông
Lá rơi như tiếng khóc thầm em đi.

VĨNH AN *(Tuổi xuân em)*

VAI TRÒ TÔN GIÁO TRONG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

(The Role of Religion in Modern Society)

HIDEKI KATO

GIỚI THIỆU: Bài này nguyên là diễn văn đọc tại cuộc *Đối Thoại Lần Thứ Sáu Trong Các Nền Văn Minh Giữa Nhật Bản và Thế Giới Islam* ⁽¹⁾ tổ chức ở thủ đô Riyadh của Saudi Arabia ngày 23-3-2008. Xét về thời gian thì không còn mới, nhưng ý tưởng của tác giả vẫn còn có khá nhiều điều để giới nghiên cứu tôn giáo quan tâm.

Hideki Kato gia nhập Bộ Tài Chánh Nhật Bản năm 1973 và giữ nhiều chức vụ tại: Văn Phòng Chứng Khoán, Văn Phòng Thuế Vụ, Văn Phòng Tài Chánh Quốc Tế, Viện Chánh Sách Tài Chánh Và Tiền Tệ.⁽²⁾ Tháng 9-1996 ông xin nghỉ việc.

Tháng 4-1997, ông thành lập một tổ chức nghiên cứu độc lập và phi lợi nhuận với tên gọi Sáng Kiến Nhật Bản (*Japan Initiative*), rồi làm chủ tịch (*president*) tổ chức này kể từ đó.

Những năm 1997-2008, ông làm giáo sư dạy quản trị chính sách tại Khánh Ứng Nghĩa Thực Đại Học 慶應義塾大學 (*Keio University*, thành lập năm 1858).

⁽¹⁾ The Sixth Dialogue among Civilizations between Japan and the Islamic World. Bản tiếng Anh truy cập tại:

<http://global.tokyofoundation.org/en/opinion/article/o08040102/view>

⁽²⁾ The Securities Bureau; the Tax Bureau; the International Finance Bureau; the Institute of Fiscal and Monetary Policy.

Tháng 4-2006 ông nhận chức nghị trưởng (*chair-man*) Đông Kinh Tài Đoàn 東京財団 (*Tokyozaidan*, hay *the Tokyo Foundation*), là một tổ chức nghiên cứu được thành lập năm 1997 để phân tích các vấn đề trong nước và quốc tế áp dụng cho tương lai nước Nhật.

Tháng 10-2009, ông làm tổng thư ký cho một đơn vị trong Nội Các Chánh Phủ Nhật; đơn vị này gọi là Hành Chánh Loát Tân Hội Nghị Sự Vụ Cục 行政刷新會議事務局 (*Government Revitalisation Unit*).

Từ tháng 4-2010 ông làm chủ tịch (*president*) Đông Kinh Tài Đoàn ⁽³⁾ và kết thúc nhiệm kỳ vào tháng 6-2012.

DIỄN VĂN CỦA HIDEKI KATO

Tôi không phải là một học giả nghiên cứu các tôn giáo, cũng không phải là một chuyên gia về đạo Islam, nhưng với góc nhìn về đường lối chánh phủ và tổ chức xã hội, tôi quả thật có nhiều suy tư tới những vấn đề trọng yếu mà xã hội hiện đại đang giáp mặt. Thế nên hôm nay điều tôi ước muốn thực hiện là cố gắng viết một sơ thảo về cái mà tôi xem là vai trò của tôn giáo trong xã hội hiện đại với hy vọng cung cấp chút gì gợi mở cho tư duy. Mặc dù vậy, tôi phải thú nhận rằng tôi không phải một chuyên gia trong lãnh vực này, thế nên



Hideki Kato

⁽³⁾ <http://www.tokyofoundation.org/en/past-experts/kato-hideki>

tôi xin quý vị lượng thứ nếu những nhận thức của tôi không chính xác.

Con người và nền văn minh hiện đại

Trước tiên tôi muốn trình bày về bản chất của nền văn minh hiện đại. Một nhà khoa học có lần bình luận rằng yếu tố xác định sự khác biệt giữa các nền văn minh hiện đại và cổ xưa là ngày nay chúng ta sẵn sàng dùng tới sức mạnh cơ khí. Bằng cách đốt cháy các nhiên liệu lấy từ lòng đất, vốn là một nguồn năng lượng được tích trữ dưới đất qua nhiều triệu năm, chúng ta có thể làm bước đi của mình tiến xa hơn, mở rộng phạm vi hoạt động của chúng ta, và đã thúc đẩy sự phân chia lao động và kinh tế tiền tệ tới những giới hạn sau cùng của chúng. Ngày nay, các hoạt động của chúng ta tức khắc tác động tới mọi ngõ ngách của hoàn vũ.

Nền văn minh hiện đại đã ban phước cho con người với nhiều lợi ích, bao gồm sự tiện nghi, thoải mái, và phần vinh kinh tế.

Đồng thời, nó đã đẻ ra một số những điều tôi gọi là “các hiện tượng bệnh lý” (*pathological phenomena*), mà một trong những điều lớn nhất là cuộc khủng hoảng môi sinh toàn cầu. Một điều khác nữa là mỗi ngày người ta mua bán tài chánh và các sản phẩm khác với mức độ nhiều hơn nhu cầu thật sự hàng mấy trăm lần, thậm chí hàng mấy ngàn lần. [...] ⁽⁴⁾

⁽⁴⁾ Tôi lược bớt dòng này: “*On the personal level, there has been a rise in such allergies as hay fever and atopy in Japan, and the number of mental patients suffering from depression and people committing suicide has been on the rise.*” Dịch: Ở bình diện cá nhân, tại Nhật Bản đã có sự gia tăng những chứng dị ứng như sốt

Mặc dù con người có bộ não phát triển cao, chúng ta vẫn là một phần của thế giới động vật. Nhưng, chính sự phát triển não bộ khác nhau đã đưa tới việc tạo ra văn minh. Những khía cạnh khác nhau của nền văn minh hiện đại là các sản phẩm nhân tạo và tốc độ hoạt động nhanh hơn... Bản thân chúng đang tạo ra những hố ngăn cách thậm chí còn lớn hơn giữa con người và các sinh thể khác (*other life forms*). Những hố ngăn cách này thật ra đã trở nên to lớn đến nỗi các khía cạnh không-phải-con-người (*non-human*) lâu nay đã không thể bắt kịp với nền văn minh hiện đại. Thế thì, người ta có thể chỉ ra đặc tính của các bệnh lý hiện đại như là sự biểu thị của hiện tượng này.

Tôn giáo

Đối với phần đông con người, tôn giáo trả lời những câu hỏi quan trọng trong đời; chẳng hạn, ở Phật Giáo thì xoay quanh các chủ đề sanh, lão, bệnh, tử. Đạo Phật dạy con người cách đối trị các ham muốn, âu lo, và sợ hãi. Đạo Phật còn mang lại cho con người sự an ủi (*comfort*) và in dấu ấn về sự cần thiết phải kham nhẫn (*resignation*).

Đồng thời, căn cứ trên giáo lý, đạo Phật cung cấp một hệ thống các chuẩn mực xử thế hàng ngày. Tính bao quát của các hệ thống như thế chắc chắn sẽ tùy thuộc vào việc người ta đang nói tới một tôn giáo mang tính thế giới hay một tín ngưỡng địa phương, bản địa (*a world religion or a local, indigenous faith*). Tính phổ quát nhất của các hệ thống như thế, tính siêu việt thời gian, vùng miền, và văn hóa, đó là

cỏ khô (*hay fever*), dị ứng ngoài da (*atopy*), và con số bệnh nhân tâm thần do trầm cảm, những người tự sát cũng đang gia tăng.

những gì đã nổi bật lên như là những tôn giáo mang tính thế giới.

Nói khác đi, phần lớn con người kỳ vọng tôn giáo sẽ lấp đầy cái hố ngăn cách mà trên đây tôi đã nói tới, cái hố ngăn cách giữa con người và các sinh thể khác.

Tính phổ quát của những giá trị mà tôn giáo duy trì lại nằm trong lãnh vực các khái niệm trừu tượng. Khi chúng thực sự được thực thi một cách cụ thể, chúng thể hiện ra ở những hình thái khác nhau tùy theo không gian và thời gian.

Điều này na ná như sự kiện là các giá trị phổ quát của xã hội hiện đại, chẳng hạn tự do, bình đẳng, công bằng, và nhân quyền, được duy trì bằng những cách khác nhau tùy theo quốc gia và nhóm sắc tộc (*ethnic group*).

Xã hội hiện đại tìm kiếm điều gì trong tôn giáo

Theo ý nghĩa này, tôi tin rằng tôn giáo sẽ nhập cuộc với vai trò không ngừng to tát thêm hơn để lấp đầy cái hố ngăn cách quá lớn giữa con người và các sinh thể khác mà nền văn minh hiện đại đã tạo ra.

Vai trò của tôn giáo sẽ không chỉ là an ủi con người trong cuộc đấu tranh sinh tồn mà còn là kèm chế những quá đà quá trớn của nền văn minh. Chẳng hạn, trong lãnh vực tiểu vi (*the microscopic world*), nền văn minh hiện đại đã có được khả năng sử dụng các thông tin về di truyền học. Những nỗ lực như thế để điều chỉnh các cơ chế của sự sống đang được lèo lái bằng những tiến bộ trong kỹ thuật học và bằng lòng tham của con người, mặc dù chưa thấy rõ ràng ảnh hưởng tiềm ẩn của chúng trong tương lai (*their potential future impact*).

Trên bình diện rộng lớn hơn, trải qua nhiều thập niên người ta đã không đếm xỉa tới những vấn đề về môi sinh mặc dù các nhà khoa học đã cảnh báo rằng vấn đề này thật sự nghiêm trọng, chủ yếu vì con người chưa cảm nhận được ngay tức khắc những hậu quả ấy. Điều này đã đưa đến cuộc khủng hoảng chúng ta đang giáp mặt hôm nay.

Cả hai vấn đề này đều đòi hỏi cần thiết phải kèm chế những tham dục của con người, mà đây là một nhiệm vụ căn bản đối với bất kỳ mọi tôn giáo.

Nếu có nhiệm vụ đóng vai trò lớn lao hơn trong việc kèm chế những quá đà quá trớn như thế, thì tôn giáo phải giáp mặt với một số vấn đề gì? Tôi muốn xem xét điểm này liên hệ tới vai trò của Phật Giáo ở Nhật Bản.

Ngày nay vấn đề lớn nhất mà tôn giáo giáp mặt chính là tôn giáo dường như không thể theo kịp nền văn minh hiện đại. Hố ngăn cách giữa con người và các sinh thể khác mà tôn giáo đang nói tới là cái đã có mặt cách nay khoảng một thế kỷ.

Điều này đúng cho hầu hết các tôn giáo [...].⁽⁵⁾

[...] ⁽⁶⁾ Tôi chắc chắn rằng tất cả các tôn giáo trên thế giới,

⁽⁵⁾ Tôi lược bớt những chữ này: “... as aptly illustrated by the fact that the condemnation of Galileo for heresy was only recently rescinded.” (... như được minh họa một cách thích hợp bằng sự kiện là án cáo buộc Galileo phạm tội dị giáo chỉ mới vừa được hủy bỏ gần đây thôi.)

⁽⁶⁾ Tôi lược bớt câu này: “How Islam deals with progress was discussed at a previous meeting of the Dialogue among Civilizations between Japan and the Islamic World.” (Đạo Islam

kể cả đạo Islam, đã nỗ lực để thích nghi với thời đại bằng cách bổ sung các khái niệm mới và thay đổi những cách diễn dịch. Nhưng những thay đổi ấy khi thực hiện lại có những khác biệt về tốc độ và phạm vi. Tôi muốn nói thêm rằng còn có những khác biệt trong cách thức những người sùng đạo thuộc các đức tin khác nhau phản ứng lại những thay đổi ấy.

Để cho các tôn giáo bắt kịp văn minh hiện đại và giải quyết hiệu quả những bệnh lý của nền văn minh này, tôi tin rằng điều quan trọng là các tôn giáo hãy giải thích các khía cạnh giáo lý cốt lõi của mình theo một cách thức mà con người hiện đại dễ dàng lãnh hội. Cũng cần yếu phải thiết lập các chuẩn mực xử thế hàng ngày sao cho chúng theo kịp những lối sống hiện đại. Về mặt này, tôi tin rằng quan trọng là hãy tính đến những phản ứng khác nhau tùy theo vùng miền và nhóm sắc tộc.

Tôi vững tin rằng dân tộc Nhật Bản vốn sẵn có những tình cảm tôn giáo rất mạnh mẽ nhưng những tình cảm này đang mau chóng bị đánh mất trong xã hội hiện đại, đặc biệt là ở các khu vực thành thị. Về phần đạo Phật ở Nhật Bản, tôi tin rằng tôn giáo này cần mau chóng bắt kịp nền văn minh hiện đại và thực hiện hai thay đổi tôi mới vừa nói tới nếu như đạo Phật vẫn còn là một phương tiện khả thi (*viable*) để bắc cầu nối lại khoảng cách giữa con người và các sinh thể khác trong xã hội đương đại.

*Bản dịch: HUỆ KHẢI
Nhiều Lộc, 25-12-2014*

giải quyết thế nào sự tiến bộ được thảo luận trong một cuộc họp trước đây của *Đối Thoại Trong Các Nền Văn Minh Giữa Nhật Bản và Thế Giới Islam?*)

PHÒNG SÁCH THANH CHÂU

Sau một thời gian dài tạm đóng cửa vì nhiều lý do khác nhau và cũng để “luyện nội công”. Nay, Phòng Sách Thanh Châu chính thức mở cửa hoạt động trở lại, bắt đầu từ ngày 01-9 Kỷ Hợi (Chủ Nhật 29-9-2019).

Thuộc Văn Phòng Chức Sắc Đại Diện Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài tại khu vực tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, trong khuôn viên tịnh thất Thanh Châu, Phòng Sách Thanh Châu đặt tại mặt tiền đường số 6, xã Nghĩa Thành, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đây là nơi quy tụ, giao lưu của tín hữu Cao Đài quanh khu vực tịnh thất Thanh Châu và ba họ đạo Trung Nam, Trung Nghĩa, Trung Tín, với mục đích giúp đỡ, trợ duyên nhau trên đường tu học trong tình yêu thương con cùng một Cha.

Đây cũng là nơi giới thiệu và phát hành kinh sách Cao Đài Đại Đạo, không chỉ trong cộng đồng tín hữu Cao Đài, nhất là giới trẻ, mà còn phục vụ rộng rãi cho bất kỳ ai có nhu cầu tìm hiểu về đạo Cao Đài.

Phòng Sách hiện nay đang phục vụ sách tham khảo về Tam Giáo, sách của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, các Hội Thánh bạn, Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo, v.v... Tuy số lượng chưa nhiều nhưng hy vọng đáp ứng phần nào đối với các bạn làm đạo sự Phổ Tế với nhiều hình thức: tra cứu tại chỗ, mượn về nhà, thỉnh miễn phí. Trong không gian thoáng mát, yên tĩnh, Phòng Sách phù hợp việc đàm đạo. Đặc biệt, nhờ các nhà hảo tâm công quả, Phòng Sách còn phục vụ cả phê, trà nước miễn phí.



Ảnh mượn của
FB Phòng Sách
Thanh Châu
(Văn Phòng Chức Sắc Đại Diện
Hội Thánh Truyền Giáo
Cao Đài, Bà Rịa - Vũng Tàu)



Quy mô còn khiêm nhường nhưng với tinh thần phụng sự và học hỏi, Phòng Sách Thanh Châu rất mong được sự hỗ trợ, chung tay xây dựng, phát triển của anh chị em để Phòng Sách thực hiện tốt đạo sự khuyến khích lòng ham thích đọc thánh kinh hiền truyện.

Thời gian mở cửa: Từ 7 đến 10 giờ sáng.

Các ngày mùng 1, 12 và rằm hằng tháng (theo âm lịch).

Các ngày Chủ Nhật hằng tuần dành cho giới trẻ, đoàn sinh Gia Đình Hưng Đạo.

(Theo FB Phòng Sách Thanh Châu)

XIN CÙNG ĐÓN NHẬN NIỀM VUI

Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo rất hoan hỷ và kính lời chào mừng PHÒNG SÁCH THANH CHÂU. Trong cơn suy thoái “văn hóa đọc” lan tràn mọi nơi, nếu không làm thì dường như chỉ còn Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài ở vài địa phương (như Tam Kỳ, Bà Rịa - Vũng Tàu...) là tích cực và hy sinh để gây dựng, dưỡng nuôi lòng ham thích đọc kinh sách của bốn đạo. May thay! Phúc thay!

Với lòng thành luôn kính ngưỡng sứ mạng cao cả của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, với thâm tâm luôn vững tin rằng Hội Thánh chúng ta sẽ là “phao cứu sinh” (*life bouy*) cho tương lai tươi sáng của Đại Đạo, chúng tôi xin chấp tay góp lời chúc nguyện Phòng Sách Thanh Châu hành đạo suôn sẻ, hiệu quả, và bền bỉ.

BAN ẤN TỔNG

DÂNG MÁ THƯƠNG

Từ đáy thời gian, dậy tiếng ru
Ầu ơ lời má, giọng trầm phù
Má ơi, hồn đất bao năm thiếp
Bỗng chốc trưa nay vắng, tít mù...

Kẻo kẹt xà nhà tiếng võng đưa
Đâu đây đồng vọng cõi xa xưa
Thổ ngại thơm phức, hồn ma cũ
Lòng rộn vui mà mắt lệ mờ.

Ngày qua, năm tháng cứ trôi xuôi
Một phút nhớ xưa, thoắt ngậm ngùi
Những ngở tro tàn trong bếp lạnh
Hay đâu than ngún dưới tro vùi.

Ngược dòng năm tháng mấy dòng này
Những áng tuyết xưa gọi lại đây ⁽¹⁾
Gởi cả muôn thương cùng vạn nhớ
Tân Uyên ⁽²⁾ đất má, thảm voi đầy.

BÌNH NGUYỄN LỘC

⁽¹⁾ *Mai où sont les neiges d'antan.* (Théodore de Banville, 1823-1891)

⁽²⁾ Bình Nguyễn Lộc tên thật là Tô Văn Tuấn (1914-1987), sinh tại làng Tân Uyên, tổng Chánh Mỹ Trung, tỉnh Biên Hòa (nay thuộc thị xã Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương).



Bình Nguyễn Lộc
Vũ Uyên Giang vẽ

DĨ VĂN HỘI HỮU

HUỆ KHẢI

Bốn chữ *dĩ văn hội hữu* 以文會友 (dùng văn chương để kết bạn) là lời thầy Tăng Sâm (505-435 trước Công Nguyên), được chép lại trong *Luận Ngữ* (12:24). Xưa nay lời thầy Tăng vẫn ứng nghiệm trong cuộc sống những anh em có thú viết lách. Sau đây là một trường hợp được ghi lại từ các điện thư của tôi.

1. Thứ Hai, 11-3-2019, lúc 9:35 giờ tối, một bạn đọc viết:

Kính chào chú Huệ Khải. Cháu là độc giả của chú qua các bài trên tuần báo Công Giáo Và Dân Tộc. Cũng qua các sách ấn tống và blog.

Cháu là hậu duệ đích tôn của cụ Nguyễn Thần Hiến và cụ Nguyễn Như Bích. Kính gởi chú hình mộ và tháp của ông bà cố cháu là cụ Nguyễn Như Bích và cụ Hồ Thị Hương.

Cháu hiện đang ở đất Bình Dương (bên ngoài).

Kính chúc chú nhiều sức khỏe.

BS Nguyễn Như Thạch (48 tuổi)

Tôi ngạc nhiên và mừng lắm. Như vậy, nhờ ấn tống quyển *Vút Một Đường Mây* (Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2018) mà tôi bất ngờ được “kết nối” với một hậu duệ của hai vị tiền bối Nguyễn Như Bích và Hồ Thị Hương là song thân bác sĩ Nguyễn Như Giu (1910-2000). Chuyện hai vị tiền bối Nguyễn và Hồ đã kể trong sách, các trang 49-64, nhưng chưa được đầy đủ chi tiết về mặt sử liệu, nhất là hình ảnh liên quan.



Bút nhà không thiêng

Ấy là lời ông Phạm-Quốc đi tây vào nhà hàng langoa thấy trần trọng nước mắm Phú quốc nên tỏ trong Nam Phong số 85 Novembre 1929.

"Vậy nên tôi đề ý mà lập sở muối cá oom, làm nước mắm tại Phú quốc đem về bán thường thường tại nhà tôi ở châu thành Cần Thơ."

Hiện nay tôi có BÚ HẠNG NƯỚC MẮM NEM, MẮM MỰC, VÀ CÁC THỨ KINH BIẾN VÀ TÔI CÓ THỨ NƯỚC MẮM NHÍ NGON NHẤT, dễ dàng tương đương tiệc rất tốt xin quý ông quý bà đừng quên tôi rõ.

Ngài nào ở tại châu thành, có cần dùng thì tôi sẽ đem đến nhà và tôi hứa chắc là nước mắm của tôi thật ngon thật tốt, nếu có hư trở thì tôi đổi lại cho. Xin quý ông quý bà chiếu cố giúp đỡ hàng bán đồ nội hóa để được lâu dài.

Hiệu: ĐÌNH-HƯƠNG

Nhà bán đồ nội hóa Hà Tiên Phú quốc Nguyễn-Như-Bích ở đường Cái-khế ngang sở nhà đền Cần Thơ.



Mộ và bia mộ
tiền bối Nguyễn Như Bích
(Hà Tiên 1886 - Cần Thơ 1936)
trên đất ông Cả Hồ Văn Nhựt
ở Đồng Hậu, quận Trà Ôn.

Bên trái: Quảng cáo trên báo An Hà (Cần Thơ, 1929) về các loại nước mắm và khô cá biển sản xuất tại Hà Tiên, Phú Quốc, được bán tại nhà tiền bối Nguyễn Như Bích ở đường Cái Khế, ngang sở nhà đền Cần Thơ.

Ảnh: BS Nguyễn Như Thạch



Tháp tiền bối Hồ Thị Hương
(1887 -- 11-9-1969 / 29-6 Kỷ Dậu)



Tấm "bia" gắn trên tháp tiền bối
Hồ Thị Hương (Bạch Diệu Tử).
Ảnh: BS Nguyễn Như Thạch

Thứ Ba, 12-3-2019, lúc 10:29 giờ sáng, tôi hồi âm:

Thân gửi bác sĩ Nguyễn Như Thạch,

Tôi ngạc nhiên và vui khi nhận thư và ảnh do bác sĩ Thạch có nhã ý gửi tặng.

Bác sĩ Thạch nhỏ hơn tôi mười bảy tuổi, thì thôi xưng hô là anh, em cho tiện.

(...)

Bác sĩ Thạch cho biết địa chỉ (số nhà, đường, huyện, tỉnh... và số điện thoại) để tôi gửi biếu sách Vút Một Đường Mây, và

các sách khác của Chương Trình Chung Tay Ấn Tống.

Xin giữ liên lạc nhé.

*Chúc bác sĩ an lạc
trong ơn phước Thiêng
Liêng.*

Chào bác sĩ Thạch.

HK

**2. Thứ Ba, 12-3-
2019, lúc 3:12 giờ
chiều, bác sĩ Nguyễn
Nhu Thạch hồi âm:**

*Dạ, em không khách
sáo, xin được phép kêu
bằng anh. (...)*

*Ông nội em (bác sĩ
Nguyễn Như Giu) có chị
và em gái cũng tu Cao
Đài. Là bà Ba Nguyễn*

*Như Kim Huồn và bà Năm Nguyễn Như Hằng, nguyên hiệu
trưởng trường Lê Ngọc Hân ở Mỹ Tho, sau làm đốc học ở Gia
Long.*

*Mộ bà cố em và bà Hồ Thị Huê ở nghĩa trang Cao Đài, cầu
Hưng Lợi, Cần Thơ, sau đã dời về Cái Răng. Bà cố Tư là Phối
Sư Hồ Hương Quế (Hồ Thị Huế) có tên ở Tòa Thánh Tây Ninh.
Mộ ông cố Nguyễn Như Bích (1886-1936) ở làng Đông Hậu
bên Trà Ôn, trên đất nhà gốc của ông Cả Nhựt, nay hình như
là xã Hựu Thành (?).*



Hồ Thị Hường (1887-1969)

Đính kèm: Bài quảng cáo trên An Hà Báo, Cần Thơ (1929).

*Em viết bằng điện thoại nên không viết nhiều được. Máy
của em đang hư...*

*Địa chỉ của em: Nguyễn Như Thạch, số . . . đường . . .
phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một. Bình Dương. ĐT...*

**3. Chủ Nhật, 17-3-2019, lúc 12:14 giờ trưa, từ Bình Dương
bác sĩ Nguyễn Như Thạch viết:**

Kính anh Huệ Khải.

*Cách đây mười năm, em được má của em giới thiệu đọc bài
của anh trên Công Giáo Và Dân Tộc. Sau đó má cho em cuốn
Nhịp Cầu Tương Tri, em còn nhớ bìa màu xanh tím. Và có mấy
câu em nhớ tới bây giờ: Dang tay bắc những nhịp cầu / Ra
công lấp những hố sâu nhân tình / Mới là đáng kiếp nhân
sinh...*

Và em bén duyên Huệ Khải từ đó.

(...)

4. Vì Vút Một Đường Mây còn thiếu hình ảnh và nhiều chi
tiết về thân thế của các tiền bối Hồ Văn Nhựt, Hồ Thị Huế, Hồ
Thị Hường, Hồ Thị Huệ, và Nguyễn Như Bích, tôi viết thư đề
nghị bác sĩ Nguyễn Như Thạch hãy bổ sung bằng cách viết
bài kèm hình ảnh và gửi đăng dần trên *Đạo Uyển*. Khi nào tái
bản *Vút Một Đường Mây* thì sẽ in vào phụ lục.

Bởi vậy, ngày Thứ Bảy, 17-8-2019, lúc 12:54 giờ trưa, từ
Bình Dương, bác sĩ Nguyễn Như Thạch viết:

Em gửi kèm theo đây hình ảnh tháp của bà cố em (Hồ Thị

Hường). Sau đây là những gì em biết:

* Bà Hồ Hương Huế (sinh năm 1884), theo ngài Phạm Công Tắc, tu ở Tây Ninh. Lúc bị Tây bố ráp, bà chạy về lánh ở Tô Châu (Hà Tiên). Bà mất năm 1943. Bà cố em từ Cần Thơ qua chôn bà trong núi. Sau đồng đạo cải táng về nghĩa trang Cao Đài ở Hà Tiên.

Má của cô hai là bà Ba Nguyễn Như Kim Huồn, chị của bác sĩ Nguyễn Như Giu (ông nội em). Một người nữa là bà Năm Nguyễn Như Hằng, hiệu trưởng trường Lê Ngọc Hân (Mỹ Tho), cũng tu Chiếu Minh.

Tất cả mộ của các bà và bà cố Hường, và bà nội em, ông bà Hồ Anh Huê (bà cố Sáu, không có con) đều nằm trong Chiếu Minh Nghĩa Địa (có tháp Đức Ngôi Hai Ngõ Minh Chiêu, và ông Trương Duy Toàn, bà Tư Hồng...).

Ba em nói trên tháp bà Tư Hồng (Trần Thị Hường) có khắc bài thơ của ông nội em (bác sĩ Nguyễn Như Giu):

Cát bụi mịt mù thuở loạn ly
Một tay xây dựng cửa từ bi
Thân già đầu gối thân tàn xế
Chí cả không nao gánh nặng chì...

Năm 1985, các cô bác em của cô Hai Thuần (Tuyền) đi tập kết về, nói rằng nghĩa địa sẽ bị giải tỏa, nên đã bốc tất cả đem về nghĩa trang của gia tộc học giả Lê Chí Thiệp ⁽³⁾ là cháu

⁽³⁾ Lê Chí Thiệp đã xuất bản (ghi nhận chưa đầy đủ): *Triết Học Bergson* (Hà Nội: Nxb Tân Việt, 1942), *Một Nền Đạo Lý* (Sài Gòn: 1957), *Kinh Dịch Nguyên Thủy* (Sài Gòn: Nxb Khai Trí, 1973) . . . (Đạo Uyển chú)

ngoại cụ tổ Nguyễn Thần Hiến (1857-1914) ở Cái Tắc. Tro cốt để trong một tháp chung.

Mộ ông cố Nguyễn Như Bích và mẹ ông cố (cụ bà Nguyễn Thần Hiến) nằm trên đất ông Cả Nhựt ở Đông Hậu, Trà Ôn (như hình trước gửi cho anh).

Theo ba em và các cô thì bà Sáu Hồ Anh Huê không tu theo Cao Đài, vì thuở nhỏ, trước năm 1920, bà đã theo đoàn cải lương ca ra bộ cùng với ông Cao Văn Lầu. Bà sinh năm 1891, mất khoảng năm 1945, 1946 cùng chồng... Tuy vậy cũng khó mà kiểm chứng, vì lúc đó ba em mới năm, sáu tuổi.

* Về cụ ông và cụ bà Cả Hồ Văn Nhựt, mộ táng tại Đông Hậu, cũng không ai nhớ được năm sanh và ngày mất. Ba mươi năm tròn em cũng không có về bên đó, nên cũng không biết hỏi ai.



Nguyễn Như Thạch
Ảnh: Đỗ Đức Hiền

Qua lá thư dẫn trên, bác sĩ Nguyễn Như Thạch đã bổ sung khá nhiều chi tiết về gia tộc bên nội ở Cần Thơ. Thật quý hóa!

Rất mong bác sĩ Nguyễn Như Thạch sẽ viết thêm các hồi ức về gia tộc bên nội, để góp phần sử liệu của đạo Cao Đài.

HUỆ KHẢI
Nhiều Lộc, 04-9-2019



BÀ CỐ TÔI

NGUYỄN NHƯ THẠCH

Ông cố ngoại tôi, thầy Cả Luận (Lâm Văn Luận, 1901-1975), là một đông y sĩ nổi tiếng ở Thủ Dầu Một từ năm 1930. Ông là cháu nội và là truyền nhân của cụ Lâm Trọng Trung (1845-1929) vốn là một thầy thuốc nổi tiếng ở đất Thủ Dầu Một. Sinh thời

thầy Cả Luận được tiếng mát tay, hiền từ, nhơn đức vì hay giúp người sa cơ và bỏ nhiều công sức trong việc xây dựng các ngôi chùa trong vùng. Nhờ vậy, ông không bị mất nhà qua các cuộc bể dâu.

Lúc nhỏ ông được học chữ Hán và theo học École de Thủ Dầu Một, rồi học nghề thuốc với chính ông nội mình. Cha mất sớm, ông sống cùng mẹ và chị trong căn nhà nhỏ trên đất của ông nội. Hằng ngày nhìn bác dậu và các anh chị họ sống sung túc trong nhà ông nội, ông nói với mẹ mình: “Sau này con sẽ sắm cho mẹ tất cả.”

Câu chuyện này tôi được nghe từ nhỏ:

Có một thân chủ thừa với thầy Lâm Trọng Trung: “Thưa thầy, tôi nói việc này xin thầy đừng giận.” Lấy ngón tay chỉ vào cậu học trò hai mươi tuổi đứng hầu sau lưng ông Trung, người đó nói tiếp: “Thưa thầy, mấy bữa thầy đi vắng, thầy

này bắt mạch hốt thuốc cho tôi hay quá. Nay xin thầy cho thầy này tiếp tục bắt mạch cho tôi...”

Người học trò đó chính là ông cố của tôi, sau này là thầy Cả Luận. Năm hai mươi tuổi, ông cưới vợ là cô Trương Thị Mót. Bà cố ngoại tôi sinh năm Canh Tý (1900), mất ngày 01-3 Tân Dậu (05-4-1981). Bấy giờ ông cố tôi được ông nội mình (cũng là thầy) cho phép ra hành nghề riêng. Chỉ tám năm sau, khi chưa được ba mươi tuổi, ông trở thành một thầy thuốc nổi tiếng và xây dựng được cơ ngơi cho riêng mình. Dù người xưa thường nói trước ba mươi tuổi không được xây nhà lớn, nhưng ông nói xây nhà là xây cho ông nội và mẹ ông.

Tôi viết hồi ức này, ghi lại mấy kỷ niệm với bà cố ngoại.

*

Chiều nay về nhà ba má, mở cửa cổng, dắt xe vô, rồi bất chợt như nhìn thấy hình ảnh của cố đứng sau bàn Thiên như ngày nào, một ngày xa xưa đó, cũng trong một buổi chiều tắt nắng, thanh bình...

Ký ức tuôn trào, đóng cửa, quay về nhà và viết.

Hồi tôi năm tuổi, cha bị đi “tập trung học tập cải tạo” từ đầu tháng 5-1975. Má dắt tôi và một bầy em lít nhít về ở với cố và ông bà ngoại. Lúc đó cố đã gần tám mươi.

Trong ký ức của tôi, cố là một bà rất đẹp lão, đi đứng nghiêm trang, từ tốn. Tóc cố bạc trắng, bới củ tỏi sau gáy. Tôi còn nhớ hình ảnh mỗi chiều cố tắm gội sạch sẽ, tự tay giặt bộ đồ của mình chứ không để cho ai giặt hết (và tôi cũng bắt chước cố, tự giặt quần áo từ hồi bảy, tám tuổi). Tắm gội rồi,

cổ thay bộ bà ba trắng, ra giếng mọi ⁽¹⁾ múc một bình nước cúng. Rồi cổ thắp nhang trên bàn ông Thiên, vái bốn phương, lâm lâm khẩn gì đó thiệt là lâu. Tôi nhiều lần tới sát bên mà chẳng nghe được gì hết nên có lần tôi hỏi: “Cổ ơi, cổ vái gì vậy cổ?” Cổ cười trả lời: “Cổ vái cho quốc thái dân an, gia đạo bình yên, mạnh giỏi. Cổ vái cho tụi bây mau lớn.”

Có lần đang đêm cổ cũng ra sân để vái ông Thiên. Đó là lần ông Út của tôi, con rể của cổ, người đầu tiên của gia đình tôi được ra khỏi trại “học tập cải tạo”, về nhà lúc đã lên đèn. Tôi còn nhớ ông Út đứng chờ cổ khẩn xong rồi nói: “Má ơi, con phải trình diện chánh quyền địa phương.” Má tôi xách cây đèn bão đưa ông đi lên công an xã. Có tôi đi theo nữa.

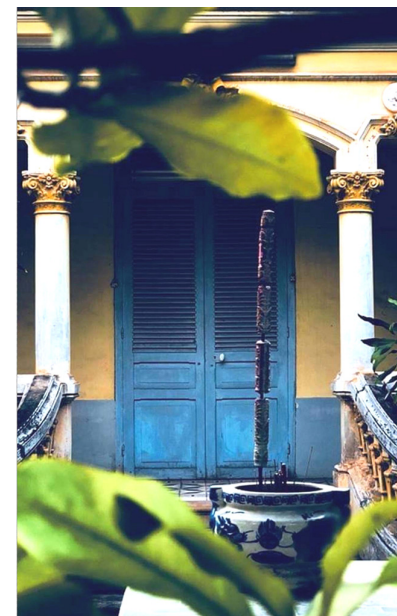
Bây giờ, mỗi khi nhìn cái bàn Thiên tôi lại như thấy hình ảnh của cổ bận bộ bà ba trắng đang vái bốn phương tám hướng. Vậy mà có lúc tôi định phá bỏ cái bàn ông Thiên lịch sử đó. Đó là lúc tôi mười bảy tuổi, suy nghĩ nông cạn và vô thần. Tôi nghĩ rằng cổ tôi mất rồi, bà ngoại tôi thì đã qua Mỹ và theo đạo Tin Lành với dì tôi. Ba má tôi là người Công Giáo, còn tôi thì không theo tôn giáo nào. Đây cũng là điều tự do trong gia đình bên ngoại của tôi; ai thích tôn giáo nào cũng được, miễn là phải giữ đạo lý làm người. Tôi biết ba má tôi cũng có lúc đau buồn vì đã không hướng dẫn được con mình theo đạo; tôi đã làm gương xấu cho hai đứa em kế tôi.

Cái bàn Thiên để làm gì nữa? Bây giờ còn ai đốt nhang đâu? Nghĩ là làm, tôi đổ nước cho mềm đất rồi lắc cái bàn Thiên của cổ. Không khó lắm để một thanh niên mười bảy

như tôi nhổ được nó lên và bỏ vô góc vườn. Mấy bữa sau má tôi mới biết. Bà nói rằng không được phá đi cái gì nữa; cái nhà này đã bị phá rất nhiều từ ngày đó rồi, bởi phải làm cho nhà mình xấu đi, chứ không người ta sẽ nói là “tư sản”...

Tới chiều tôi đi học về thì cái bàn Thiên đã được dựng lại ở chỗ cũ, tráng xi măng xung quanh và thêm cái đường đi bằng gạch Tàu nữa, như hồi còn cổ.

Rất lâu sau này tôi mới hiểu được rằng cái bàn Thiên đó có một giá trị lịch sử vô cùng to lớn với gia đình tôi, và là chứng nhân lịch sử của gia đình tôi. Vậy mà xem chút nữa tôi đã phá bỏ nó vì sự ngu dốt và ngông cuồng của tuổi trẻ.



Cái bàn Thiên của cổ tôi.

Đặc biệt, tôi nhớ cổ tôi không mất một cái răng nào, dù cả đời cổ không dùng kem đánh răng, chỉ chà răng bằng vỏ trái cau tươi và súc miệng với nước muối. Má tôi hay nói với tụi tôi rằng nếu con không chịu đánh răng thì con sẽ rụng hết răng trước bà cổ cho mà coi. Tôi còn ráng gân cổ cãi rằng con đâu có thấy bà cổ đánh răng hồi nào đâu. Rồi tôi còn đòi chà răng bằng vỏ cau và súc miệng nước muối như cổ. Cổ cười rồi cho tôi mấy miếng cau, còn dạy tôi chà răng nữa. Được

⁽¹⁾ *giếng mọi*: Giếng có mạch nước (*mọi*) phun lên, tràn trên mặt đất. (Đạo Uyển chú)

đâu hai ba lần gì đó là tôi chán, vì nó cực hơn đánh răng với kem nhiều.

Nhà tôi hồi đó có mấy cây kem đánh răng hiệu Hynos với hình “anh Bảy Chà” đen thui, cười đưa hai hàm răng trắng bóng, mà má tôi hay chọc, nói giống tôi, đen thui lù. Còn tôi thì thấy hình ông Hynos giống y chang con bà Mười Bốn ở xóm dưới và “thằng” chú tiểu lai Mỹ đen tu trong chùa trên dốc. Sau này thỉnh thoảng tôi còn lượm được mấy vỏ hộp kem như vậy ở trong kho nhà tôi.



Kem đánh răng Hynos với nụ cười quen thuộc của “anh Bảy Chà” ở miền Nam từ năm 1975 về trước.

Cố hay dạy chúng tôi nhiều câu chuyện về đạo lý ở đời. Trong các câu chuyện của cố, kết thúc bao giờ cũng có hậu: Ở hiền gặp lành, làm ác gặp ác; cái ác bao giờ cũng bị trừng trị; nếu ác vừa vừa, mọi người tha thứ thì lương tâm cũng giày vò mà chết hoặc hóa điên; người tốt bao giờ cũng được tưởng thưởng xứng đáng. Đó là triết lý và mong ước giản đơn của những bà già chân quê bình dị như cố tôi. Nhưng tôi cũng tin vào điều đó, những điều mà lúc còn ấu thơ tôi đã được cố dạy.

Cố cũng dạy tôi phải biết khiêm tốn, tiết kiệm, không được coi thường người nghèo khó. Ăn cơm phải ăn cho hết, không được bỏ mứa và rơi rớt ra ngoài. Mỗi một hột cơm rơi phí sau này xuống âm phủ phải ăn một con dòi. Phải nhớ người nghèo không có cơm ăn. Cố dạy ăn uống phải chừng mực, không được ngồm ngoàm người ta chê cười. Tôi vốn xấu

chúng đói, đi chơi về là kêu: “Đói quá! Đói quá!” Rồi được má múc cho tô cơm nhỏ, ăn trước cả nhà. Ăn với đường tán là món ưa thích của tôi hồi đó. Cái tô bằng chùng chén rưỡi, màu xanh Tàu, có hình Bát Tiên quá hải. Sau này em tôi làm bể mất rồi. Tôi ăn thấy ngon gì đâu vì đang đói mà. Vừa ăn vừa khen: “Ngon quá! ngon quá!” Vậy mà cổ cũng rầy. Cổ nói: “Làm gì như chết đói, ai thấy cười nhà mình.”

Em gái tôi bốn tuổi còn nhõng nhẽo đòi má ẵm. Cổ cũng rầy, nói: “Có em rồi. Con người ta bây lớn phụ buồn bán được rồi đó, bay còn ẵm!” Má tôi nói: “Tại nó bự xác chứ có bốn tuổi à, nộ.” Cổ nói: “Năm chứ bốn gì.” Tại Cổ tính tuổi ta, luôn tuổi mẹ trong bụng mẹ.

Lâu lâu cố nhờ tôi chạy xuống quán ông Út Râu để mua bánh tráng cho Cố. Một trăm (cái) bánh tráng, năm trăm đồng cũ (tức là một đồng tiền mới, sau đợt đổi tiền ngày 23-9-1975); hai trăm bánh, một ngàn (tiền cũ); tôi cứ lộn tùng phèo.

Có lần cố cho tiền tôi và các bạn ăn bánh. Lần đó có một bác hàng xóm phơi lúa trong sân nhà tôi chọc thẳng Bình lai: “Sao không về Mỹ, mậy?” Làm nó khóc. Cố kêu bác lại rầy rồi dỗ nó: “Con là con ruột của con Ba, bà biết mà.” (Thiệt ra nó là con nuôi, bà Ba lượm ngoài đường.) Rồi cố đưa tiền, kêu tôi chạy đi mua bánh về cho tụi nó ăn. Đó là lần duy nhất cố cho tôi tiền và cho phép ăn bánh trước giờ cơm.

Có lần trong lúc gây lộn, tôi có ý xúc phạm một bạn hàng xóm, con của ông bán bánh mì ngoài bến xe. Cố nghe được, kêu tôi vào dạy, bắt tôi xin lỗi bạn. Cố chỉ lên bàn thờ ông Sơ có cặp liễn rồi đọc câu gì đó, sau này lớn tôi mới biết đó là

hai câu: *Xử thế vật kiêu nhân. Tu thân nghi thiết kỷ.*⁽²⁾

Tức là: Trong xử thế không được kiêu ngạo với người. Việc tu thân phải nghiêm khắc với chính mình.

Tôi nào có hiểu gì đâu, bị rầy hoài tôi tức cố lắm. Nhiều lúc cố quay đi, tôi còn “thủ vớ” với cố nữa.

Năm tôi học lớp Bốn thì cố tôi qua đời. Tôi nhớ những lần đó mà ngồi khóc quá trời. Còn nhớ bà Ba tiệm may Huê Mỹ là bạn của ngoại nói: “Tội nghiệp hông! Con thương cố lắm sao?”

Cố tôi ít bệnh lắm, mà mỗi lúc bệnh cố không chịu uống thuốc tây vì sợ thuốc tây nóng, sợ uống thuốc tiêu bị tiêu luôn cái bao tử, dù má tôi là dược sĩ, và ông ngoại tôi có nhà thuốc tây lớn thứ nhì ở thị xã hồi đó (trước đợt đánh tư sản vào thượng tuần tháng 9-1975). Mỗi khi bệnh cố tôi tự đi hái lá cây làm thuốc, hoặc nhờ mua thuốc bắc. Cố cũng biết ít nghề thuốc vì ông cố tôi là đông y sĩ nổi tiếng hồi xưa.

Hồi đó tôi còn nhớ cố hay nhờ tôi đi hái lá để cố làm thuốc, trong đó có cây bĩ bái làm thuốc dưỡng thai. Giờ không thấy cây đó nữa mà tìm trong sách cũng không có luôn. Không biết nó còn tên gì khác hay không?

Lúc đó, cố tôi đã nghỉ làm thuốc rồi, từ ngày ông cố tôi mất hồi tháng 4-1975. Cố chỉ làm thuốc tế khi có ai đó trong bà con dòng họ yêu cầu. Người giúp cố làm thuốc, lăn bàn tán thuốc, giã thuốc, vo viên thuốc là anh Sấm (đệ tử của cậu Tư tôi) hay anh Hoàng, anh Bảo (cháu của ông cố Hai, anh ruột ông cố tôi).

(2) 處世勿驕人. 修身宜切己. (Đạo Uyển chú)

Tôi lại nhớ lần cậu Tư tôi bị xe đụng gãy xương đùi nằm trong bệnh viện. Chiều tối anh Sấm chạy về nói với má tôi: “Ngày mai chuyển đi nhà thương Chợ Rẫy. Anh Khải (tức cậu Tư tôi) nói chị kiểm cho anh mấy viên Glifanan (giảm đau) với thuốc ngủ. Nhà thương không có thuốc gì hết.”

“Trời ơi! Gãy xương đùi mà không có thuốc giảm đau, làm sao chịu cho nổi?!” Cố tôi lại đốt nhang hết ba bàn thờ ông bà và bàn ông Thiên ngoài trời. Vô nhà cố còn khẩn: “Lạy Trời lạy Phật cho con chịu thay cho cháu của con.”

Cái lần ông ngoại tôi bị điện giật té bất tỉnh, cố cũng thất thần và kêu lên như vậy. Mới hay nước mắt chảy xuôi, cha mẹ ông bà lúc nào cũng nghĩ cho con cháu trước. Ba má tôi cũng vậy thôi. Bao miếng ngon dành hết cho con cái. Có con rồi mới biết lòng mẹ cha.

*Sinh thành nghĩa trọng càn khôn đại,
Cúc dục ân cao nhật nguyệt trường.*⁽³⁾

(Sinh thành nghĩa nặng, trời đất lớn,
Dưỡng dục ơn cao, ngày tháng bền.)

Cố tôi bệnh bao lâu thì mất, tôi cũng không nhớ nữa, chỉ nhớ rằng có bà Út tôi từ Sài Gòn về để săn sóc cố. Mấy ngày cuối cùng, cố yếu lắm, không còn nói được nữa, chỉ nhìn mọi người và nắm tay nhẹ nhẹ như muốn nhắn gửi tâm tình cho người ở lại. Hôm cố đi, ông ngoại tôi đang ở ngoài ruộng coi bạn hàng hái rau. Hơn 4 giờ sáng, ông vô tới sau bếp thì có con chim cú ở đâu bay tới trên cành mận ngay trên đầu của ông; nó kêu đúng ba tiếng lớn rồi bay đi ngay. Dù trước nay

(3) 生成義重乾坤大 / 鞠育恩高日月長. (Đạo Uyển chú).

không tin vô mấy chuyện này, cho là sự tình cờ nhưng ông nói ông nghe lạnh sống lưng, hồi hả bước lên nhà trên, vừa kịp lúc bà Út tôi bước ra nói: “Má đi rồi, anh ơi!”

*Trời thu mây hợp lại tan
Ngày xuân hoa nở hoa tàn mấy lăm
Trải trong tám chín mươi năm
Bóng câu qua cửa để cầm mãi ru.
Thịt xương gởi đám diêm phù...
(Bích Câu Kỳ Ngộ)*

Nhân sinh nhất thế trường như khách.⁽⁴⁾

Một đời người cũng chỉ là khách trọ. Cố đi để lại cho con cháu niềm thương nhớ khôn nguôi.

*Bình Dương, mừng 4 Tết Tân Mão
(Thứ Năm, 03-02-2011)
NGUYỄN NHƯ THẠCH*

⁽⁴⁾ Bài tứ tuyệt Chu Phóng 朱放 tiễn Ôn Đài, tức Ôn Đình Quân 溫庭筠 (812-870):

<i>眇眇天涯君去時</i>	<i>Miểu miểu thiên nhai quân khứ thì</i>
<i>浮雲流水自相隨</i>	<i>Phù vân lưu thủy tự tương tùy</i>
<i>人生一世長如客</i>	<i>Nhân sinh nhất thế trường như khách</i>
<i>何必今朝是別離.</i>	<i>Hà tất kim triều thị biệt ly.</i>

Huệ Khải dịch:

*Mù mịt chốn xa lúc bạn đi
Mây trôi nước chảy cũng phân kỳ
Thế gian một kiếp thân như khách
Hà tất sáng nay mình biệt ly.*

(Đạo Uyển chú)

CHO

cỏ cây
cho ngan ngát xanh
mai cho tia nắng
chiều dành dỗ mưa
đêm buông
cho gió đông đưa
tiếng chuông khuya vọng
được-thua
lặng lòng.

bao giờ
cho hết mỗi mong
đò trăm năm
những lòng vòng
có-không
tôi về
thao thức cùng sông
khởi duyên...
cho mớ bong bong
theo dòng.

VÕ VĂN PHO

XUÂN MUỘN

Mai đã vàng ong lên nắng Giêng
Đường xuân ai lặng bước chân riêng
Lá xanh chừng cũng say mùi tóc
Giọt đắng bỗng dựng nhuộm vị thiền
Một ánh mắt còn chưa tỏ ý
Ngàn bài thơ cũng hóa vô duyên
Tôi về gom cả xuân trời cũ
Có kịp với mùa thơm dáng em?

NGUYỄN QUỐC HUÂN



Sơn Nam
(Phạm Minh Tây, 1926-2008)

TÌNH NGHĨA GIÁO KHOA THƯ

SƠN NAM

- Từ đây tới nhà ông Trần Văn Có gần hay xa vậy thầy?⁽¹⁾

Thầy xã trưởng đáp:

- Ở xóm Cà Bậy Ngọt lận!
Để tôi ra lệnh cho phó hương
ấp đòi tên đó tới công sở...

Thầy phái viên nhà báo
Chim Trời giựt mình.

- Tôi là phái viên, đâu có quyền hạn đó đối với quý độc giả thân mến gần xa.

Thầy xã hỏi:

- Phái viên là gì vậy thầy?

- Là người thay mặt cho tờ báo đi cổ động và thu tiền.

- À! Bây giờ tôi mới biết cái thằng Tư Có. Nó thiếu tiền của nhà báo hả? Hèn chi nó bơi xuống lên công sở lãnh báo, đúng

Đạo Uyển chú:

⁽¹⁾ **thầy:** Ở miền Nam thời xưa, những người có ăn học, biết chữ nghĩa, hoặc giữ một chức vụ nào đó, dù không dạy học đều vẫn được gọi là *thầy*. Thí dụ: *thầy bói, thầy cai, thầy chùa, thầy cúng, thầy hương quản, thầy ký, thầy lang, thầy pháp, thầy thuốc*, v.v...

bảy bữa là có mặt nó. Nghèo không biết thân lại còn bày đặt làm sang mua báo không trả tiền!

Thầy phái viên cố nén sự bức tức khi nghe người độc giả thân mến của mình bị thầy xã khinh khi; thầy hút thuốc suy nghĩ rồi lại hơi buồn buồn mà nhớ đến sự thất bại về tài chánh.

Ông độc giả Trần Văn Có thiếu sáu tháng tiền báo tức là hai đồng sáu cắc rưỡi. Từ chợ Rạch Giá vô đây, thầy đã tốn gần ba cắc rưỡi tiền tàu, tiền thuốc hút. Chuyển về lại phải xuất thêm ba cắc nữa... Ông độc giả nghèo nàn này chắc gì trả được một đồng trong số tiền thiếu chịu nhà báo!

Nhưng đã tới đây rồi mà trở về thì uống cuộc viễn du Hậu Giang này quá! Thầy phái viên quyết tình bình vực thể diện của người độc giả nọ:

- Không phải tôi đi đòi tiền! Tôi đi dò hỏi ý kiến bạn đọc đối với tờ báo. Tiền bạc là quý... Nhưng ý kiến của bạn đọc lại quý hơn. Độc giả ở tới đâu, chúng tôi đi tới đó.

Sau vài phút đi tới đi lui, thầy xã gật đầu:

- Được. Để tôi biểu thằng trạo ⁽²⁾ chèo tam bản đưa thầy. Thầy nên dè chừng. Tên Trần Văn Có nói mười, thầy tin một là vừa. Anh ta công kích tờ Lục Tỉnh Tân Văn của nhà nước Lang Sa gửi xuống công sở; đi ăn giỗ thì nói chuyện Hít Le, chuyện nước Ý đánh nước Áo, chừng hỏi kỹ mấy nước đó ở đâu, anh ta bí lối nói lảng qua chuyện Tàu...

Thầy phái viên tò mò:

⁽²⁾ **trạo:** Chèo thuyền. **Trạo thủ, trạo phu:** Người đàn ông chèo thuyền.

- Vậy thì ông đọc giả của chúng tôi rành chữ nho?

- Ai biết rõ được. Anh ta nói có dây có nợ, tích người học trò nghèo tên là người Thừa Cung gì đó... chần heo;⁽³⁾ ông quan đại thần Lý Tích đích thân nấu cháo cho chị ăn dè dặt bị lửa tấp cháy râu.⁽⁴⁾ Chưa hết đâu, thầy phái viên ơi! Hễ gặp

⁽³⁾ Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc, Đặng Đình Phúc, Đỗ Thận soạn, *Quốc Văn Giáo Khoa Thư (sách tập đọc và tập viết) lớp Dự Bị*. Hà Nội: Nha Học Chính Đông Pháp xuất bản, 1939. Bài 17 (*Chuyện Người Thừa Cung*) có nội dung như sau:

Thừa Cung nhà nghèo, mồ côi cha từ lúc hãy còn nhỏ. Khi mới lên tám, làm nghề chần heo để nuôi thân. Trong làng có ông Từ Tử Thịnh mở trường [trường] dạy học, học trò xa gần đến học đông lắm. Thừa Cung cứ mỗi khi chần lợn qua trường, [nghe] thấy tiếng giảng sách, thì đứng lại nghe, trong lòng lấy làm vui thích lắm, muốn đi học. Sau anh ta xin đến ở nhà học [nhà thầy giáo cũng là trường học] để dọn dẹp, quét tước. Từ Tử Thịnh thấy Thừa Cung mặt mũi khôi ngô, thuận cho ở. Lúc rảnh việc, anh ta chỉ chăm chăm chúí chúí học hành. Được vài ba năm Thừa Cung thành một người học trò giỏi, có tiếng thời bấy giờ.

⁽⁴⁾ Lý Thế Tích 李世勣 (khoảng 594-669), tự Mậu Công 懋功, là một trong các danh tướng, công thần đầu nhà Đường (Trung Quốc). Ông nguyên họ Từ 徐, dưới triều Đường Cao Tông được mang họ vua (quốc tính) nên gọi là Lý Tích 李.

Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc, Đặng Đình Phúc, Đỗ Thận soạn, *Quốc Văn Giáo Khoa Thư lớp Sơ Đẳng*. Hà Nội: Nha Học Chính Đông Pháp xuất bản, 1948. Bài 4 (*Lòng Kính Yêu Chị*) có nội dung như sau:

Ông Lý Tích làm quan to đời xưa. Ông đã già mà vẫn yêu kính chị một cách khác thường. Một hôm, bà chị ốm, ông thân hành đi nấu cháo cho chị ăn, chẳng may gió quạt ngọn lửa cháy cả râu. Bà chị nói rằng: “Nhà thiếu gì đầy tớ mà em lại khổ thân như vậy?”

ai say rượu anh ta nói một hơi như thầy chùa tụng kinh, có ca có kệ. Cái gì mà các anh hãy trông người kia đi ngoài đường, mặt đỏ gay, mắt lơ lơ...⁽⁵⁾

Thầy phái viên cười lớn, nhịp mạnh tay xuống bàn ba bốn lần như đánh trống chầu hát bội, đôi mắt sáng ngời, chân nhảy nhót như con nít:

- Hay quá! Hay quá! Tôi thăm ông đọc giả đó mới được. Ông làm thầy giáo hả thầy? Nhờ thầy đưa tôi đi tới gặp mặt. Ngộ quá hen! Ừ! Ừ!

Bực mình quá chừng, thầy xã nghĩ: “Ông phái viên này kêu mình bằng thầy mà lại tung bốc kêu Tư Có bằng ông. Hay là ông chê mình không dám xuất tiền mua báo như Tư Có.

Ông đáp lại rằng: “Nay chị đã già, mà em cũng già rồi, dẫu em muốn nấu cháo cho chị ăn mãi, phỏng đã dễ mà được hay sao?”

Một người như ông Lý Tích, làm quan quyền quý bao nhiêu mà yêu chị như thế, thật đáng khen thay!

⁽⁵⁾ *Quốc Văn Giáo Khoa Thư lớp Sơ Đẳng*. Hà Nội: Nha Học Chính Đông Pháp xuất bản, 1948. Bài 10 (*Người Say Rượu*) có nội dung như sau:

Các anh hãy trông người kia đi ngoài đường. Mặt đỏ gay, mắt lơ lơ, quần áo xốc xếch, chân đi xiêu bên nọ, vẹo bên kia, múa chân múa tay, mồm nói lảm nhảm, chốc lại ngã chúí một cái. Lũ trẻ đi theo sau, reo cười chế nhạo. Thình thoảng anh lại đứng lại, nói những chuyện gì ở đâu đâu. Người qua lại, trông thấy cũng phải tránh xa.

Người ấy vừa ở hàng rượu ra. Chỉ tham mấy chén rượu mà thành ra say sưa, mất cả tư cách con người, có khi như là con vật vậy, thật là đáng khinh bỉ.

Hỡi các anh, các anh đã trông thấy người say rượu như thế, thì nên lấy đó làm gương mà giữ mình.

Chừng bận về, mình mua vài năm báo chơi cho biết mặt.”

Thầy xã hối thúc cho chú trạo sửa soạn quai chèo đưa thầy phái viên đến ấp Cà Bậy Ngọt. Thầy phái viên cảm ơn một tiếng nhỏ rồi cúi đầu xuống nói rù rì như xa như gần, trong cuống họng:

- Ờ! Để coi. Các anh hãy trông người kia đi ngoài đường, mắt đỏ gay, mắt lơ dờ, quần áo xốc xếch, chân đi xiêu bên nọ vẹo bên kia, múa chân múa tay, mồm nói lảm nhảm... Lũ trẻ theo sau reo cười chế nhạo... Đúng vậy, Quốc Văn Giáo Khoa Thư lớp Sơ Đẳng, Việt Nam Tiểu Học Tùng Thư... Sách này do Nha Học Chính đã giao cho ông Trần Trọng Kim, ông Đặng Đình Phúc và ông Đỗ Thận soạn... Eo ơi! Cái tuổi thơ ấy đó nay còn đâu.

Đường đi ấp Cà Bậy Ngọt quá xa vời! Chiếc tam bản nhún xuống một cái “ồ” rồi nhảy tới một cái “sạt” theo nhịp chèo hai chèo. Nắng chang chang rắc vàng trên thảm cỏ hoang xanh ngắt. Vài nhánh bình bát giơ ra, quất vào bụi sột soạt. Xế chiều, cò trắng phất cờ như đón người khách lạ. Trích, cúm núp kêu ré lên. Con rạch thâu hẹp lại. Chiếc tam bản lắc nghiêng như trái dừa khô trên mặt nước đầu sóng gió. Anh trạo chèo một chèo, nghiêng mình bên hữu. Rồi bỗng nhiên anh chụp mỗi tay một cây chèo mà chèo trên đất khô bên bờ rạch. Chiếc tam bản lại lướt nhanh trong lòng nước quá hẹp, vừa đủ lọt bề ngang.

Anh trạo mỉm cười:

- Chèo như vậy đi lẹ hơn. Mọi lần mùa hạn, nước cạn queo, dưới sông đầy bùn non, tôi cưỡi trâu trên bờ mà kéo. Chiếc tam bản đi như cộ kéo lúa...

4. Lòng kính yêu chị



Lý Tích nấu cháo nuôi chị

10 - Chọn bạn mà chơi



Bố khuyên con phải chọn bạn

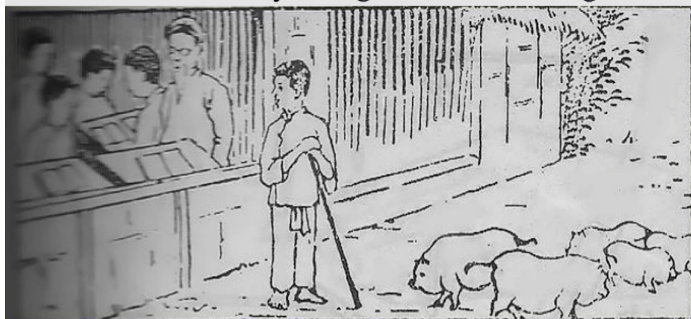
11 - Khuân tảng đá



Cụ già khuôn tảng đá

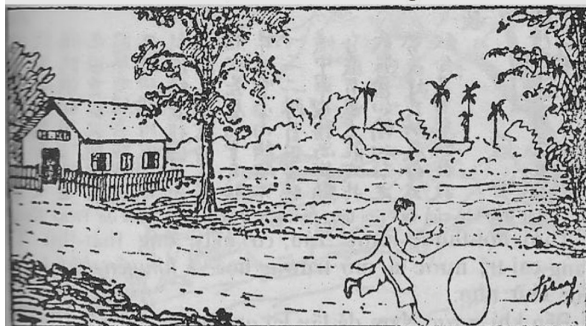
Trích một số hình ảnh minh họa kèm theo các bài học trong sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư mà Sơn Nam có nhắc tới trong truyện ngắn *Tình nghĩa Giáo Khoa Thư*.

17 - Chuyện người Thừa Cung.



Thừa Cung chân lợn đi qua tràng học.

23 - Học trò lười biếng.



Bình trốn học đi chơi.

25 - Nên giúp đỡ lẫn nhau.



Hai cậu bé kéo xe giúp ông lão.

Trích một số hình ảnh minh họa kèm theo các bài học trong sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư mà Sơn Nam có nhắc tới trong truyện ngắn *Tình nghĩa Giáo Khoa Thư*.

- Chú trạo biết rành nhà Tư Có không?

- Dạ, biết. Tư Có ở một mình, nuôi heo, giăng câu, ăn ong, nghe nói y ở xứ Vãng Long [Vĩnh Long] xuống đây tính bề dạy học mà xin phép chưa được...

*

Buổi cơm chiều ngon lành làm sao! Ăn cá lóc nướng trui, uống rượu “ông cọt”. Anh trạo đã về, Tư Có kèm thầy phái viên ở lại ngủ một đêm, chú hứa sáng mai bơi xuống đưa thầy trở lại công sở mà đón tàu đò. Thếp đèn dầu cá kéo thêm một tim thứ nhì nữa, cháy khá sáng. Bếp un dưới đất tỏa lên cuộn cuộn, tỏ rõ từng sợi khói mịn màng như mảnh lưới tơ giăng bữa khắp căn chòi nhỏ hẹp.

Tư Có bỏ mừng xuống, chun vô tấn ba phía rồi mời:

- Thầy Hai vô trong này ngồi nói chuyện cho vui. Ở ngoài muỗi cắn. Khói như vậy mà muỗi cứ bu lại rớt lênh trong thếp đèn dầu cá đó.

Ngượng nghịu, thầy phái viên nhà báo Chim Trời rón rén giở mí mừng, chun lẹ vào ngồi kế bên:

- Xứ gì lạ quá! Anh Tư ở đây hoài sanh bệnh chết.

Tư Có đáp:

- Xứ Cà Bê Ngop, tiếng Khor Me nghĩa là trâu chết. Hồi đó nghe nói trâu “len” tới đây thất bại, phong thổ ẩm thấp trâu chết nhiều quá. Họ đặt tên kỷ niệm luôn... Bởi vậy dân tình bệnh hoạn, thừa thối, làng này chưa cất nổi cái trường học.

Thầy phái viên trở mắt:

- Vậy à? Còn mấy làng khác?

- Đông Thái, Đông Hòa, Đông Hưng, Vân Khánh Đông... không làng nào có trường hết. Thầy nghĩ coi...

- Hèn chi miệt này chỉ một mình anh Tư là độc giả báo Chim Trời của chúng tôi... Báo có thích hợp không anh Tư?

- Nói chí tình, đó là của người bà con ở Sài Gòn “đăng” giùm tôi, ban đầu tưởng nói chơi dè dặt nhà báo gởi xuống thiệt, xem cũng đỡ buồn. Phần nhiều bài vở của mấy ông viết cao quá. Tôi thường đọc cái trương Văn Uyển, có bài thơ bát cú của cô Bích Lý vịnh cảnh sông Hương. Hay quá lẽ! về sau, ông Trần Bất Diệt ở Cầu Kè họa vện...

Thầy phái viên gật đầu, ừ lấy lệ, thật ra hồi nào tới giờ đi cổ động cho báo Chim Trời mà ít khi thầy đọc kỹ báo nhà. Tư Có hỏi tiếp:

- Nhà báo Chim Trời đông người không thầy? Chắc là lớn lắm? Làm sao mà thành chữ được.

- Có thợ chuyên môn ráp từ chữ a, chữ b.

- Trờì thần ơi! Biết tới chừng nào mới xong, chắc là thợ đông lắm... Còn mấy ông chủ nhiệm, chủ bút, phóng viên... Chắc làm việc rần rộ ngày đêm.

Thầy phái viên sực nhớ đến tình trạng loe hoe của tòa soạn, gật đầu lần nữa.

- Làm báo thì cần nhiều trí óc lắm, phải không thầy phái viên? Tiếc là hồi nhỏ cha tôi chết sớm. Hồi đó, ông làm thầy giáo cũng đặt thơ bát cú, tứ cú. Cha tôi chết, má tôi giữ mấy pho sách, dạy lại tôi. Đó là sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư, thầy còn nhớ không?

Thầy phái viên cười:

- Nhớ chứ. Làm sao mà quên được! Hồi nhỏ tôi hót “ca rê”, tay xách toòng teng bình mực đi học ở trường làng. Hồi đó, trí óc mình sáng suốt, nhớ dai lắm. Bây giờ lớn tuổi, đầu bạc hoa râm, đi làm ăn rày đây mai đó, nhớ nhà, nhớ trường học, nhớ làng xưa.

Tư Có nói:

- Chắc là thầy muốn nói bài “Chỗ Quê Hương Đẹp Hơn Cả”⁽⁶⁾ chứ gì?

Rồi chú đọc một hơi:

- Một người đi du lịch đã nhiều nơi. Hôm về nhà, kể quen người thuộc, làng xóm, láng giềng đến chơi đông lắm. Một người bạn hỏi: Ông đi du sơn du thủy...

- Đó ă! Đó ă! Anh Tư nhớ kỹ quá... Người du lịch mới trả lời: Ở chốn quê hương... từ cái bụi tre ở xó vườn cho đến con đường khúc khuỷu trong làng, cái gì cũng gọi cho tôi những

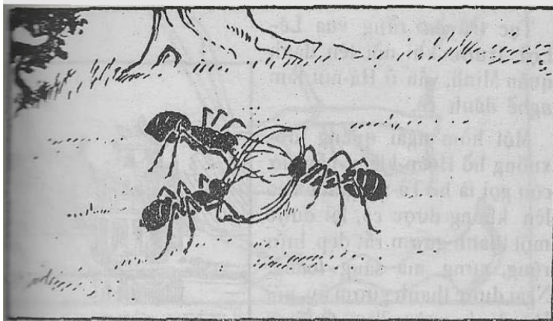
⁽⁶⁾ Quốc Văn Giáo Khoa Thư (sách tập đọc và tập viết) lớp Dự Bị. Bài 33 (Chỗ Quê Hương Đẹp Hơn Cả) có nội dung như sau:

Một người đi du lịch đã nhiều nơi. Hôm về nhà, kể quen người thuộc, làng xóm, láng giềng đến chơi đông lắm. Một người bạn hỏi: “Ông đi du sơn du thủy, thế tất đã trông thấy nhiều cảnh đẹp. Vậy ông cho ở đâu là thú hơn cả?” Người du lịch đáp lại rằng: “Cảnh đẹp mắt tôi trông thấy đã nhiều, nhưng không đâu làm cho tôi cảm động, vui thú bằng lúc trở về chốn quê hương, trông thấy cái hàng rào, cái tường đất cũ kỹ của nhà cha mẹ tôi. Từ cái bụi tre ở xó vườn, cho đến con đường khúc khuỷu trong làng, cái gì cũng gọi ra cho tôi những mối cảm tình chứa chan, kể không sao xiết được.”

31 - Chăn trâu. 33- Chỗ quê hương đẹp hơn cả.



43 - Ta không nên ngã lòng.



Kiên tha mãi.

Trích một số hình ảnh minh họa kèm theo các bài học trong sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư mà Sơn Nam có nhắc tới trong truyện ngắn Tỉnh nghĩa Giáo Khoa Thư.

mỗi cảm tình chứa chan... Bài đó có hình ông già mang kiếng, chống gậy nói chuyện với mấy người khăn đóng áo dài.

- Thì hình nào cũng khăn đóng áo dài. Trừ ra cái hình thằng nhỏ chăn trâu cầm roi: Ai bảo chăn trâu là khổ... Không, chăn trâu sướng lắm chứ.⁽⁷⁾

Thầy phái viên phụ họa theo như cùng hợp xướng:

- Đầu đội nón mê như lọng che, tay cầm cành tre như roi ngựa, ngất ngểu ngồi trên mình trâu, tai nghe chim hót trong chòm cây, mắt trông bướm lượn trên đám cỏ...

Rồi thầy kéo qua những đoạn khác mà thầy nhớ:

- Hay quá! Nhà báo bây giờ không ai bằng. Văn chương như vậy là cảm động lòng người... Như cái hình ông già đẩy xe bò lên dốc, có hai đứa học trò kéo dây tiếp sức. Trời nắng to. Đường thì dốc. Một ông lão đẩy cái xe lợn. Trên xe có ba bốn con lợn to, chân trối, bụng phoir và mồm kêu eng éc...⁽⁸⁾

⁽⁷⁾ Quốc Văn Giáo Khoa Thư (sách tập đọc và tập viết) lớp Dự Bị. Bài 31 (Chăn Trâu) có nội dung như sau:

Ai bảo chăn trâu là khổ? Không, chăn trâu sướng lắm chứ! Đầu tôi đội nón mê như lọng che. Tay cầm cành tre như roi ngựa. Ngất ngểu ngồi trên mình trâu, tai nghe chim hót trong chòm cây, mắt trông bướm lượn trên đám cỏ. Trong khoảng trời xanh, lá biếc, tôi với con trâu thành thơ vui thú, tưởng không còn gì vui sướng cho bằng.

⁽⁸⁾ Quốc Văn Giáo Khoa Thư (sách tập đọc và tập viết) lớp Dự Bị. Bài 25 (Nên Giúp Đỡ Lẫn Nhau) có nội dung như sau:

Trời nắng to. Đường đi dốc. Một ông lão đẩy cái xe lợn. Trên cái xe có ba bốn con lợn to, chân trối, bụng phoir và mồm kêu eng éc. Ông lão cố đẩy cái xe, mặt đỏ bừng, mồ hôi chảy, mà xe vẫn không thấy chuyển.

Tư Có vỗ trán:

- Còn ông già khuôn tảng đá nữa, thấy mà thương: Trời nhá nhem, chạng vạng tối, tôi thấy một ông cụ già hì hục khuôn tảng đá. Ông cụ nhắc lên để xuống đến bốn năm lần mới đem được từ giữa đường đến chỗ bụi cây mà bỏ đấy... Lão đi lữ vấp phải tảng đá này, trầy cả chân đau lắm nên khuôn bỏ vào đây, sợ có người vấp nữa chẳng.⁽⁹⁾

Thầy phái viên lại không chịu rằng mình kém trí nhớ:

- Ngang hình ông già đó, trương phía tay trái có bài chọn bạn mà chơi, thói thường gần mực thì đen. Cha chỉ ngón tay, con đứng khoanh tay cúi đầu mà nghe. Dưới chót lại có hàng chữ: Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài.⁽¹⁰⁾

Mấy cậu bé đang chơi trên bờ đê, thấy thế, vội chạy tới, xúm lại, buộc dây vào đầu xe mà kéo hộ.

Xe lên khỏi dốc, ông lão cảm ơn các cậu và các cậu cũng lấy làm vui lòng, vì đã giúp được việc cho người.

⁽⁹⁾ Quốc Văn Giáo Khoa Thư (sách tập đọc và tập viết) lớp Dự Bị. Bài 11 (Khuôn Tảng Đá) có nội dung như sau:

Trời nhá nhem tối. Tôi thấy một ông cụ già hì hục khuôn một tảng đá, nhắc lên, để xuống đến bốn năm lần, mới đem được từ giữa đường đến chỗ bụi cây mà bỏ đấy. Tôi lấy làm lạ, chạy lại hỏi, thì ông cụ vừa thở vừa nói rằng: “Lão đi lữ vấp phải tảng đá này, sầy [trầy] cả chân đau lắm. Nên lão khuôn bỏ vào đây, sợ có người vấp nữa chẳng.”

Tôi thấy nói, lấy làm nghĩ. Ông cụ già chịu nhọc mình một chút, để đỡ cho người đi đêm trên con đường không vấp phải tảng đá, cũng là một việc làm phúc đáng khen vậy.

⁽¹⁰⁾ Quốc Văn Giáo Khoa Thư (sách tập đọc và tập viết) lớp Dự Bị. Bài 10 (Chọn Bạn Mà Chơi) có nội dung như sau:

Thói thường “Gần mực thì đen...”

Tư Có gật đầu:

- Đó là ngụ ý răn đe gương tốt thói xấu. Phải siêng năng như Sửu chăm học, ngồi bên đèn mà đọc sách; đừng lười biếng như thằn Bính đánh vòng.⁽¹¹⁾ Phải bền chí học hành. Ờ, thầy phái viên chắc nhớ cái hình con kiến tha mồi. Văn chương nghe như đồn Nam Xuân: Nước mềm, đá rắn thế mà nước chảy mãi đá cũng phải mòn. Sợi dây nhỏ, cây gỗ lớn, vậy mà dây cửa mãi cũng đứt. Con kiến nhỏ, cái tổ to, thế mà kiến tha lâu cũng đầy tổ. Người ta cũng vậy...⁽¹²⁾

Anh em bạn hữu phải nên chọn người.

Những người lêu lổng chơi bời,

Cùng là lười biếng, ta thời tránh xa.

⁽¹¹⁾ Quốc Văn Giáo Khoa Thư (sách tập đọc và tập viết) lớp Dự Bị. Bài 23 (Học Trò Lười Biếng) có nội dung như sau:

Bính là một đứa học trò lười biếng. Sáng ngày dậy trưa nên đi học trễ, mà tiếng rằng đi học, nhưng chẳng mấy khi nó thuộc bài và làm đủ bài. Khi nó ở nhà cha mẹ sai làm việc gì, thì tìm đường trốn tránh. Cả ngày chỉ thích chơi bời lang thang ở ngoài đường ngoài ngõ,

Cha mẹ nó đánh mắng luôn và thầy giáo cũng quở phạt luôn. Nếu nó cứ lười biếng như thế mãi, thì về sau chắc sẽ phải khổ suốt đời. Những người lười biếng thì không làm gì nên thân. Ta chớ nên lười biếng.

⁽¹²⁾ Quốc Văn Giáo Khoa Thư (sách tập đọc và tập viết) lớp Dự Bị. Bài 43 (Ta Không Nên Ngã Lòng) có nội dung như sau:

Nước mềm, đá cứng, thế mà nước chảy mãi, đá cũng phải mòn. Sợi dây nhỏ, cây gỗ lớn, vậy mà dây cửa mãi gỗ cũng phải đứt. Con kiến nhỏ, cái tổ to, thế mà kiến tha lâu cũng đầy tổ.

Người ta cũng vậy, phạm làm việc gì dẫu thấy khó cũng đừng nên ngã lòng. Gặp việc gì khó, ta cũng cứ vững lòng mà làm, cứ cố

*

Không ai bảo ai, hai người lại nằm xuống lim dim. Tuổi của họ đã quá ba mươi! Nước chảy mãi mà sao đá không thấy mòn? Sợi dây cưa mãi, gỗ chưa đứt mà sợi dây sắp đứt trước. Sự nghiệp của họ nào đã có gì: Kẻ mướn cái thú ở nhà quê, người lặn lội với cái thú ở kẻ chợ.

Nằm mãi không ngủ được, thầy phái viên lắng nghe những tiếng động trong nhà, giữa tiếng một nghiêng gỗ kèn kẹt như người đưa võng, bắt chập tiếng chuột chạy sột soạt và nhất là tiếng muỗi rùng rộng hành kê vo vo, thầy mơ lại những ngày “năm nay tôi lên bảy, tôi đã lớn, tôi không... lêu lổng nữa”. Còn đâu mùi hương của những quyển sách mới bao bìa kỹ lưỡng nhưng vài ngày sau đã rách bìa! Làm sao nghe được tiếng phập phồng trong ngực của đứa bé khi trời mưa to, đi học trễ, run rẩy bước vào trường rồi cởi áo phoi ngay trong lớp... Đây, thầy giáo mặc đồ bà ba, lâu lâu bước ra khỏi lớp để chào hỏi khi thầy xã, thầy cai tổng đi ngang qua. Một đôi lúc, thầy giáo quá cay nghiệt đã dùng thước đánh vào những đầu ngón tay non yếu, hoặc hươi cây thước bằng...

Dầu sao đi nữa, những kỷ niệm xa xưa vẫn vui, vui như một lũ học trò giành nhau chụp cho được cây dùi trống, đánh thùng thùng báo hiệu giờ vào lớp.

Giọng Tư Có nói nhỏ:

- Ngủ chưa, thầy phái viên?

vào, cố nữa, cố luôn mãi, thì việc đâu khó đến đâu, cũng có ngày ta làm nên được.

Những kẻ hay ngã lòng chẳng bao giờ làm được việc gì cả.

Thầy phái viên yên lặng. Trời mới mưa, các chỗ trũng đầy nước cả nên cóc và nhái kêu inh ỏi. Vài giọt mưa rớt nhẹ xuống đất... và rơi trên rạch Cà Bậy Ngọt trước nhà. Hồi năm nào, thầy là giọt nước trong lành đó, bây giờ nó đã trôi xa, ra sông, chứa đựng rác rến, chảy băng ra biển. Ủ, họa chăng đó là con đường hiệu quả nhất là được sớm bốc thành hơi, đầu thai trở lại nguồn... Nghĩ vậy, thầy khoan khoái mỉm cười ngồi dậy hỏi:

- Ngủ chưa anh Tư?

- Chưa!

- Tôi này giờ cũng vậy, muốn ngủ sớm để mai về nhà, mà không thấy mệt.

Im lặng một hồi lâu, rất lâu, Tư Có nói ngậm ngùi sau một tiếng thở dài:

- Biết lấy gì làm sở phí cho thầy. Thầy nói thiệt tình nghe coi... Chắc thầy tới đây thâm tiền.

- Đâu có! Đâu có! Mình là bạn đời với nhau...

- Thầy hiểu cảnh tôi. Không lẽ gởi cá lóc, rùa, mật ong... nhờ thầy đem về Sài Gòn gọi là tiền của tôi trả cho nhà báo. Tôi “đăng” là vì ái mộ báo Chim Trờì chớ ít đọc lắm. Mấy thầy viết cao quá. Tôi mua để dành về sau cho đủ bộ.

- Anh Tư đừng ngại chuyện đó. Cứ tiếp tục đọc. Lâu lâu dò nơi mục Thư Tín không chừng có lời của tôi thăm hỏi anh Tư. Nếu thấy báo đăng đòi tiền các độc giả, xin anh Tư hiểu rằng đó là nhắc nhở các người khác. Tôi hứa nói lại với ông chủ nhiệm mỗi kỳ gởi tặng anh Tư một số báo, hoài hoài cho tới sổ chót.

Chú Tư Có vô cùng cảm động:

- Thôi thầy ngủ lấy sức để mai về bình yên. Khuya nghe chồn cáo, cộc kêu, thầy đừng giựt mình. Ở đây miệt rừng, không có... xa xa thì nghe tiếng chó sủa trắng.

Thầy phái viên cười giòn, tưởng tượng cái cảnh biệt ly ngày mai. “Ôi! Cái cảnh biệt ly ở xóm Cà Bầy Ngọt sao mà buồn vậy!” Vĩnh biệt thì đúng hơn. Nghe nó buồn như một giọng hò, một câu rao vọng cổ, nhưng thầy chưa muốn nói ra, giờ này.

SƠN NAM

Đạo Uyển viết thêm

Trên đây Sơn Nam kể chuyện anh phái viên đi đòi bạn đọc Tư Có trả tiền mua báo dài hạn. Khi biết Tư Có vô phương trả nợ, anh phái viên nói:

Anh Tư đừng ngại chuyện đó. Cứ tiếp tục đọc. Lâu lâu dò nơi mục Thư Tín không chừng có lời của tôi thăm hỏi anh Tư. Nếu thấy báo đăng đòi tiền các độc giả, xin anh Tư hiểu rằng đó là nhắc nhở các người khác. Tôi hứa nói lại với ông chủ nhiệm mỗi kỳ gửi tặng anh Tư một số báo, hoài hoài cho tới số chót.

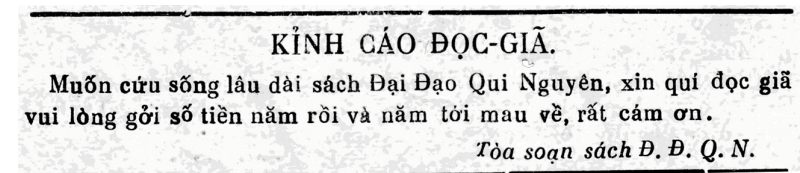
Đọc tới chỗ này chúng tôi chạnh lòng, không khỏi nhớ nghĩ vẩn vơ. Hồi xưa, các tiền bối chúng ta làm báo đạo để quảng truyền tôn giáo Cao Đài cũng từng khổ tâm khi buộc lòng phải cho “rao” trên báo mấy lời nhẹ nhàng đòi nợ quý tín hữu là bạn đọc. Chẳng hạn, năm 1937, tổ chức Cao Đài Đại Đạo Liên Hòa Tổng Hội (thường gọi tắt là Liên Hòa Tổng Hội)

xuất bản tạp chí *Đại Đạo Qui Nguyên Lược Luận*, số 1, in typo. Qua năm 1938, trên số 12, trang 40, tạp chí in mấy dòng như sau (chúng tôi đã sửa lỗi chánh tả khi trích lại nơi đây):

KÍNH CÁO ĐỘC GIẢ

Muốn cứu sống lâu dài sách Đại Đạo Qui Nguyên, xin quý độc giả vui lòng gởi số tiền năm rồi và năm tới mau về, rất cảm ơn.

Tòa soạn sách Đ.Đ. Q.N.



Trước đó, trên số 11, ở cuối trang chót (nếu như tạp chí có đánh số thì là trang 41), tòa soạn cho đăng như sau (chúng tôi đã sửa lỗi chánh tả khi trích lại nơi đây):

XIN QUÝ NGÀI ĐỘC GIẢ LƯU Ý!

Kính quý ngài,

Sách Đại Đạo Qui Nguyên của Liên Hòa Tổng Hội gởi cho quý ngài đã tới số mười một rồi (11) gần hết năm. Còn một phần của quý ngài chưa đóng, hoặc đóng có phân nửa. Vậy xin quý ngài đăng số 11 này, vui lòng vì đạo gởi giúp số tiền thiếu ấy mau mau, đăng Liên Hòa có đủ tài liệu mà in tiếp. Và quý ngài có trả rồi thì buộc phải có biên lai của ông thủ bổn Liên Hòa ký tên hẳn hoi.

Vì giá giấy lên và tốn phí cũng lên, nên Bàn Trị Sự L.H.T.H. có

nhóm định lại giá sách Đ.Đ.Q.N. 12 cuốn 1\$80, 6 quyển 1\$00, 1 quyển 0\$15.

Nay kính,

Sài Gòn, ngày 27-4 [năm đạo thứ] 13
Bàn Trị Sự Liên Hòa Tổng Hội

Xin quý ngài có gởi thơ hay là mandat [phiếu chuyển tiền qua bưu điện] thì đề như vầy:

Monsieur Nguyễn Văn Đước
Tri huyện à Chí Hòa (Sài Gòn)

XIN QUÍ NGÀI ĐỌC GIẤ LƯU Ý !
Kính quý ngài,
Sách Đại-Đạo Qui Nguyên của Liên-Hòa Tổng Hội gởi cho quý Ngài đã tới số mười một rồi (11) gần hết năm. Còn một phần của Quý Ngài chưa đóng, hoặc đóng có phần nữa. Vậy xin Quý Ngài đăng số 11 này, vui lòng vì đạo gởi giúp số tiền thiếu ấy mau mau, đăng Liên-Hòa có đủ tài liệu mà in tiếp. Và Quý Ngài có trả rồi thì buộc phải có biên-lai của ông thủ-bổn Liên-Hòa ký tên hẳn hoi.
— Vì giá giấy lên và tốn phí cúng lên, nên Bàn-trị-Sự L. H. T. H. có nhóm định lại giá sách Đ. Đ. Q. N. 12 cuốn 1\$80, 6 quyển 1\$00 1 quyển 0\$15.
Nay kính
Saigon ngày 27-4 13.
Bàn-trị-sự Liên-Hòa Tổng-Hội
Xin quý Ngài có gởi thơ hay là Mandat thì đề như vầy :
Monsieur Nguyễn-văn-Đước
Tri-Huyện à Chí-Hòa (Saigon)

*

Nói chung, các tạp chí của người đạo Cao Đài trước đây đều vẫn số. Nhưng có một ngoại lệ là nguyệt san *Cao Đài Giáo Lý* của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam. (Cơ Quan này do Đức Chí Tôn thành lập tại Sài Gòn năm

1965). Lúc đầu *Cao Đài Giáo Lý* quay ronéo, in trên giấy *duplicateur* (khổ giấy suýt soát cỡ A4). Mỗi số khoảng 16-24 trang. Tòa soạn đặt tại số 165E Cống Quỳnh, Sài Gòn. Số 1 ra tháng 12-1965; số 73 ra tháng 01-1972.

Kể từ số 74 (tháng 02-1972), nguyệt san in typo, khổ 16x24cm. Mỗi số khoảng 50-64 trang ruột. Tòa soạn đặt tại số 171 Cống Quỳnh, Sài Gòn. Tạp chí xuất bản theo giấy phép kiểm duyệt số 713/BTT/PHNT ngày 20-3-1972 của Bộ Thông Tin, và in tại ấn quán Phổ Thông, là nhà in riêng của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, đặt tại trụ sở Cơ Quan (171 Cống Quỳnh, Sài Gòn).

Nguyệt san này đình bản với số 95 (tháng 3-1975), sau mười năm liên tục ấn hành; không phải vì thiếu hụt tiền mà vì lịch sử sang trang (biến cố 30-4-1975).

Khoảng giữa năm 1977, LAD (Huệ Khải) xin vào làm nhân viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam. Nhờ đó, LAD có dịp trò chuyện với các vị tiền bối góp phần khai sáng Cơ Quan theo lệnh Đức Chí Tôn đồng thời cũng là những vị phụ trách nguyệt san *Cao Đài Giáo Lý*; có được thấy tận mắt di tích nhà in của Cơ Quan đặt trong gian phòng vuông vắn nho nhỏ ở tầng trệt, bấy giờ chỉ còn sót một bàn xén giấy điều khiển bằng cần kéo tay (không dùng động cơ điện), và một vài học gõ dựng chữ chì không còn nguyên vẹn... Hồi xưa ấy chàng trai trẻ Thanh Căn (Phan Ngọc Lợi, 1951-2019) là một cộng tác viên tích cực: sửa bản in (sửa *morasse*), vẽ minh họa để làm bản kẽm (*cliché*) in nguyệt san, đóng gói nguyệt san gởi biếu các nơi qua đường bưu điện, v.v...

Khi trò chuyện với tiền bối Chí Tín (Lê Văn Bá, 1918-

2008; đặc quả Chí Tín Huệ Tiên, 2019), LAD bày tỏ lòng thán phục quý tiền bối đã bền bỉ suốt mười năm với nguyệt san *Cao Đài Giáo Lý*, một kỳ tích mà các bậc tiền bối trước kia chưa làm được. Tiền bối Chí Tín liền cười tươi và tiết lộ bí quyết: “Cháu biết là nhờ đâu không? Hồi xưa các tiền bối của mình bán báo nên gánh chịu lỗ lã, đành phải ngưng lại. Cơ Quan mình rút kinh nghiệm, nhứt định không bán, chỉ biểu tặng miễn phí. Nhờ vậy mà sống dai cho tới đầu năm 1975.”

Lời nói đó của bác Chí Tín in sâu vào tâm khảm LAD, nên vào tháng 6-2008, khi bắt tay in kinh sách truyền bá đạo Cao Đài, hay đầu năm 2012 khi ra mắt giai phẩm *Đại Đạo Văn Uyển* (từ năm 2018 gọi tắt là *Đạo Uyển*), Huệ Khải quyết định noi gương *ấn tống* của các tiền bối Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, nhứt định không bán sách. Nhờ vậy mà Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo còn sống bền đến hôm nay.

Chỉ tiếc rằng bây giờ bà con chúng ta phần đông hầu như không thích đọc sách lắm; do đó, số bạn đọc càng lúc càng giảm xuống, khiến cho số bản in từng đầu sách cũng bị giảm theo. Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng tuy vậy vẫn cố gắng duy trì hoạt động đều đặn, với hoài bão vừa làm “sân chơi” cho các cây bút áo trắng sáng tác, vừa làm phương tiện “hàm thụ” góp phần bồi dưỡng từ xa về các đề tài giáo lý, tri thức văn hóa tổng quát cần thiết cho túi hành trang phụng đạo của người tín hữu Cao Đài, nhất là quý vị đang có trọng trách phổ thông giáo lý, thuyết giảng hằng tháng tại các họ đạo...

Nhân đây, xin chấp tay thành kính tạ ơn quý độc giả vẫn hằng tin cậy, luôn thương yêu, một lòng bền bỉ đồng hành với Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng suốt bấy lâu. ■

Đại Đức Thích Không Hạnh, phụ trách Thư Viện tại Tu Viện Huệ Quang (số 116 Hòa Bình, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú), là bạn đạo của Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo từ buổi ban sơ của Chương Trình (2008).

Chiều Thứ Tư 04-10-2019, trong thiện ý bắc một nhịp cầu nối giữa Thư Viện Huệ Quang và Ban Mục Vụ Đối Thoại Liên Tôn (ĐTTLT) Tổng Giáo Phận TpHCM, chúng tôi cùng với Ban đến viếng Huệ Quang, một Phật sở danh tiếng do công đức khai sơn vào năm 1970 của Hòa Thượng Thích Huệ Hưng (1917-1990).

Vào đến Tu Viện, trước khi lên thăm “Tàng Kinh Các”, linh mục Phanxicô Xaviê Bảo Lộc (Trưởng Ban Mục Vụ ĐTTLT) và các thành viên của Ban đã dâng lẵng hoa tươi thắm trước di ảnh Hòa Thượng Thích Minh Cảnh (1939-2018), Viện Chủ Tu Viện Huệ Quang, Giám Đốc Trung Tâm Dịch Thuật Hán Nôm Huệ Quang... Sau đó, trong gian phòng u nhã, vây quanh là những kệ gỗ cao với ăm ắp kinh sách, bên những chén trà thơm ngon, Ban Mục Vụ và chúng tôi được thầy Không Hạnh dành cho rất nhiều thời gian đàm đạo, chia sẻ về đạo sự *ảnh ấn* 影印 (*photographic reproduction*) độc đáo do Thư Viện Huệ Quang đảm trách suốt những năm qua, nhờ vậy đã sao chụp và in lại rất nhiều kinh điển cũng như sách xưa quý hiếm (xuất bản trước năm 1975).

Linh mục PX Bảo Lộc đã giới thiệu với thầy Không Hạnh

ĐẾN VỚI NHAU

*Dang tay bắc những nhịp cầu
Ra công lấp những hố sâu nhân tình
Mới là đáng kiếp nhân sinh...*

Đức DIÊU TRÌ KIM MẪU
TT Bình Hòa, 30-9-1974

về hoạt động của Ban, nhất là cuộc Hội Ngộ Liên Tôn thường niên, mà buổi hội ngộ lần thứ Chín với chủ đề *Nối Nhịp Văn Hóa- Tôn Giáo* sắp diễn ra vào lúc 15 giờ chiều Chúa Nhật 27-10-2019 tại Trung Tâm Mục Vụ Tổng Giáo Phận (số 6bis Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận Một). Dịp này, Ban Mục Vụ ĐTLT trang trọng tặng Thư Viện bộ *Nhịp Cầu Tâm Giao* (18 số), ghi lại những dấu ấn huynh đệ, những chia sẻ, trao đổi giáo lý giữa các đạo hữu nhiều tôn giáo trong mười năm qua. Quên cả thời gian, chúng tôi cảm thấy ấm tình “Tam Giáo” (Phật Giáo, Công Giáo, và Cao Đài) giữa lúc cơn mưa tầm tã đang trút nước xuống thành phố đã lên đèn từ lâu.

Tiền Ban Mục Vụ ĐTLT và chúng tôi ra về, thầy Không Hạnh ân cần gửi trao những túi quà lưu niệm quý báu: a/ bộ *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị* (hai tập) nức tiếng của Huỳnh-Tịnh Paulus Của (in tại Sài Gòn hai năm 1895 và 1896) và được Trung Tâm Dịch Thuật Hán Nôm Huệ Quang liên kết tái bản đầu năm 2018; b/ bộ *Tế Diên Hòa Thượng* (bốn quyển), bản dịch của Hòa Thượng Thích Minh Cảnh, do Trung Tâm Dịch Thuật Hán Nôm Huệ Quang liên kết Nxb Hồng Đức tái bản vào tháng 9-2019 nhân dịp kính lễ tiểu tường của cao tăng Thích Minh Cảnh (02-9 Kỷ Hợi). Mỗi bộ sách đều đặt trong hộp các-tông sang trọng, và mỗi tập/quyển trong từng hộp đều đóng bìa các-tông với dải lụa thắm dùng đánh dấu trang sách đọc dở (*bookmark*). Nâng niu hộp sách mỹ thuật, chúng tôi chạnh nghĩ tới các *hàm* 匣 cổ kính mà người xưa vẫn dùng để đựng và bảo quản kinh điển thánh hiền. Nay mà xưa, phải chăng đó là nét độc đặc của công cuộc *ảnh ấn Huệ Quang* mà thầy Không Hạnh và quý đồng sự đầy tâm huyết sẽ cùng lưu dấu bền bỉ với giới yêu sách cả đạo lẫn đời?



Từ trái sang, hàng đứng: thầy Thích Không Hạnh, linh mục Phanxicô Xaviê Bảo Lộc, đạo hữu Huệ Khải, thầy Văn Quang, nữ tu Maria Nguyễn Thị Ngọc Lan (Dòng Phan Sinh Thừa Sai Đức Mẹ), nữ tu Paula Tăng Ngọc Diệp (Dòng Đức Bà).

Từ trái sang, hàng ngồi: hiền huynh Giuse Bùi Văn Hóa (Phó Ban Mục Vụ ĐTLT), nữ tu Dòng Đức Bà, hiền tỷ Maria Lý Ngọc Anh (Thư Ký Ban Mục Vụ ĐTLT), nữ tu Dòng Đức Bà, hiền tỷ Maria Teresa Bùi Thị Thu Thảo (Ban Mục Vụ ĐTLT), nữ tu Dòng Đức Bà, Phật tử Thủy Tiên (Thư Viện Huệ Quang).

Ảnh: hiền huynh Phanxicô Xaviê Quang Vinh (Ban Mục Vụ ĐTLT)

BAN ẤN TỔNG

Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo

CHẬM

Mùa xuân lội suối về nhà
Cây đào đã nở mấy hoa trên cành
Cỏ vườn cũng kịp vừa xanh
Chỉ tôi là chậm vì chân tuổi già.

TRẦN THIÊN HỒNG (*Bạc Liêu*)

GIẬT MÌNH

Đã đến một ngày chẳng đợi trông
Sớm chiều bề bộn thuốc tây đông
Tác dụng tra hoài không nhớ nổi
Lịch đã lên rồi có tựa không

Đã có một ngày giữa nắng trưa
Bến quê ai gọi chủ đồ đưa
Không gian đâu phải thời gian ấy
Đã quá xa rồi chủ khách xưa

Có những quãng đường chẳng nhớ ra
Dấu bao sương gió sáng chiều qua
Ngẩn ngơ thấy lối về trăm ngã
Ngỡ đến nơi rồi sao vội xa

Đã lúc mắt mờ chân mỏi đây
Thực hư thực khoảng vơi đây
Tĩnh giấc, giật mình bao ngỡ ngác
Trắng soi hay điện sáng nơi này?

ĐỖ THỊ KẾT

NGÀY VẪN MỚI

Xin nâng niu từng giọt sương, ngọn cỏ
Cánh hoa tươi khoe sắc sớm mai hồng
Trời cao xanh người thơ thới ngắm trông
Chim ríu rít reo ca từng ngày mới

Ngày đã tới, ngày đang và mãi tới
Từng phút giây, từng hơi thở giữ gìn
Sông vẫn chảy, vẫn tiếp dòng sông chảy
Giữa oi nồng con nước vẫn trong xanh.

ĐỖ THỊ KẾT

VÍ DỤ

Ngày tôi xa lánh cuộc đời
Về ngôi chùa cũ tụng lời kinh xưa
Mắt thuyền ngày đó đóng đưa
Đã như ảo ảnh gió mưa một thời
Chỉ mong phiền lụy nhẹ trôi
Cầm ly rượu uống thấy đời ngả nghiêng
Thân đau nấu dưới cửa thiền
Sao lòng vẫn vướng những miền hợp tan.

TRẦN THIÊN HỒNG (*Bạc Liêu*)

@ Ông **Huỳnh Việt Lang**
(Los Angeles, Hoa Kỳ). Điện
thư ngày 13-7-2019:

Kính ông **Huệ Khải**,

Tôi vừa đọc bài viết **ĐỌC
LẠI THƯ NGƯỜI XƯA / TẮM
LÒNG MỘT NGƯỜI THẦY** của
ông phát hành ngày 1 tháng

12-2018 [đăng trên huekhai.blogspot.com]. Trong bài này,
ông có nêu lên một chi tiết: Khoảng năm 1983-1984 (căn cứ
theo trình tự bài viết, tôi đoán là như vậy) học giả Nguyễn
Hiển Lê đã sửa nhan đề ấn phẩm “Kính Dịch”, gạch bỏ dòng
“Đạo của người quân tử”.

Tôi đang có trong tay tác phẩm này, bản do Nxb Văn Học
phát hành lần thứ chín (2006), cũng in nhan đề là “Kính Dịch
– Đạo Của Người Quân Tử”. Thử tra thêm, tôi thấy bản phát
hành lần thứ mười một (2014) của Nxb Tổng Hợp TpHCM
cũng in nhan đề là “Kính Dịch – Đạo Của Người Quân Tử”. Tuy
nhiên, tôi nhận thấy rằng thông tin của ông Huệ Khải thì khả
tín hơn (căn cứ vào tinh thần trong các bài viết trên blog của
ông) – mặc dù, tôi không hiểu nguyên nhân khiến học giả
Nguyễn Hiển Lê điều chỉnh nhan đề ấn phẩm trên. Tôi mạo
muội nghĩ, có lẽ [Nguyễn Hiển] Lê tiên sinh cho rằng Kính
Dịch không tương thích với “Đạo của người quân tử”, nên ông
ấy mới gạch bỏ dòng này. Nhưng không tương thích ở chỗ nào
thì tôi không hiểu ra. Nếu không quá bất tiện, xin ông Huệ
Khải vui lòng cho vài gợi ý chỉ giáo cho. Mong lắm thay. Chúc
ông cùng quý quyến an lành.

GIÓ BÓN PHUÔNG

Gió muốn thổi đâu thì thổi.
GIOAN 3:8

Huệ Khải: Kính thưa ông Huỳnh Việt Lang,

Trước hết, xin cảm ơn ông đã quan tâm tới blog của tôi và
các bài viết đăng tải ở đó. Về lý do vì sao thầy Lộc Đình
Nguyễn Hiến Lê gạch bỏ dòng *Đạo của người quân tử*, tôi
cũng tiếc là thầy còn tại thế, tôi sợ ý quên hỏi cho rõ.
Còn việc “đoán mò” lý do để trả lời ông thì tôi thấy mình
không đủ khả năng. (Cười...) Mong ông thông cảm.

Kính chúc ông và bửu quyến được an hảo. Xin chào ông.

*

✉ Cụ bà **Têrêsa Trần Nguyệt Ánh:** Nguyễn Trãi, Cà Mau.
Thư ngày 22-8-2019:

Kính mến gửi thăm ông Huệ Khải và gia đình.

Mãi đến nay tôi mới gửi thư cảm ơn ông Huệ Khải về quyển
“Phúc Âm Kể Lại Theo R.F. Wilson” ông đã gửi tặng. Mà càng
chậm trễ lại càng thấm sâu lòng biết ơn... Các bài Phúc Âm
được khai triển nhiều chi tiết nhỏ rất tế nhị, đi vào lòng người
rất được trân quý...

Mấy tháng qua tôi bị suy yếu, lại thêm vụ sửa nhà. Đến nay
mọi việc đã ổn, nhà rất khang trang rồi...

Nguyện xin Chúa ban hồng ân cho gia đình, cho ông Huệ
Khải thân mến (mà nhiều người mộ mến) được nhiều sức
khỏe và tươi vui.

Huệ Khải: Cháu chào cụ Têrêsa kính mến. Đọc thư cụ viết
với nét chữ rõ ràng, khỏe khoắn, lòng cháu vui lắm khi nhớ
rằng cụ nay đã chín mươi tư tuổi ta mà trí óc vẫn minh mẫn,
đôi mắt vẫn tỏ tường và đặc biệt hơn nữa là cụ lại hay đọc
sách (kể cả những trang sách khô khan của Huệ Khải). Ngoài

ra, cụ vẫn còn có thể làm bánh, nấu ăn và làm vườn chút đỉnh được. Ông phước Chúa ban cho cụ quả là chan chứa, tràn trề.

Nhờ cầu nối của báo Công Giáo Và Dân Tộc mà vài năm nay cháu hân hạnh được thêm một bạn đọc là Kitô hữu Têrêsa rất cao tuổi ở tận Cà Mau. Cụ chẳng những đọc sách kỹ mà còn siêng viết thư cho cháu, bày tỏ cảm tưởng. Phải nói, dường như bây giờ hiếm người được như cụ.

Cháu cảm kích lời cụ cầu nguyện Chúa ban ơn cho cháu và gia đình cháu. Vâng, xin cụ luôn cầu nguyện cho chúng cháu.

Cháu cầu nguyện cụ Têrêsa và chị Cécilia Lê Thị Băng Tâm luôn an lạc trong tình thương yêu và quan phòng của Chúa Giêsu Kitô.

*

@ Hiền muội **trinh diem** (trinhdiem...@...). Điện thư ngày 06 và 08-9-2019:

** Kính thưa đạo huynh Huệ Khải,*

Đạo muội tên là Diễm, sinh hoạt tu học ở Tu Tập Sinh Hội Thánh Truyền Giáo, Tp. HCM.

Kính thưa đạo huynh, đạo muội có một việc kính nhờ đạo huynh như sau: Đạo muội có một người bạn học- soeur Anna H., dòng Mến Thánh Giá- được nhà dòng cử đi học ở Mỹ năm nay. Trong quá trình học tại Mỹ, soeur H. được học rất nhiều đạo nhưng không có đạo Cao Đài. Tuy vậy, nay soeur H. muốn tìm hiểu và làm đề tài về đạo Cao Đài.

Sœur H. có nhờ đạo muội tìm giúp tài liệu song ngữ Việt-Anh về giáo lý, lịch sử, đời sống đức tin... của đạo Cao Đài để làm đề tài.

Do điều kiện ở xa và đạo muội có rất ít kinh sách song ngữ Việt-Anh về đạo nên đạo muội mạo muội kính nhờ sự giúp đỡ của đạo huynh: Đạo huynh có thể cho muội xin links, hoặc files mềm một số sách mà đạo huynh đã viết song ngữ Việt-Anh.

Kính chúc đạo huynh cùng gia đình trọn hưởng hồng ân trong mùa đại lễ Thánh Đán Đức Điều Trì Kim Mẫu.

Kính.

Đạo muội Diễm

** Đạo muội vẫn còn nhớ câu chuyện “Con Nhà Đạo Vào Đời Thờ @” của đạo huynh tại lễ Cầu Nguyện Nhập Học năm 2006, và bốn câu thơ của đạo huynh vẫn luôn cùng đạo muội từ ngày ấy đến giờ:*

*Tạ ơn Thầy âm thầm đưa con tới
Chiếc thuyền từ giữa bể khổ đầy voi
Thân nghiệp chướng nếu không Thầy soi lối
Con làm sao thành thật biết ơn đời.*

Đạo muội xin kính chúc đạo huynh sức khỏe và xuất bản thêm nhiều đầu sách để chúng đệ muội học hiểu thêm về đạo Thầy cũng như nhiều nội dung khác.

Kính chào đạo huynh,

Đạo muội Diễm

Huệ Khải: Hiền muội Diễm quý mến, tôi vui đọc thư hiền muội. Tôi vẫn nhớ mấy buổi có dịp sinh hoạt chung với các Tu Tập Sinh tại thánh thất Trung Minh (quận 11), và rất phục cách tổ chức học tập của các bạn trẻ Cao Đài dưới sự dìu dắt của các huynh trưởng nhà đạo. Nếu tôi không lầm, hiện nay ít có nơi nào xây dựng được lớp người tiếp nối như Hội Thánh

Truyền Giáo Cao Đài. Đó là điều tôi từng xác định trong buổi nói chuyện với các bạn trẻ Truyền Giáo ở Linh Tháp (Quảng Ngãi) vào sáng Thứ Năm 11-8-2016:

Các bạn đã được sinh ra trong gia đình Cao Đài. Các bạn được Hội Thánh Truyền Giáo đoàn ngũ hóa để trở thành lớp người kế thừa, tiếp nối truyền thống Cao Đài của cha ông. Nhờ thế, sáu mươi năm nay Hội Thánh Truyền Giáo luôn luôn có sinh lực của giới trẻ phả vào mọi cuộc lễ lớn nhỏ.

Giá như nhiều nơi khác trong cộng đồng Cao Đài hiện nay cũng gây dựng được thế hệ tiếp nối giống như Hội Thánh Truyền Giáo thì mừng vui biết mấy! ⁽¹⁾

Bây giờ nói tới việc đạo muội hỏi về sách song ngữ Việt-Anh giới thiệu đạo Cao Đài. Thú thực, tôi soạn chưa được nhiều. Tính tới nay, qua hai nhà xuất bản Tôn Giáo và Hồng Đức (đều ở Hà Nội), tôi chỉ mới ấn tống được mười chín (19) tập sách Việt-Anh mong mông mà thôi. Sau khi sách phát hành, các bản tiếng Việt được đăng tại: huekhai.blogspot.com; và để tiện cho người nước ngoài, các bản tiếng Anh được đăng riêng tại: understandingcaodaim.blogspot.com.

Ngoài ra, tại daidaovanuyen.blogspot.com có đăng nhiều bài thánh giáo và khảo cứu về đạo Cao Đài, tuy chưa dịch ra tiếng Anh trọn vẹn, nhưng đều có giải thích thuật ngữ tôn giáo kèm theo tiếng Anh tương ứng để tạm “bù đắp” cho tình trạng chúng ta chưa có một quyển từ điển Cao Đài Việt-Anh khả tín (*reliable*). Tạm thời, hiền muội có thể giới thiệu soeur H. tham khảo ba địa chỉ ấy.

⁽¹⁾ Huệ Khải, *Giữ Lửa Cho Nhau*. Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2016, tr. 66.

Chúc hiền muội và các bạn trẻ Tu Tập Sinh của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài phát triển bền bỉ để trở thành lớp người tiếp nối hữu hiệu cho Hội Thánh. Mến chào hiền muội.

*

 Hiền hữu **Trần Thanh Tạo**: Quầy Kinh Sách Cao Đài (Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài), Tam Kỳ, Quảng Nam. Tin nhắn qua Facebook ngày 12-9-2019.

Với Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, theo đệ nghĩ, Thầy không cho dùng nhiều hình tượng mà hướng con cái tập trung quay về nội tâm tu luyện và phổ độ chúng sanh. Đệ nghĩ rằng Hội Thánh và các họ đạo cần nhận định rõ ràng đường hướng này để xây dựng Giáo Hội, xây dựng đường lối để phát triển. Thay vì làm nhiều việc hào nhoáng bên ngoài thì nên tập trung vào chiều sâu, tạo nội lực. Hiện nay công tác phổ độ có lẽ kém hơn trước đây. Ngày xưa phải đi bộ mà chức sắc còn tới lui với nhân sanh ở họ đạo, xã đạo nhiều hơn bây giờ.

Sáng nay đệ về xã đạo Thăng Phước (thuộc họ đạo Trung Khánh, xã Bình An, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam). Nơi này vẫn giữ nét xưa trong phần lễ. Cũng chỉ rau cháo đạm bạc để cúng tiên linh nhân ngày vía lễ rồi đem xuống quây quần cùng nhau. Vẫn phát quà trung thu với những chiếc bánh ú (còn có thêm ít quà nữa). Tổng chi phí là 820.000 đồng. Đạo hữu về tham gia được ba mươi người. Tuy rất đạm bạc nhưng cuộc lễ rất nghiêm túc, trang trọng, vui vẻ, thanh thoát. Trong xã đạo rộn rã tiếng cười.

Ban Ấn Tống: Hiền hữu quý mến, chúng tôi ở xa nhưng vẫn luôn quan tâm tới đạo sự của Quầy Kinh Sách Cao Đài mà hiền hữu và các bạn đồng chí hướng đang thực hiện đấy

năm nay trong lòng tin cậy, đỡ nâng của các hướng đạo đàn anh thuộc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài tại thành phố Tam Kỳ. Trong toàn thể các cộng đồng Cao Đài tại các tỉnh, thành hiện nay, Quầy Kinh Sách Cao Đài ở Tam Kỳ là độc nhất. Ôi! Giá như sáng kiến này được “nhân ra” ở nhiều nơi khác.

Những suy tư của hiền hữu về vấn đề hướng nội và chiều sâu để tạo nội lực, chúng tôi rất đồng cảm; do đó, xin phép được chia sẻ lại với quý bạn đạo qua mục *Gió Bốn Phương*.

Việc hiền hữu về sinh hoạt với xã đạo Thăng Phước và kể lại với chúng tôi khiến chúng tôi vui, thấy ấm lòng. Chúng tôi rất mong và luôn mong rằng hiền hữu Trần Thanh Tạo (cũng như quý đạo hữu khác), mỗi khi có dịp đi về một cộng đồng áo trắng bất kỳ, vui lòng dành thời gian viết lại và gửi tới Đạo Uyển, như một mẫu tin ngắn về sinh hoạt nhà đạo. Đó cũng là cách chúng ta nối rộng vòng tay anh chị em con chung của Thầy của Mẹ. Thân ái.

*

 Hiền huynh **Nguyễn Quốc Huân** (Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài). Bình luận trên facebook ngày 12-9-2019:

*Đang giữa mùa lá rụng
Lại nghĩ đến mai vàng
Đang ngày nắng chang chang
Lại làm thơ rét mướt
Xin hỏi người biên tập
Như thế, cực lòng không!?*

Ban Ấn Tổng: Hiền huynh Quốc Huân quý mến. Cảm ơn hiền huynh đã sớm hồi âm lời mời gọi bạn đạo Cao Đài gần xa viết bài gửi *Đạo Uyển Xuân 2020*. Hiền huynh quả chí lý:

Lời mời gọi viết bài của Ban Ấn Tổng gửi đi trong tháng 9 dương lịch, coi như đang mùa thu (vì không phải cả nước ta đều có đủ bốn mùa xuân, hạ, thu, đông); thế thì, nhà thơ lấy thi hứng ở mô mà viết thơ xuân hồng gửi đăng giai phẩm xuân Đạo Uyển!?

Bọn mình mỉm cười đọc mấy câu ngẫu hứng của hiền huynh, và thừa biết hiền huynh nói đùa cho vui. Thật vậy, những kẻ làm giai phẩm xuân như bọn mình xưa nay luôn phải lo toan đón tết trước và sớm hơn bá tánh; phải lo liệu để có sách vào đầu tháng Chạp và gửi đi các tỉnh trước ngày đưa Ông Táo châu Trời. Cuối năm, gần tết, bưu điện thường quá tải, nên không chịu nhận các bưu kiện... Làm giai phẩm hạ, thu, đông thì cũng y chang như thế, vẫn phải chạy trước cuốn lịch của nhân gian. Bọn mình khác chi những kẻ “sống vội”. Hãy mở lòng tha thứ cho những kẻ đáng thương ấy.

Nói “tha thứ” là thật; bởi lẽ sau khi đã đưa in *Đạo Uyển Thu 2019* thì có bạn gửi tới bài viết về tháng Bảy vu lan!

Dẫu biết hiền huynh Quốc Huân đùa cho vui, nhưng để đáp lại tấm lòng của hiền huynh và cũng để thay lời kết, xin làm gan gửi nhà thơ áo trắng đất Quảng mấy câu về như ri:

*Thơ xuân mà đợi mai vàng
Để cho thi hứng nó tràn chảy ra
Bấy giờ mới gửi “người ta”
Thì xuân giai phẩm in đã xong xuôi
Quốc Huân huynh hỡi, huynh ơi!*

*

@ Hiền huynh **Lê Văn** (Trung Hưng Bửu Tòa, Đà Nẵng). Điện thư ngày 26-9-2019:

Câu "Bồ giả, Phổ giả. Tát giả, Tế giả" có hay không? Nếu có, xin Đạo Uyển cho biết ý nghĩa. Trân trọng cảm ơn. Kính chúc quý đạo huynh, đạo tỷ trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo sức khỏe, nhiều thuận lợi trong hồng ân Thầy Mẹ.

Huệ Khải: Hiền huynh kính mến, câu này đúng ra là Bồ giả phổ dã, Tát giả tế dã. 菩者普也, 薩者濟也.

Trong sách Ấu Học Quỳnh Lâm 幼學瓊林 của Trình Đăng Cát 程登吉 đời Minh, quyển 4, mục 6: Thích Đạo Quỷ Thần 釋道鬼神 (quỷ thần trong đạo Phật và đạo Lão) có câu: Bồ giả phổ dã, Tát giả tế dã, tôn xưng thần chi, cố hữu Bồ Tát chi dự. 菩者普也, 薩者濟也, 尊稱神祇, 故有菩薩之譽.

Ý nghĩa: Bồ là phổ (rộng khắp; everywhere) vậy, Tát là tế (cứu giúp; helping) vậy, tôn xưng thần linh nên có lời khen Bồ Tát.

Như thế, Bồ giả phổ dã, Tát giả tế dã nhằm giải thích rằng Bồ Tát là phổ tế, cứu giúp rộng khắp. (Phổ tế đồng nghĩa với phổ độ 普度.)

Nói thêm: Chữ độ 度 (渡) hay tế nghĩa là từ bờ này sang bờ bên kia, qua sông, sang sông. Cho nên kinh điển nói tế độ 濟渡 nghĩa là cứu vớt người đời ra khỏi biển khổ, giống như vớt kẻ chết đuối lên thuyền chở sang bờ bên kia (đáo bỉ ngạn 到彼岸). Chánh pháp (dharma) vì thế ví như thuyền bát nhã (prajna boat) vớt người chìm đắm trong biển khổ (cõi trần).

*

@ Hiền hữu **Ngọc Thiện Thanh**. Điện thư ngày 02-10-2019:

Ở họ đạo của tề đệ có một vài huynh trưởng cao niên tha thiết muốn tìm cách gây dựng lớp trẻ con em nhà Đạo, mong ước sau này sẽ có được những người tiếp nối cho họ đạo nói riêng cũng như cho Đại Đạo nói chung. Trong lúc bàn bạc tìm một tên gọi phù hợp thì có ý kiến rằng hãy gọi tập thể này là "thanh thiếu niên" thay vì gọi theo xu thế lai căng hiện nay là "tuổi teen". Ý kiến này khiến nảy sinh thắc mắc: Thế nào là thanh thiếu niên? Ai thuộc lứa tuổi thanh thiếu niên? Tiếc là ngay cả vị đưa ý kiến cũng chưa giải thích đủ thuyết phục. Vậy, kính nhờ Đạo Uyển giải thích giúp. Tề đệ rất cảm ơn.

Huệ Khải: Hiền hữu mến, câu hỏi của hiền hữu thật ra không dễ trả lời chút nào. Tạm nói thế này: Thanh thiếu niên 青少年 (adolescents) là lứa tuổi gồm thiếu niên và thanh niên, chưa thành người lớn (adults). Hiện nay không có độ tuổi chuẩn để xác định ai là thanh thiếu niên, nhưng người ta tạm quy ước là từ mười tới mười chín tuổi. Sau đây là hai thông tin mang tính chuyên môn của Hoa Kỳ và của Tổ Chức Y Tế Thế Giới,⁽²⁾ có lẽ hữu ích để hiền hữu tham khảo.

1. Từ Điển Bách Khoa Anh (Encyclopædia Britannica), bản điện tử cập nhật ngày 14-6-2019,⁽³⁾ cho biết: Tổ Chức Y Tế Thế Giới (WHO) định nghĩa một thanh thiếu niên là bất kỳ ai tuổi từ mười tới mười chín.⁽⁴⁾

2. Năm 2002, Hội Tâm Lý Hoa Kỳ (American Psychological Association) ở thủ đô Washington xuất bản một tài liệu 41

(2) Trích: Thánh Giáo Về Thanh Thiếu Niên (Huệ Khải sẽ ấn tống).

(3) <https://www.britannica.com/science/adolescence>.

(4) The World Health Organization (WHO) defines an adolescent as any person between ages 10 and 19.

trang với nhan đề: *Các Thanh Thiếu Niên Đang Phát Triển: Tham Khảo Dành Cho Các Nhà Chuyên Môn (Developing Adolescents: A Reference for Professionals)*. Trong Lời Mở Đầu (Preface), trang 1, tài liệu này viết:

Hiện nay không có một định nghĩa chuẩn mực về “thanh thiếu niên”. Mặc dù thường được căn cứ vào độ tuổi, nhưng đây chỉ là một cách định nghĩa thanh thiếu niên. Thanh thiếu niên còn có thể được định nghĩa theo nhiều cách khác, chẳng hạn xem xét các yếu tố như là sự phát triển về thể lực, tính xã hội, và tinh thần (trí não) cũng như lứa tuổi. Ví dụ, thanh thiếu niên có thể định nghĩa theo cách khác, là quãng thời gian từ lúc bắt đầu dậy thì cho tới khi cá nhân ấy không còn phải lệ thuộc về kinh tế. Điều quan trọng nhất là xem xét cẩn thận các nhu cầu và năng lực của mỗi thanh thiếu niên. Vì mục đích của tài liệu này, thanh thiếu niên nói chung được định nghĩa là các bạn trẻ tuổi từ mười tới mười tám.⁽⁵⁾

Ngay sau đoạn văn dẫn trên, cùng trang 1, tài liệu cho một chú thích tỉ mỉ như sau:

⁽⁵⁾ There is currently no standard definition of “adolescent.” Although often captured as an age range, chronological age is just one way of defining adolescence. Adolescence can also be defined in numerous other ways, considering such factors as physical, social, and cognitive development as well as age. For example, another definition of adolescence might be the period of time from the onset of puberty until an individual achieves economic independence. What is most important is to consider carefully the needs and capabilities of each adolescent. For the purposes of this document, adolescents are generally defined as youth ages 10 to 18.

Không có một độ tuổi chuẩn để định nghĩa thanh thiếu niên. Các cá nhân có thể bắt đầu là thanh thiếu niên trước tuổi lên mười, y hệt như một số khía cạnh của thanh thiếu niên thường tiếp tục phát triển sau tuổi mười tám. Mặc dù mức trên của giới hạn tuổi đôi khi được xác định là lớn hơn tuổi mười tám (ví dụ, hai mươi một hay hai mươi lăm), có một sự đồng thuận phổ biến rằng nên xem thanh thiếu niên là những người trong độ tuổi từ mười tới mười tám. Tuy nói như vậy, song các nhà chuyên môn làm việc với các bạn trẻ lớn hơn mười tám tuổi vẫn có thể tìm thấy thông tin liên quan chứa trong tài liệu này để hiểu được thân chủ của mình.⁽⁶⁾

Họ đạo của hiền hữu ưu tư về việc gây dựng một tập thể thanh thiếu niên để làm thế hệ tiếp nối quả là điều rất quý và rất đáng trân trọng. Tôi đồng ý với hiền hữu rằng “nói trước bước không qua”; vì vậy xin nghe theo đề nghị của hiền hữu là ẩn danh họ đạo, và chúc nguyện quý họ đạo sẽ sớm hiện thực được ước vọng rất chánh đáng này.

*

✉ Hiền hữu **Trương Ngọc Hải**: xã An Bình Tây, huyện Ba

⁽⁶⁾ There is no standard age range for defining adolescence. Individuals can begin adolescence earlier than age 10, just as some aspects of adolescent development often continue past the age of 18. Although the upper age boundary is sometimes defined as older than 18 (e.g., age 21 or 25), there is widespread agreement that those in the age range of 10 to 18 should be considered adolescents. That being said, professionals who work with young adults over age 18 may still find the information contained in this report to be relevant for understanding their clients.

Tri, tỉnh Bến Tre. Thư ngày 10-10-2019:

Kính thưa Ban Ấn Tống, xin nhờ quý vị giảng nghĩa giúp bốn chữ “phi Đạo hoằng nhân” của Đức Khổng Tử. Rất cảm ơn Ban Ấn Tống.

Huệ Khải: Hiền hữu mến, *Luận Ngữ*, thiên 15, câu 29, chép: 子曰: 人能弘道, 非道弘人. *Tử viết: Nhân năng hoằng Đạo, phi Đạo hoằng nhân.* Xưa nay, cụm từ “phi Đạo hoằng nhân” hoàn toàn không dễ hiểu; các sách thường chỉ dịch theo mặt chữ nên tối nghĩa. Chẳng hạn:

1. James Legge (1815-1897, Tô Cách Lan) dịch: *The Master said, “A man can enlarge the principles which he follows; those principles do not enlarge the man.”*

2. Charles Muller (sinh năm 1953, Mỹ) dịch: *The Master said: “It is the person who unfolds the Way. It is not the Way that unfolds the person.”*

3. Lê Anh Minh dịch: *Khổng Tử nói: Con người có thể làm cho Đạo phát triển lớn mạnh chứ Đạo không làm cho con người phát triển lớn mạnh.*

Cả ba cách dịch dẫn trên tương tự về nghĩa, nhưng đều là dịch theo mặt chữ, nên không giúp chúng ta sáng tỏ ý gì, mà ba người dịch cũng không giải thích.

4. Nguyễn Hiến Lê (1912-1984) dịch: *Khổng Tử nói: Người ta có thể làm cho Đạo rộng lớn lên; Đạo không làm cho con người rộng lớn được.*

Người dịch chú thích:

Ý muốn nói: Con người chủ động, làm cho Đạo sáng thêm, rộng thêm được; nếu con người bị động, cố chấp, giữ đúng

Đạo thì Đạo chỉ làm cho con người hóa hẹp hòi thôi. Trách nhiệm ở người chứ không phải Đạo.

5. Dương Bá Tuấn 楊伯峻 (1909-1992) chú thích câu *Nhân năng hoằng Đạo, phi Đạo hoằng nhân* như sau:

*Khổng Tử thật sự muốn nói gì và như thế nào là phi Đạo hoằng nhân, những điều đó rất khó để lĩnh hội. Chu Hy [朱熹 (1130-1200)] miễn cưỡng giải thích thêm, còn Trình Hạo [程顥 (1032-1085)] thì nói trong “Luận Ngữ Tập Chú Thuật yếu” rằng: “Chương [câu?] này không phải khó giải thích nhất mà là đáng nghi ngờ nhất”, do đó chúng tôi không suy đoán gì thêm nữa.” (Dương Bá Tuấn, *Luận Ngữ Chú Giải*. Ngô Trần Trung Nghĩa dịch. Hà Nội: Nxb Văn Học, 2019, tr. 374-375)*

Tóm lại, ngay cả các tác gia Trung Quốc cổ kim cũng thấy cụm từ “phi Đạo hoằng nhân” khó hiểu (và khả nghi). Như vậy, để cho “an toàn”, khi cần trích dẫn thì chúng ta chỉ nên dùng phân nửa đầu (*Nhân năng hoằng Đạo*) mà thôi.

Nhân đây, xin nói qua về danh gia Dương Bá Tuấn.⁽⁷⁾

Dương Bá Tuấn là con cả của Dương Thụ Cốc 楊樹穀, còn gọi là Dương Đức Sùng 楊德崇. Bá Tuấn thuở ấu thơ sớm được ông nội dạy cho đọc *Luận Ngữ*, và *Tả Truyện*. Nhưng người ảnh hưởng Bá Tuấn nhiều nhất là triết gia Dương Thụ Đạt 楊樹達, cũng là chú (hay bác) ông.

Năm 1926 Bá Tuấn trúng tuyển vào khoa Trung Văn của Bắc Kinh Đại Học, tốt nghiệp năm 1932. Ông làm phó giáo sư tại khoa Trung Văn này năm 1953 và bắt đầu soạn *Luận Ngữ*

⁽⁷⁾ Tham khảo: https://en.wikipedia.org/wiki/Yang_Bojun#cite_note-li-1

Dịch Chú 論語譯註 (xuất bản năm 1958). Khoảng năm 1957, do xã hội xáo trộn, ông bị thuyền chuyển tới Lan Châu Đại Học ở tỉnh Cam Túc xa xôi, vẫn dạy Trung Văn. Tại đây ông soạn *Mạnh Tử Dịch Chú* 孟子譯註 (xuất bản năm 1960).

Năm 1960 ông trở lại Bắc Kinh, làm việc cho Trung Hoa Thư Cục Hữu Hạn Công Ty 中華書局有限公司, và bắt đầu soạn *Xuân Thu Tả Truyện Chú* 春秋左傳註. Ông bỏ ra hai mươi năm cặm cụi làm việc mới hoàn thành bản chú giải này (xuất bản năm 1981) và nổi tiếng. Năm 1990 sách này được hiệu đính và tái bản. Ngoài ra, Bá Tuấn và vợ là Từ Đề 徐提 có hợp soạn *Tả Truyện Từ Điển* (xuất bản năm 1985).



Dương Bá Tuấn
(những năm 1950)

*

@ Hiền muội **Minh Tuyết**, Điện thư ngày 15-10-2019:

Tại thánh tịnh An Tiên (Chợ Lách, Bến Tre), đàn cơ lúc Tý thời, mừng 01 rạng mừng 02 tháng 02 Đinh Mùi (11 rạng 12-3-1967), Đức Tam Trấn Oai Nghiêm Quan Âm Bồ Tát dạy:

“Nhưng than ôi! Chỉ tiếc vì tự ngàn xưa, giới nữ lưu đã bị gán những tiếng như nữ thường tình, tay yếu chơn mềm,

*quần vận yếm mang, phụ nơn nan hóa, nhược chất liễu bờ, **khê hắc chi tâm, lá lâm chi khẩu.**”*

Kính nhờ Đạo Uyển giải thích cho đạo muội tám chữ **khê hắc chi tâm, lá lâm chi khẩu**. Xin cảm ơn Ban Ấn Tống.

Huệ Khải: Tám chữ in đậm viết theo cấu trúc chữ Hán **A chi B**; trong đó A bổ nghĩa (*modifying*) cho B. Thí dụ: *mẫu tử chi tình* 母子之情 tức là tình mẫu tử, tình mẹ con; *thiên địa chi tâm* 天地之心 tức là lòng trời đất (vô tư, không thiên vị).

1. Điển ký hay người sao chép thánh giáo đã nhầm lẫn khi viết **khê hắc**. Đúng ra là **khê hác**.

Khê 溪 là suối, lạch, khe nước, dòng nước trong núi. **Hác** 壑 là khe nước trong núi, ngòi nước, rãnh nước hẹp. **khê hác chi tâm** 溪壑之心 là lòng dạ hẹp hòi, lắt léo như suối khe quanh co trong núi (không rộng như sông lớn, biển cả).

2. Xét cụm từ **lá lâm chi khẩu**, thì **lá** là chữ Việt, còn **lâm chi khẩu** là chữ Hán. Vậy không thể kết hợp theo cấu trúc chữ Hán **A chi B** được. Tôi e rằng điển ký hay người sao chép thánh giáo đã viết sai chữ **lá**. Do đó, không thể nói ý nghĩa cụm từ này là gì.

*

NHẮN TIN: Ngày 09-9-2019, đạo hữu NGUYEN THI BAO CHI có giúp đạo hữu NGUYEN THANH AN (thánh thất Phú Sơn, Lâm Đồng) gửi 500.000 đồng công quả ấn tống (chuyển khoản qua ACB). Kính mời quý ân nhân vui lòng liên lạc với Ban Ấn Tống (điện thoại 0909490918). Trân trọng cảm ơn quý ân nhân.

Quý ân nhân công quả ấn tống bằng cách chuyển khoản qua ngân hàng, vui lòng ghi rõ họ tên và số điện thoại để Ban Ấn Tống tiện liên lạc. Xin cảm ơn quý ân nhân.



KINH SÁCH MỚI IN

"... mỗi ngày phải chừa một giờ để đọc thánh kinh hiền triết." Đức GIÁO TÔNG VÔ VI ĐẠI ĐẠO
Vạn Quốc Tự, Sài Gòn, 15-11 Ất Tỵ (07-12-1965)

Sách ấn tống quý Bốn năm 2019 liên kết Nxb Hồng Đức:

127-1. CỐ NHỮNG MÙA SAO. Huệ Khải, 2019, in 1.800 quyển, do công quả **11.945.000** VNĐ của quý ân nhân phước danh như sau:

- | | |
|--|-----------|
| 1. ĐH HOÀNG & ĐT LAN BÙI (Calif., Hoa Kỳ). Gởi 100 USD ngày 15-8. Đợt 150. | 2,315,000 |
| 2. ĐT TRẦN NGỌC NỮ (đàn Minh Khai, Cao Đài Chiếu Minh, Hoa Kỳ).
Gởi 200 USD ngày 15-8. Đợt 150. | 4,630,000 |
| 3. ĐH YE-SHAN CHEN (Daklak, HT Truyền Giáo Cao Đài). Gởi đợt 152. | 5,000,000 |

128-1. NƠI NÀO THƯƠNG YÊU THÌ CÓ THẤY. Lev Tolstoy, Huệ Khải dịch, 2019, in 2.000 quyển, do công quả **12.000.000** VNĐ của quý ân nhân phước danh như sau:

- | | |
|---|------------|
| 1. Giác linh hiền tử NGUYỄN THỊ CÚC (Vĩnh Nguyên Tự, Cần Giuộc, Long An),
gởi đợt 148. | 10,000,000 |
| 2. Gia đình hiền huynh HUỖNH VĂN AN và hiền tử TRẦN THỊ THU VÂN (Texas, Hoa Kỳ), công quả hai triệu đồng (gởi 100 USD, đợt 26). | 2,000,000 |

ĐẠO UYẾN XUÂN 2020 (tập 33), in 1.800 quyển, do công quả **17.200.000** VNĐ của quý ân nhân phước danh như sau:

- | | |
|---|-----------|
| 01 Giác linh ĐH DƯ VẤN YẾU (1934-2012), Chánh Trị Sự họ đạo Bình Thạnh, HTCD Tây Ninh. Trảng Bàng, Tây Ninh. Gởi đợt 151. | 500,000 |
| 02 ĐT ĐÀO THỊ TẤN (Cơ Quan PTGL Đại Đạo). Gởi đợt 152. | 500,000 |
| 03 ĐT ĐẶNG THỊ NGỌC DUNG (TTi Ngọc Điện Huỳnh Hà, HTCD Tiên Thiên).
Gởi đợt 151. | 1,000,000 |
| 04 Giác linh ĐT HUỖNH THỊ LỖI, 84 tuổi (TT An Thạnh, HTCD Ban Chính Đạo).
Bến Lức, Long An. Gởi đợt 149, 151. | 1,700,000 |
| 05 Giác linh ĐT LÂM THỊ ĐẰM (1929-2019). Bàu Trăn, Nhuận Đức, Củ Chi.
Gởi đợt 151. | 500,000 |

- | | |
|---|-----------|
| 06 ĐT LÊ THỊ NGHI DUNG (Cơ Quan PTGL Đại Đạo). Gởi đợt 140. | 200,000 |
| 07 ĐH NGUYỄN DUY CHÍNH. California, Hoa Kỳ. Gởi đợt 147. | 300,000 |
| 08 ĐH NGUYỄN THANH THỪA (TT Trung Đức, HT Truyền Giáo CD). Gởi đợt 151. | 500,000 |
| 09 Gia đình ĐT NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT (HTCD Tây Ninh). Hiệp Tân, Hòa
Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 145. Hồi hướng cứu huyền thất tổ. | 1,500,000 |
| 10 ĐH NGUYỄN VĂN KIỂM (TT Thành Công, HTCD Ban Chính Đạo). Ấp Gò Lức,
xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông, Tiền Giang. Hồi hướng giác linh cha (ĐH
Nguyễn Văn Hết, thọ 82 tuổi) và mẹ (ĐT Lê Thị Kinh, thọ 79 tuổi). Gởi đợt 149. | 5,000,000 |
| 11 Giác linh ĐH NGUYỄN VĂN THÂN (TT An Thạnh, HTCD Ban Chính Đạo),
Bến Lức, Long An. Gởi đợt 150, 151. | 3,000,000 |
| 12 Hai cháu PHẠM NHỰT TRƯỜNG, PHẠM QUẾ TRÂM (TT Nhựt Chánh, HTCD Ban
Chính Đạo), Bến Lức, Long An. Gởi đợt 151. | 500,000 |
| 13 Bác sĩ PHAN MINH CHIẾU (TT An Thạnh, HTCD Ban Chính Đạo), Bến Lức,
Long An. Gởi đợt 151. | 500,000 |
| 14 ĐH PHAN VĂN TIỂU (TT An Thạnh, HTCD Ban Chính Đạo), Bến Lức, Long An.
Gởi đợt 151. | 500,000 |
| 15 Gia đình ĐT TRẦN THỊ THỜI (TT Nhựt Chánh, HTCD Ban Chính Đạo), Bến Lức,
Long An. Gởi đợt 151. | 1,000,000 |

PHƯƠNG DANH QUÝ ÂN NHÂN CÔNG QUẢ ẤN TỐNG

Đợt Một Trăm Năm Mười Một: Từ ngày 01-9-2019 đến ngày 30-9-2019

Môn sanh, đạo tâm:

- | | |
|---|---------|
| 01 Giác linh ĐT LÂM THỊ ĐẰM (1929-2019). Bàu Trăn, Nhuận Đức, Củ Chi. Gởi 13-9. | 500,000 |
|---|---------|

HỘI THÁNH CAO ĐÀI BAN CHÍNH ĐẠO

- | | |
|---|-----------|
| 02 Giác linh ĐT HUỖNH THỊ LỖI, 84 tuổi (TT An Thạnh), Bến Lức, Long An. Gởi 08-9. | 1,000,000 |
| 03 ĐT NGUYỄN THỊ BẢO CHÍ CK NGUYỄN THANH AN (TT Phú Sơn), Lâm Đồng. Gởi ACB 09-9. | 500,000 |
| 04 Giác linh ĐH NGUYỄN VĂN THÂN (TT An Thạnh), Bến Lức, Long An. Gởi 08-9. | 1,000,000 |
| 05 Hai cháu PHẠM NHỰT TRƯỜNG, PHẠM QUẾ TRÂM (TT Nhựt Chánh), Bến Lức. Gởi 17-9. | 500,000 |
| 06 Bác sĩ PHAN MINH CHIẾU (TT An Thạnh), Bến Lức, Long An. Gởi 17-9. | 500,000 |
| 07 ĐH PHAN VĂN TIỂU (TT An Thạnh), Bến Lức, Long An. Gởi 17-9. | 500,000 |
| 08 Gia đình ĐT TRẦN THỊ THỜI (TT Nhựt Chánh), Bến Lức, Long An. Gởi 17-9. | 1,000,000 |

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH

- | | |
|---|---------|
| 09 Giác linh ĐH DƯ VẤN YẾU (1934-2012), CTS họ đạo Bình Thạnh (Trảng Bàng). Gởi 13-9. | 500,000 |
|---|---------|

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TIÊN THIÊN

- | | |
|--|-----------|
| 10 ĐT ĐẶNG THỊ NGỌC DUNG (TTi Ngọc Điện Huỳnh Hà). Gởi 15-9. | 1,000,000 |
|--|-----------|

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

11 ĐH NGUYỄN THANH THỨA (TT Trung Đức). ☎077553xxx. Gởi 03-9. 500,000

Tổng cộng: **7,500,000 VNĐ**

Đợt Một Trăm Năm Mười Hai: Từ ngày 01-10-2019 đến ngày 21-10-2019 (còn tiếp)

Môn sanh, đạo tâm:

01 ĐT ĐÀO THỊ TẤN (Cơ Quan PTGL Đại Đạo). Gởi 12-10. 500,000

02 ĐT TRẦN NGỌC THỦY (Cần Thơ). Hồi hướng giác linh thân phụ (ĐH Trần Văn Tiến, 87 tuổi) và giác linh thân mẫu (ĐT Lê Thị Yên, 89 tuổi). Gởi 16-10. 3,000,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI MINH CHƠN ĐẠO (CÀ MAU)

03 ĐT NGUYỄN HỒNG TỬ PHƯỚC (TT Thành Tâm Đàn). Kính Xáng, Phụng Hiệp, Khóm 1, P Tân Thành, Cà Mau. Hồi hướng giác linh cha mẹ (ĐH Nguyễn Văn Mới và ĐT Võ Thị Quấn), giác linh LS Thái Bang Thanh (Nguyễn An Bang). Gởi 21-10. 600,000

04 ĐH NGUYỄN TẤN TRIỀU (TT Thành Tâm Đàn). Gởi 21-10. 200,000

05 ĐT TỬ THỊ NHUNG (TT Thành Tâm Đàn). 200,000

Hồi hướng giác linh LS Thái Bang Thanh (Nguyễn An Bang). Gởi 21-10.

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH

06 ĐT LÊ THỊ HƯƠNG. Bàu Nặng, Dương Minh Châu, Tây Ninh. Gởi 08-10. 100,000

07 ĐT LÊ THỊ LỢI. Xã Phan, Dương Minh Châu, Tây Ninh. Gởi 08-10. 100,000

08 ĐT NGUYỄN THỊ NGỌC HƯƠNG. Long Vĩnh, Châu Thành, Tây Ninh. Gởi 08-10. 100,000

09 ĐH TRẦN CÔNG ANH. Hòa Thành, Tây Ninh. Gởi 08-10. 200,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TIỀN THIÊN

10 Gia đình cố hiền huynh NGÔ VĂN HAI (TTi Ngọc Điện Huỳnh Hà). Kính hồi hướng giác linh Giáo Hữu NGỌC HAI THANH và Cửu Huyền Thất Tổ. Gởi 20-10. 10,000,000

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

11 ĐH YE-SHAN CHEN. Daklak. Gởi 08-10. 5,000,000

Tổng cộng: **20,000,000 VNĐ**

Ban Ấn Tổng kinh thành biết ơn tất cả quý đạo hữu ân nhân đã tin cậy trợ duyên để Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo có điều kiện tiếp tục hành đạo bền bỉ.

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM**NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC**

65 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com

Điện thoại: 024.39260024 – Fax: 024.39260031

ĐẠO UYỂN XUÂN 2020

HUỆ KHẢI chủ biên

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc: BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng biên tập: LÝ BÁ TOÀN

Biên tập: PHAN THỊ NGỌC MINH

Sửa bản in: DIỆU NGUYỄN, LÊ ANH MINH

Vẽ bìa & Trình bày: NGÔ BÁI THIÊN

In 1.800 cuốn, khổ 14,5cm x 20,5cm tại Xí Nghiệp In FAHASA
774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TpHCM.

☎ 028.38153971 – Fax: 028.38153297.

Số XNĐKXB: 3950-2019/CXBIPH/29-64/HĐ

Số QĐXB của NXB: 718/QĐ-NXBHĐ, cấp ngày 19-10-2019.

In xong và nộp lưu chiểu năm 2019.

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-89-3600-6

Thư từ, bài viết, thỉnh sách, xin gởi về: daidaovanuyen@gmail.com

Bản điện tử trên Internet, xem tại: daidaovanuyen.blogspot.com